PHƯƠNG DANH ẤN TỐNG
KINH DI GIÁO GIẢNG GIẢI

Diệu Thảo (Hiền Đặng)	700
Duyên Bình	500
Tịnh Từ	500
Cao Kim Sì	300
Cao Kim Sen	300
Cao Kim Len	300
Jennifer Ong	300
Cao Kim Du pd Đại Từ	300
Hương linh Tăng Khiều pd. Thiện danh	500
Hương linh Dư Thị Vĩnh pd Thiện Duyên	500
Diệu Lượng	100
Tâm Chiếu	50
Quang Hương	20
Thuận Lễ	50
Thân Hằng	50
Trung Lan & Trung Đồng	50
Diệu Pháp 2	50
Diệu Nguyệt	50
Chơn Trì	20
Tịnh Hương	20
Diệu Phủ	50
Hiếu Hoa	50
Từ Nhẫn	50
Bảo Khánh	50
Huệ Phương	30
Ngọc Lộc	20
Chân Diệu Thông	30
Tín Hiền Chánh	30
Mỹ Liên	50
Diệu Niệm	20
Như Hương	50
Diệu Ân	20
Ngọc Quí	50
Tâm Thể	20
Diệu Hiếu	50
Diệu Hương	20
Huệ Hiền	20
Quảng Lộc	20
Chân Hiền Đạo	20
Lệ Nghiêm	30
Tắc Hượng	100
Huệ Hiếu & M. Quang	100
Mỹ Hân	100
Minh Quang	50
Olivia Thanh Aung	50

Hồi hướng cầu siêu:

Hl. Hoàng Thu Dung	50
Hl. Huỳnh Nguyệt Vân	50
Hl. Huỳnh Ngọc Hải	50
Hl. Đỗ Thị Bảy	50
Hl. Nguyễn Hồng Vân	50
Hl. Trần Thị Lan	50
Hl. Dương Bô	50
Hl. Nguyễn Văn Miêng	50
Hl. Dương Kim Lang	50
Hl. Lưu Thị Đạt	50

sớm vãng sanh Tịnh độ

Nguyện đem công đức nầy
Hướng về khắp tất cả
Đệ tử và chúng sanh
Đều trọn thành Phật đạo.

LỜI ĐẦU SÁCH

Kinh Di Giáo là một bộ kinh mà đại đa số người xuất gia đều phải học. Chúng tôi dùng chữ "Phải" trong tiếng Anh gọi là "must be", chớ không phải "have to". Động từ must be nó có nghĩa là bắt buộc phải làm. Còn động từ "have to" cũng có nghĩa là phải, nhưng không có bắt buộc, có thể làm mà cũng có thể không làm. Nói thế để thấy rằng, bản kinh này bắt buộc người xuất gia nào cũng phải học. Ngoài bộ kinh này ra, người xuất gia còn phải học Kinh Tứ Thập Nhị Chương và bộ Luận Qui Sơn Cảnh Sách. Vì tánh cách quan trọng của những bộ kinh này nên trong thiền môn thường gọi là Phật Tổ Tam Kinh. Riêng kinh này, ngoài những lời ân cần nhắc nhở dặn dò tha thiết của đức Phật, nó còn mang một ý nghĩa rất sâu sắc và thực tế. Đọc bản kinh này, ta mới thấy được tấm lòng từ bi cao cả vô lượng vô biên của đức Phật.

Thông thường, chúng ta hay nói là Phật nhập Niết bàn. Nói thế không hẳn là sai, nhưng xét kỹ cũng chưa hẳn là đúng lắm. Nếu nói đúng thì chỉ mới đúng có một phần thôi. Vì sao? Vì đúng, là chỉ đứng về phương diện ứng thân Phật ra đời ở Ấn Độ mà nói. Còn không đúng là vì sau ngày Phật thành đạo dưới cội cây Tất bát la (Bồ đề) là Ngài đã vào Niết bàn rồi. Vì Niết bàn có rất nhiều nghĩa: Diệt, Diệt độ, Diệt tịch, Bất sanh, Vô vi, An lạc, Giải thoát... Thế thì, có lúc nào mà Phật không ở trong Niết bàn, đâu phải đợi đến 80 tuổi Ngài đến xứ Kushinagar mới gọi là nhập Niết bàn. Chẳng qua, Ngài chọn nơi đó để xả bỏ báo thân của Ngài đó thôi. Vì thế, hiện tượng Phật nhập Niết bàn ta có thể hiểu đó là theo Thế giới tất đàn, Tích môn hay Tục đế. Còn đứng về phương diện Đệ nhứt nghĩa tất đàn, Bản môn hay

Chơn đế thì không thể nói như thế. Vì có lúc nào mà Phật không an trú trong Niết bàn?

Bộ Kinh Di Giáo này, có thể coi như là những lời trăn trối phó chúc sau cùng của đức Phật. Ngài khuyến nhắc dặn dò các Thầy Tỳ kheo, sau khi Ngài nhập diệt phải lấy giới luật làm Thầy. Đồng thời, nếu có gì chưa rõ thông suốt những lời Ngài dạy thì nên trình bày những điều nghi vấn để Ngài giải thích.

Kinh này xuất hiện ở Trung Quốc vào thời đại Diêu Tần (384 – 417), và bản kinh do Ngài Cưu ma la thập dịch. Căn cứ vào bản dịch đó mà có nhiều nhà nghiên cứu và chú giải làm cho quyển kinh ngày càng phong phú phổ cập và được mọi người quan tâm chú trọng nhiều hơn.

Riêng bản thân chúng tôi, những năm còn ở Phật học viện, tôi rất may mắn được học qua bộ kinh này. Vì trong chương trình của những năm học cấp Sơ đẳng, đã được quý Thầy trong Ban Giảng Huấn giảng dạy chúng tôi qua các bộ Kinh Luận căn bản: Luận Qui Sơn Cảnh Sách, Kinh Tứ Thập Nhị Chương và Kinh Di Giáo v.v... Nay chúng tôi thể theo sự yêu cầu của học chúng Tổ Đình Phước Huệ mà chúng tôi mạo muội cố gắng biên soạn để đem ra giúp cho quý vị đó.

Vẫn biết, khả năng kiến thức Phật pháp của chúng tôi vẫn còn giới hạn nông cạn, kinh nghiệm tu tập vẫn còn non kém, nhưng vì muốn thể hiện tinh thần "Lục Hòa" Phật dạy, gọi là "Kiến hòa đồng giải", đem chỗ sở học hiểu biết nông cạn của mình được bao nhiêu thì giúp bấy nhiêu. Đồng thời, khi biên soạn cũng là cơ hội tốt để chúng tôi dồi mài nghiên tầm học hỏi thêm. Như vậy,

MỤC LỤC

Lời Đầu Sách 1
A. Phần Tựa 4
B. Phần Chánh Tông 12
I- Cộng Pháp Yếu 12
1. Đối Trị Tà Nghiệp 12
a. Căn bổn tịnh 12
b. Phương tiện thanh tịnh 16
c. Minh giới đức 43
d. Hiển giới ích 44
2. Đối Trị Khổ Vọng 50
a. Khổ do căn và dục buông lung 50
b. Khổ về tham cầu ăn uống 69
c. Khổ về biếng nhác ngủ nghỉ 77
II- Tam Thừa Cộng Học 92
1. Đối Trị Phiền Não 92
a. Đối trị sân hận 92
b. Đối trị kiêu mạn 107
c. Đối trị siểm khúc 111
2. Bất Cộng Pháp Yếu 113
a. Thiểu dục 114
b. Tri túc 119
c. Viễn ly 124
d. Tinh tấn 130
e. Bất vọng niệm 134
f. Thiền định 139
g. Trí huệ 143
h. Không hý luận 146
C. Phần Lưu Thông 150
1. Cần tu 150
2. Chứng quyết 155
3. Đoạn nghi 161
a. Hiển dư nghi 161
b. Đoạn dư nghi 162
c. Trùng khuyến tu 165
4. Chúc đối 172

bùi ngùi, xao xuyến cảm xúc trong lòng. Tôi cố gắng kềm lòng xúc động để có thể viết tiếp, nhưng biết nói gì nữa đây. Bởi vì ngôn ngữ bất lực, hơn nữa, lời lẽ văn chương của mình quá kém cỏi, không thể diễn tả hết nỗi lòng tâm tư cảm xúc của mình. Chỉ biết thành tâm cúi đầu đảnh lễ ngưỡng nguyện đức Phật từ bi thương xót chứng minh cho tấm lòng thành kính của một kẻ dại khờ tăm tối, dâng lên đôi lời bộc bạch non nớt, nhưng rất chơn chất thật tình.

Ngưỡng bạch Đức Thế Tôn, những gì con luận giải đôi điều qua những lời Phật dạy, con chỉ có một tấm lòng thành kính dâng lên cúng dường đức Thế Tôn, nếu con viết có điều gì sai sót không nhằm đúng ý của đức Thế Tôn, thì xin Ngài cho con hết lòng sám hối. Vì ba nghiệp của con chưa được thanh tịnh, nên gây ra có nhiều sai sót lầm lỗi, ngưỡng mong Ngài thương tưởng kẻ ngu ngơ khờ dại này mà hỷ xả cho con.

Ngưỡng nguyện đấng Đại từ Đại Bi Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật tác đại chứng minh.

Soạn xong tại Pháp Lạc Thất

Ngày 7/6/2025

Cẩn bút

Thích Phước Thái

thiết nghĩ cũng là một việc làm vừa hữu ích cho mình và cũng đem lại sự lợi lạc cho người khác. Do nghĩ thế, nên chúng tôi không ngần ngại cố gắng biên soạn làm tài liệu hướng dẫn cho học chúng.

Trong khi biên soạn, chắc chắn chúng tôi không sao tránh khỏi những điều lỗi lầm sai sót, nếu có, kính mong các bậc Cụ nhãn Cao minh Thiện hữu tri thức xa gần, hoan hỷ niệm tình thứ lỗi và chỉ giáo cho. Soạn giả xin hết lòng tri ân đa tạ.

Nhân đây, chúng tôi cũng xin thành kính tri ân Thượng tọa Thích Minh Từ đã giúp cho phần phát họa hình bìa. Thượng tọa Thích Phước Viên đã giúp cho phần kỹ thuật trình bày và in ấn. Chúng tôi cũng không quên kính cảm ơn Sư Cô Phước An và Thức xoa ma na Vạn Tường đã tận tâm giúp cho phần sửa bản in. Đồng thời, chúng tôi cũng xin chân thành tri ân chư Tôn Đức Tăng, Ni, quý liên hữu trong hai đạo tràng: Phước Huệ và Quang Minh, cũng như quý Phật tử xa gần đã phát tâm hỷ cúng tịnh tài góp phần ấn tống quyển kinh này. Chúng tôi xin hết lòng tùy hỷ tán thán công đức của toàn thể liệt quý vị.

Nguyện đem công đức pháp thí này hồi hướng về cho pháp giới chúng sanh đồng trọn thành Phật đạo.

Kính nguyện cầu hồng ân Tam bảo gia hộ cho chư Tôn liệt vị thân tâm thường lạc, vạn sự hanh thông, tùy tâm mãn nguyện.

Khởi soạn ngày 9/5/2025
Pháp Lạc Thất
Kính ghi
Tỳ kheo Thích Phước Thái

A. PHẦN TỰA

Kinh Văn:

Thích Ca Mâu Ni Phật, sơ chuyển pháp luân độ A nhã Kiều Trần Như, tối hậu thuyết pháp, độ Tu bạt đà la, sở ứng độ giả, giai kỷ độ ngật, ư Sa la song thọ gian tương nhập Niết bàn. Thị thời, trung dạ tịch nhiên vô thính, vi chư đệ tử lược thuyết pháp yếu.

Dịch Nghĩa:

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, trước hết chuyển pháp luân độ anh em ông A nhã, cuối cùng thuyết pháp độ ông Tu bạt đà la. Những người đủ duyên được độ đều đã độ hết, ở trong rừng Sa la Song thọ, Phật sắp nhập Niết bàn. Khi ấy giữa đêm thanh vắng không một tiếng động, Ngài vì các đệ tử lược nói pháp yếu.

Giảng Giải:

Thích Ca Mâu Ni Phật, sơ chuyển pháp luân độ A nhã Kiều Trần Như, tối hậu thuyết pháp, độ Tu bạt đà la.
Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, trước hết chuyển pháp luân độ anh em ông A nhã Kiều Trần Như, cuối cùng thuyết pháp độ ông Tu bạt đà la.

Lời Tựa của kinh này, ta thấy khác hơn thường lệ của các kinh. Thông thường các kinh mở đầu của phần tựa chung đều có nêu bày sáu món "Thành tựu" hay còn gọi là sáu món "Chứng tín" (Tín thành tựu, Văn thành tựu, Thời

vẫn không bao giờ thay đổi. Đức Phật dạy tiếp: "Tất cả thế gian dù cho pháp động hay pháp bất động đều là tướng bại hoại không an". Pháp động và pháp bất động là pháp gì? Theo sự giải thích của Hòa Thượng Thích Hoàn quan trong quyển Kinh Di Giáo, do ngài biên soạn thì, pháp động là chỉ cho Dục giới. Vì pháp ở cõi Dục giới vô thường nhanh chóng, nên gọi là pháp động. Còn pháp bất động, chỉ cho Sắc giới và Vô sắc giới, vì pháp ở hai cõi này có tánh chất lâu dài hơn, nên gọi là Bất động.

Trong Kinh Duy Ma Cật, ngài La Thập nói rằng: "Sáu cõi Dục giới gọi là pháp động. Còn hai cõi Sắc và Vô sắc thì thọ mạng số kiếp lâu dài, nên Ngoại đạo thường gọi là pháp Bất động".

Qua lời giải thích đó, ta thấy tất cả pháp thế gian (thời gian và không gian) đều là tướng bại hoại không an. Trong Kinh Pháp Hoa đức Phật cũng dạy: "Tam giới bất an du như hỏa trạch". Nghĩa là ba cõi không an dường như nhà lửa. Hiện chúng ta đang sống trong ngôi nhà lửa Tam giới, không lúc nào an ổn cả. Chiến tranh, thiên tai, động đất, bão lụt, khủng bố v.v... còn biết bao nhiêu họa hại khác luôn dồn dập chồng chất lên con người phải hứng chịu. Đó là thảm cảnh một bức tranh tồi tệ nhất của xã hội hiện nay.

Phật bảo các thầy Tỳ kheo, thôi! không nên nói nữa. Vì sao? Vì thời giờ đã tới, ta sắp nhập Niết bàn. Đây là lời dạy bảo cuối cùng của ta. Khi viết đến lời dạy cuối cùng này của đức Phật, thú thật, tôi không kềm được nổi xúc động từ tận đáy lòng trào dâng lên. Vẫn biết, Phật nhập diệt chỉ là cái Ứng thân Phật, còn Pháp thân Phật thì đâu có xuất nhập gì. Tuy biết thế, nhưng lòng vẫn cảm thấy

4. Chúc Đối

Nhữ đẳng Tỳ Kheo! Thường đương nhất tâm, cần cầu xuất đạo. Nhất thiết thế gian động bất động pháp, giai thị bại hoại bất an chi tướng. Nhữ đẳng thả chỉ, vật đắc phục ngữ. Thời tương dục quá, ngã dục diệt độ. Thị ngã tối hậu chi sở giao hối.

Dịch Nghĩa:

4. Lời dặn lưu thông

Tỳ kheo các ông, thường phải nhất tâm siêng cầu đạo giải thoát. Tất cả thế gian dù cho pháp động hay pháp bất động đều là tướng bại hoại không an. Này các ông, thôi! không nên nói nữa. Thời giờ đã tới, ta sắp nhập Niết bàn. Đây là lời dạy bảo cuối cùng của ta.

Giảng Giải:

Đây là lời dạy bảo thức nhắc sau cùng của đức Phật. Người đời trước khi họ nhắm mắt từ giã cuộc đời này, lời trăn trối của họ sau cùng là những lời hết sức tha thiết chân thật. Người đời còn như thế nói chi là một bậc Đại Giác Ngộ như đức Phật. Ngài đã khuyên bảo các thầy Tỳ kheo cũng như tất cả chúng ta ngày nay và mai sau phải thường nhất tâm siêng năng cầu đạo giải thoát. Vì sự tu hành của chúng ta nhằm mục đích là phải đạt cho kỳ được giác ngộ và giải thoát. Đó là tiêu đích mà tất cả người tu và học Phật đều phải hướng đến. Nếu đi lệch mục tiêu này, thì không còn là người tu học Phật nữa. Phải nói một cách khẳng định như thế. Dù cho nước có nóng, lửa có lạnh, nhưng con đường tu học để được giác ngộ giải thoát

thành tựu, Chủ thành tựu, Xứ thành tựu và Chúng thành tựu). Tuy nhiên, qua lời tựa của kinh này ta không thấy điều đó. Mà mở đầu bằng cách nêu đức Phật Thích Ca và nói về chuyển pháp luân độ cho năm anh em Kiều Trần Như đều chứng được đạo quả và vị đệ tử cuối cùng được Phật độ cho là ông Tu bạt đà la.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, hầu hết những người học Phật ít nhiều gì cũng đều biết qua về lịch sử đời Ngài. Ở đây, chúng tôi không nói về phần lịch sử của Ngài, chúng tôi chỉ giải thích đại khái bốn chữ Thích Ca Mâu Ni mà thôi.

Thích Ca (Sakya) là họ của Phật. Trung Hoa dịch là Năng Nhân, có nghĩa là Tài năng và Đức hạnh. Sử ghi lại, dòng họ của Phật trải qua các triều đại của những vị vua thông minh nhân từ đức hạnh, thuộc dòng dõi Cam Giá, về sau đổi ra họ Thích Ca, với thâm ý là để ca ngợi tài trí thông minh của dòng tộc.

Mâu Ni Trung Hoa dịch là Tịch mặc. Tịch mặc có nghĩa là vắng lặng. Thường các vị Sa môn Bà la môn người ta cũng hay gọi là Mâu Ni. Mâu Ni có nghĩa là những ông thầy tu thường ở những nơi thanh vắng yên tĩnh. Đó là nói theo cái nghĩa thông thường ở ngoại cảnh. Còn nếu nói về ý nghĩa của nội tâm, thì trong tâm ta phải vắng lặng phiền não. Khi không có phiền não, cố nhiên là tâm ta được vắng lặng thanh tịnh, đó là nghĩa Niết bàn. Như vậy, khi niệm đến danh hiệu "Mâu Ni" của Phật, thì ta phải thực tập cho tâm mình lúc nào cũng có sự vắng lặng yên tịnh. Muốn được vắng lặng an tịnh, cố nhiên là ta phải triệt tiêu "Năng và Sở" để cho tánh "không tịch" hiện ra. Khi chủ thể nhận thức (kiến phần) và đối tượng bị nhận thức (tướng phần) không còn, thì ngay giây phút đó ta mới thật sự trở về với

thể tánh Mâu Ni (không tịch) của ta. Đó cũng có nghĩa là ta trở về nhận lại tánh giác (Phật) của ta. Cho nên khi niệm danh hiệu đức Phật Thích Ca là ta phải nhớ đến hai chữ "**Mâu Ni**" này. Chẳng những nhớ thôi mà ta còn phải hằng tập sống với nó nữa. Có thế thì tâm ta mới thật sự an lạc giải thoát vậy.

Có thể nói, sau ngày thành đạo, đức Phật đã vân du hóa độ khắp nơi ở xứ Ấn Độ gọi đó là "Chuyển Pháp Luân". Chuyển pháp luân có nghĩa là lăn bánh xe chánh pháp. Vì sao gọi giáo pháp của Phật là pháp luân? Bởi chữ Luân là chỉ cho xe báu của Chuyển luân Thánh vương, gồm có hai nghĩa: "đi khắp và dẹp trừ". Nghĩa là xe của vua Chuyển Luân đi tới đâu là nghiền nát những tà thuyết ngoại đạo đến đó. Cũng thế, giáo pháp của Phật đi khắp trong các cõi chúng sanh và dẹp trừ bọn giặc vô minh phiền não, và đồng thời cũng phá tan những tà thuyết ngoại đạo chuyển họ về với chánh pháp. Tóm lại, chuyển pháp luân là chuyển vận giáo pháp nơi tự tâm mình vào tâm của kẻ khác, khiến cho họ cải ác tùng thiện, cải tà quy chánh. Nơi nào có giáo pháp của Phật thì biến nơi đó trở thành ánh sáng giác ngộ và an lạc hạnh phúc.

Theo sử ghi lại, sau ngày thành đạo, đức Phật nghĩ ngay đến năm anh em Kiều Trần Như. Xưa kia, đức Phật đã từng tu khổ hạnh chung với họ. Vì vậy, mà đức Phật từ Bồ đề đạo tràng đi đến xứ Ba la nại (Baranasi) nơi khu vườn nai để thuyết bài pháp "Tứ diệu đế" để độ cho năm anh em Kiều Trần Như đều chứng được đạo quả A la hán. Những vị này đã được đức Phật độ họ đầu tiên. Bắt đầu kể từ ngày đó mới có danh xưng Tam bảo. Phật là Phật bảo, giáo pháp Tứ đế là Pháp bảo, Năm anh em

nơi thân. Tại sao phải tạo tội? tại vì muốn thân này ấm no sung sướng, ai chết mặc ai. Nói chung mọi hành vi tội ác đều do thân này gây ra tất cả. Như thế, có phải thân này là rừng tội lỗi hay không? Chính vì cung phụng nuông chiều cái thân giả tạm này, mà chúng ta tạo ra không biết bao nhiêu điều tội lỗi. Đó là chúng ta đang chìm đắm trong biển khổ lớn của sanh tử.

Thử hỏi có kẻ trí nào trừ diệt được nó như giết bọn giặc cướp mà chẳng vui mừng không? Lời kết của Đức Phật cho chúng ta nhiều suy gẫm. Phật bảo chúng ta phải làm người trí. Bởi người có đầy đủ trí huệ thì không gây ra tội lỗi. Chỉ có kẻ si mê tăm tối mới có thể gây ra nhiều tội lỗi mà không hề hay biết. Đã gây ra nhân ác, thì làm sao tránh khỏi quả báo đau khổ? Ta nên nhớ bài kệ Phật dạy:

Giả sử bá thiên kiếp
Sở tác nghiệp bất vong
Nhân duyên hội ngộ thời
Quả báo hoàn tự thọ

Nghĩa là:

Dù cho trải qua hằng trăm ngàn kiếp
Chỗ mình tạo nghiệp không bao giờ mất
Khi nhân duyên đã đến với chúng ta rồi
Thì quả báo lành dữ mà ta đã gây ra phải tự thọ lấy.

Thế nên, người có trí huệ sáng suốt, mọi hành động **của** họ đều hướng về con đường thánh thiện nhằm mang lại sự an vui hạnh phúc cho mình và người trong đời sống hiện tại vậy.

không có gì là thật ta cả. Nhưng ở đời vì tham sống nên ai cũng muốn hợp mà không muốn tan. Hợp thì vui, tan thì buồn. Nhưng dù có buồn cách mấy, thì nó cũng phải tan thôi. Bởi luật tắc của nó là như thế. Thương tiếc làm chi hoa vẫn rụng! Vì bản thân nó là hoa, thì nó phải rụng. Rụng sớm hay rụng muộn cũng phải rụng mà thôi. "Làm thân chiếc lá giữa dòng, nào hay lá rụng cội tòng giữa đêm". Biết thế, thì cứ vui sống đừng bao giờ sợ rụng. Có lo sợ thì tự nó cũng phải rụng mà thôi!

Tại sao Phật nói thân này là vật tội ác? Hẳn quý vị còn nhớ trong Kinh Bát Đại Nhân Giác, bài Kinh Giác ngộ thứ nhứt, trong đó có bốn câu cuối Phật dạy: "Tâm thị ác nguyên, hình vi tội tẩu, như thị quán sát, tiệm ly sanh tử". Nghĩa là tâm là nguồn tội ác, thân là rừng tội lỗi, quán sát như thế, dần dần xa lìa sanh tử. Ở đây, chúng ta chỉ tìm hiểu lý do nào mà Phật nói, thân này là rừng tội lỗi, tức là vật tội ác? Ta còn nhớ trong năm giới cấm của người Phật tử tại gia, nói đúng hơn là năm nguyên lý đạo đức mà đức Phật đã dạy cho người Phật tử tại gia phải gìn giữ. Trong năm giới này, từ giới thứ nhứt không được sát sanh, cho đến giới thứ năm là không được uống rượu. Có giới nào Phật nói về tâm không? Mặc dù ta thâm hiểu tất cả hành động đều do tâm chỉ đạo dẫn dắt, nhưng trên thực tế thì ta thấy Phật hoàn toàn chú trọng ở nơi thân. Miệng là nơi phát ra âm thanh cũng là ở trong thân. Vậy thì thân có bao nhiêu tội ác gây ra, tất cả năm giới đều ở nơi thân ta hết. Thưa có phải vậy không? Thân thì sát hại sinh vật, lớn nhứt là giết hại loài người. Rồi đến trộm cắp, cướp, giựt, tà dâm hãm hiếp phụ nữ, nói dối gạt gẫm lừa đảo, uống rượu, hút chích v.v... có phải tất cả đều do thân chúng ta gây ra không? Mỗi hành động như vậy, thì gây ra bao nhiêu tội ác? Đó là nói về phương diện tạo tội ở

Kiều Trần Như là Tăng bảo. Đó gọi là Thế gian trụ trì Tam bảo. Bởi Tam bảo có ba bực: Đồng thể Tam bảo, Thế gian Tam bảo và Xuất thế gian Tam bảo.

Sau cùng nơi rừng Sa la Song thọ, đức Phật đã độ cho ông Tu bạt đà la (Subhadra) là người đệ tử sau cùng. Ông này xuất thân từ ngoại đạo là người có tuổi thọ rất cao, năm ấy ông thọ được 120 tuổi. Vì tuổi thọ cao nên được người dân nước Câu di na kiệt cung kính cúng dường cho ông và xem ông như là một vị A la hán. Ông đã khẩn cầu ngài A nan đến đôi ba phen ông mới được vào bên trong để gặp đức Phật. Ông đã được Phật khai thị chỉ dạy cho ông qua bài pháp Bát Chánh Đạo. Nghe xong, ông liền chứng "Sơ quả" (quả vị Tu Đà Hoàn) nên ông rất đổi vui mừng.

Sở ứng độ giả, giai kỷ độ ngật, ư Sa la Song thọ gian tương nhập Niết bàn.

Những người đủ duyên được độ đều đã độ hết, ở trong rừng Sa la Song thọ, Phật sắp nhập Niết bàn.

Trải qua thời gian 49 năm công cuộc hoằng hóa độ sanh của đức Phật đã được thành tựu viên mãn, những người đủ duyên được độ, đức Phật đã độ hết. Thế là nhân duyên độ sanh đã mãn, nên đức Phật tuyên bố sẽ vào Niết bàn. Đức Phật cùng tôn giả A nan, vị thị giả đệ tử thân tín nhứt của Phật và những vị đệ tử thân cận theo Phật trải qua suốt một thời gian dài. Đức Phật cùng với các vị đệ tử xuất gia từ thành Vương Xá đồng du hành đến Kusinara, trải qua nhiều địa danh khác nhau. Trong cuộc hành trình dài đăng đẳng này, thỉnh thoảng Phật và đại chúng tìm chỗ dừng lại để nghỉ ngơi và mỗi nơi Phật đều có thuyết pháp. Những thời pháp cuối cùng này đã được ghi chép lại trong kinh Tạng. Nơi mà đức Phật chọn vào Niết bàn là khu

rừng Sa la Song thọ ở xứ Câu Thi Na.

Sa la hay Ta la Song thọ có nghĩa là kiên cố, là cây có 4 mặt. Mỗi mặt: trên hai nhánh hiệp nhau, dưới hai gốc liền nhau, có một khô một tươi, tiêu biểu cho Tứ đức Niết bàn (Chơn thường, Chơn lạc, Chơn ngã, Chơn tịnh) để phá trừ Bát đảo (ngược lại với Bát chánh đạo) của hàng phàm phu và Nhị thừa.

Thị thời, trung dạ tịch nhiên vô thính, vi chư đệ tử lược thuyết pháp yếu.

Khi ấy giữa đêm thanh vắng không một tiếng động, Ngài vì các đệ tử lược nói pháp yếu.

Qua đoạn kinh văn này, ta thấy cụm từ "giữa đêm thanh vắng" nó có một điểm trùng hợp kỳ lạ. Ta còn nhớ, lúc Thái tử Tất Đạt Đa đi xuất gia cũng vào lúc giữa đêm (bán dạ xuất gia). Đến khi thành đạo cũng vào lúc giữa đêm, "Ngài chứng được Thiên nhãn minh, thấy rõ ba cõi sáu đường, những cảnh giới hoặc an vui, hoặc nhơ khổ, chúng sinh hoặc xinh đẹp, hoặc xấu xa, rõ ràng như nhìn vào trong gương" (Phật Học Tinh Yếu Thiên Thứ Nhứt, soạn giả HT Thích Thiền Tâm).

Đến khi nhập Niết bàn cũng lại vào lúc giữa đêm. Hoa sen nở cũng vào lúc giữa đêm. Mà đạo Phật lấy hoa sen làm tiêu biểu cho sự trong sáng thanh tịnh. Tại sao lại có sự trùng hợp lạ lùng như thế? Về điểm này, thú thật, tôi chưa thấy có chỗ nào giải thích tường tận về lý do của nó. Theo sự hiểu biết của chúng tôi, những sự kiện xảy ra vào lúc giữa đêm, để nói lên một ý nghĩa tượng trưng rất thâm huyền. Đó là biểu trưng cho ý nghĩa "**TRUNG ĐẠO**", tức biểu thị một chân lý siêu việt vượt ngoài đối

chăng? Phật là đấng toàn giác, nên hơn ai hết, Ngài thấy rõ cái thân này trước sau gì nó cũng theo luật vô thường mà hoại diệt. Đã có thân, tức nằm trong các pháp hữu vi, không ai thoát khỏi cảnh sanh, già, bệnh, chết, dù đó là thân của Như Lai cũng phải thế thôi. Phật thành Phật là do Ngài đã dứt sạch hết vô minh phiền não cấu uế, như gương hết bụi thì tấm gương tròn sáng, nhưng còn có cái thân tứ đại giả hợp này, thì không tránh khỏi bệnh chết. Bởi vì đức Phật đã quán chiếu thấy rõ thân này chứa nhóm cả một ổ vi trùng, bảo nó không có bệnh sao được? Không bệnh này cũng là bệnh khác. Bệnh là một quy luật tất yếu không ai tránh khỏi. Cho nên Phật mới nói, ta nay nhập diệt như trừ được bệnh dữ. Vì thân này không còn thì bệnh cũng không có. Có người mắc phải chứng bệnh nan y, bác sĩ đã chạy, muốn chết mà không chết được. Vì nghiệp trần duyên chưa mãn nên tử thần chưa chịu ra tay. Cho nên căn bệnh cứ kéo dài làm cho bệnh nhân lại càng thêm đau khổ. Nghiệp trần chưa dứt cũng khó phủi áo ra đi. Bấy giờ thân xác nằm đó chịu hành hạ đau đớn mà trả nghiệp. Khi nào trả hết nghiệp thì chừng đó bệnh nhân mới thật sự từ giã cõi đời.

Ngài lại nói tiếp: Đây là xác thân nên bỏ, là vật tội ác, giả gọi là thân; nó chìm đắm trong biển cả sanh, già, bệnh, chết.

Phật nói, đây là xác thân nên bỏ, vì mình không muốn bỏ nó thì nó cũng phải bỏ mình. Trên đời này ta thấy có ai còn hoài hay không? Sớm hay muộn gì nó cũng bỏ chúng ta mà ra đi thôi. Vì nó là cái tướng duyên hợp. Đủ duyên thì nó hợp lại, tạm gọi là sống, khi duyên tan ra, tạm gọi là chết. Đã có hợp lại, thì phải có tan ra. Thật ra, chúng ta chỉ sống theo duyên mượn trả, trả mượn mà thôi. Kỳ thật

trừ được bệnh dữ. Đây là xác thân nên bỏ, là vật tội ác, giả gọi là thân; nó chìm đắm trong biển cả sanh, già, bệnh, chết. Có kẻ trí nào trừ diệt được nó, như giết bọn giặc cướp mà chẳng vui mừng?

Cảnh đời là hư giả, không gì bền chắc. Lời dạy này như nhắc nhở chúng ta nhớ lại một bài kệ trong Kinh Kim Cang Bát Nhã:

Nhứt thiết hữu vi pháp
Như mộng huyễn bào ảnh
Như lộ diệc như điển
Ưng tác như thị quán

Tạm dịch:

Tất cả pháp hữu vi
Như chiêm bao, ảo thuật, bóng bọt
Như sương sa và điện chớp
Hằng quán sát như thế.

Pháp hữu vi là pháp có hình tướng. Đã có hình tướng thì tránh sao khỏi sinh diệt. Bởi vì nó là giả tướng thì đâu có khác gì như giấc chiêm bao, như ảo thuật, như bóng trăng dưới nước hay bóng trong gương, như sương sa buổi sang, như lằn điện chop nhoáng lên rồi mất… Thế gian vô thường là thế ấy! Thế thì cuộc đời này có gì bền chắc đâu mà ta cứ mãi bám chấp. Bám chấp vào các pháp hữu vi thì có khác nào ta đùa giỡn bắt bóng trong gương hay mò trăng dưới nước? Cứ như thế, cả cuộc đời rốt lại được gì? Hay là tay trắng hoàn lại trắng tay! Đức Phật lại nói thêm: Ta nay nhập diệt như trừ được bệnh dữ. Tại sao Phật nói như thế? Có phải là Phật chán cái thân giả hợp của Ngài

đãi nhị nguyên. Đây chỉ là ý nghĩ của riêng tôi thôi. Vì giữa đêm vào lúc không giờ theo thuyết "Âm Dương" thì cho đó là giờ phút rất linh thiêng của vũ trụ. Vì vậy mà cuộc đời của đức Phật biểu hiện xuất gia, thành đạo và Niết bàn, tất cả đều vào lúc giữa đêm. Vì giữa đêm vạn vật đều yên tĩnh thanh vắng rất xứng hợp với đạo lý giác ngộ giải thoát vậy.

Giữa đêm thanh vắng ấy, tâm cảnh đều lắng đọng vắng lặng, bấy giờ đức Phật vì các đệ tử mà lược bày pháp yếu. Có thể nói, đây là những lời dạy bảo nhắc nhở chí tình chí thiết của đức Phật. Đồng thời Ngài cũng giải quyết những điều thắc mắc nghi ngờ của các vị đệ tử. Về phần khuyến tấn khích lệ này, ta thấy trong Kinh Đại Bát Niết Bàn có đoạn đức Phật dạy: "Này các Tỳ kheo, nếu có Tỳ kheo nào còn nghi ngờ về giáo pháp của ta, hay phân vân gì về Phật, Pháp, Tăng, thì các thầy đừng ngần ngại cứ hỏi đi, để rồi về sau khỏi phải hối tiếc. Nếu như các thầy không hỏi thì sau này chớ có hối tiếc nghĩ rằng: Bậc đạo sư có mặt trước chúng ta mà chúng ta không chịu thưa hỏi để đức Thế Tôn giải bày những điều còn nghi ngờ của chúng ta". Trong Kinh Di Giáo mà chúng ta đang tìm hiểu học hỏi ở đây, đức Phật cũng dạy: "Các thầy Tỳ kheo, đối với bốn chân lý (bốn sự thật mầu nhiệm) các thầy còn hoài nghi chỗ nào thì có thể thưa hỏi ngay đừng ôm giữ sự hoài nghi sẽ không có lợi gì cho các thầy".

Trước khi tìm hiểu đoạn kinh văn kế tiếp, thiết nghĩ chúng ta cũng nên tìm hiểu sơ qua về Giới Luật. Giới tiếng Phạn gọi là Thi la (Sa la) Trung Hoa dịch là Giới. Giới được cụ thể hóa như một cái hàng rào, ngăn ngừa mọi thứ không cho xâm nhập. Hàng rào càng chắc chắn kiên cố chừng nào, thì sự ngăn chận càng có hiệu quả tốt đẹp chừng nấy. Người giữ giới cũng như thế. Cho nên giới còn gọi là

"phòng phi chỉ ác". Nghĩa là giới có công năng ngăn ngừa những việc xấu ác không cho xảy ra. Đó là chúng ta giải thích sơ về nghĩa hẹp của giới. Còn nếu nói rộng ra một chút, thì như trong Luận Bồ Đề Tư Lương quyển 1 có nói: Giới có mười nghĩa: "Tập cận, bản tính, thanh lương, an ổn, an tĩnh, tịch diệt, đoan nghiêm, tịnh khiết, đầu thủ và tán thán". Giới còn có tính giới và giá giới. Tính giới còn gọi là Cựu giới, Chủ giới. Giới này bản chất là tội ác như giết hại, trộm cướp, tà dâm và vọng ngữ.

Giá giới cũng gọi là Tân giới, Khách giới, tức thế cơ hiềm giới, ly ác giới. Giới này bản chất không phải là tội ác, không nằm trong bốn giới trọng nói trên.

Theo Tứ Phần Luật thì, giới chia ra làm 4 phương diện: Giới pháp, Giới thể, Giới hạnh và Giới tướng.

- **Giới pháp**: Đây là giới mà đức Phật đã quy định rất rõ ràng như: Không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm...

- **Giới thể**: Thể tánh được đắc giới phát sanh trong tâm thức của mỗi giới tử đã lãnh thọ giới pháp.

- **Giới hạnh**: Sau khi giới tử đắc được giới thể, thì luôn thể hiện thật hành ngăn ngừa ở nơi ba nghiệp: "Thân, Khẩu, Ý" không cho tạo tội lỗi. Đồng thời rộng tu các phương tiện khác làm lợi ích cho tất cả chúng sanh.

- **Giới tướng**: Hành tướng sai khác của mỗi giới rất khác biệt. Như không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm...Rõ ràng hành tướng và tính chất của mỗi giới khác nhau. Đó là nói về Giới, còn Luật thì như thế nào? Giữa giới và luật giống nhau hay khác nhau? Thường

hồi đầu, thì chỉ còn tu nước rút. Đó cũng là điều quý tốt. Có người biết mình sắm gần đất xa trời, mà vẫn thói nào tật nấy, cứ lo hưởng thụ vui chơi, khi tử thần réo gọi, thì ôi thôi! Bấy giờ mặt ủ mày ê cõi lòng tái tê ăn năn hối tiếc! Rồi khi nhắm mắt đường trước mịt mờ không biết mình sẽ đi về đâu? Đó là hồi chuông cảnh báo cho những ai còn vui say theo dòng đời trụy lạc lôi cuốn. Phật bảo chúng ta phải chuyên cần tinh tấn tu hành, như lửa cháy đầu, đừng chần chờ mà sau này ăn năn hối hận. Có cố gắng tinh tấn tu hành thì mới mong sớm được giải thoát, và Phật khuyên bảo mọi người hãy dùng ánh sáng trí huệ phá tan diệt trừ các nghi ám. Có thế thì cuộc đời của ta mới được thảnh thơi thong dong tự tại. Ta hãy lắng nghe bài thơ Sen Nở:

Chuông ngân tan niềm tục
Lam chiều khói mù xa
Đời người như giấc mộng
Thoáng chốc trở nên già
Sự nghiệp làn sương sớm
Tài sản bóng nhanh qua
Giàu sang như mây nổi
Danh lợi nước trăng tà
Phù du đầu vạn vật
Niệm dừng Sen nở ra
(Thích Phước Thái)

Thế thật nguy tụy, vô kiên lao giả. Ngã kim đắc diệt, như trừ ác bệnh. Thử thị ưng xả chi thân, tội ác chi vật, giả danh vi thân, một tại lão bệnh sanh tử đại hải. Hà hữu trí giả đắc trừ diệt chi, như sát oán tặc nhi bất hoan hỷ?

Cảnh đời hư giả, không gì bền chắc, ta nay nhập diệt như

Thị cố đương tri thế giai vô thường, hội tất hữu ly, vật hoài ưu não. Thế tướng như thị, đương cần tinh tấn, tảo cầu giải thoát, dĩ trí huệ minh, diệt chư si ám.

Thế nên phải biết: Cảnh đời đều là vô thường, có hợp tức có tan, chớ sanh lòng sầu khổ, tướng thế gian là vậy. Phải chuyên cần tinh tấn sớm cầu giải thoát, dùng ánh sáng trí tuệ diệt các nghi ám.

Cảnh đời là vô thường, có hợp tất có tan, có sanh ắt có tử, đó là một quy luật tất yếu của vũ trụ. Mọi hiện tượng trên cuộc đời này, không có một hiện tượng nào mà tồn tại mãi với thời gian. Hoa nở để rồi tàn, bèo hợp để rồi tan, người sanh để rồi chết. Đã biết đó là quy luật chung của vũ trụ, thì chúng ta than khóc để làm gì?! Sầu khổ để mà chi, vì tất cả đều xuôi theo dòng chảy của vô thường. Phật nói, tướng thế gian là như vậy đó. Từ ngàn xưa, đức Phật đã từng cảnh báo thức nhắc cho nhơn sinh biết rõ điều này. Sự sanh diệt, diệt sanh là điều tự nhiên của con người và vạn vật. Người ta nói, con người sanh ra để rồi chờ chết. Vì trong lúc vừa mới mở mắt chào đời, thì ta thấy bản án tử hình đã có mặt ngay từ lúc con người mới sanh ra. Nhưng vì chén cơm manh áo, nói rõ hơn là vì cơm áo gạo tiền, mà con người luôn bon chen đấu tranh giành giựt lăn lộn trong cuộc đời mà quên mất đi cái bản án treo đó. Nhưng có người khi tới già rồi mới chịu nhìn lại, thì than ôi! Con quỷ dữ vô thường nó sắp đem ra tuyên án tử hình. Chừng đó mới hốt hoảng giựt mình, nghĩ đến lo tu thì nào có kịp nữa đâu! Đừng đợi đến khát nước mới lo đào giếng. Sách Nho có câu: "Nhơn vô viễn lự, tắc hữu cận ưu". Nghĩa là người không biết lo xa, ắt có buồn gần. Đừng đợi nước tới trôn mới nhảy không còn kịp nữa. Sao bằng sớm lo tu thì tới tuổi già không có gì phải buồn than ân hận. Tuy đã già nua yếu đuối, nhưng còn biết thức tỉnh

thì chúng ta hay nói chung là giới luật. Vậy ý nghĩa của Luật là gì?

Luật tiếng Phạn gọi là Tỳ ni (Vinaga), Trung Hoa dịch là Luật. Luật là pháp luật, quy tắc, khuôn khổ để chúng ta noi theo. Nếu không có luật thì không biết căn cứ vào đâu để hành xử phán quyết những điều thưởng phạt. Nhờ có luật nên người ta mới có thể phân định đúng sai, nặng nhẹ, phạm hay không phạm tội. Từ đó, mới có thể quy định xử phạt phân minh công bằng. Do đó, luật rất là quan trọng. Theo Hòa Thượng Thánh Nghiêm cho rằng: *"Giới luật là tiếng gọi chung của hai thứ loại biệt. Nói theo nghĩa rộng, Tỳ kheo giới cũng bao quát Tỳ kheo luật. Nói theo nghĩa hẹp, giới là giới, luật là luật; trong luật có bao hàm giới, nhưng trong giới không bao hàm luật. Vì trong Tỳ ni (luật) tạng có Ba la đề mộc xoa (Biệt giải thoát) còn Ba la đề mộc xoa không thể nhiếp hết Tỳ ni tạng.*

Nói rõ hơn một chút, Tỳ ni bao gồm cả chỉ trì và tác trì. Ba la đề mộc xoa duy có chỉ trì. Vì thế trì luật bao hàm trì giới, trì giới không bao hàm trì luật. Vì trì luật là việc của cộng đồng đại chúng trong Tăng đoàn, còn trì giới là việc của mỗi cá nhân Tỳ kheo. Trì giới là chỉ trì, vì không làm ác. Trì luật gọi là tác trì vì hay hành thiện. Việc của Tăng đoàn phải do đại chúng trong Tăng đoàn cùng chung giải quyết".

Như thế ta thấy giữa giới và luật không rời nhau. Cả hai đều có một sự liên hệ mật thiết tương quan với nhau trong khi hành trì. Nếu có giới mà không có luật, thì căn cứ vào đâu mà biết phạm hay không phạm? Còn nếu có luật mà không có giới, thì căn cứ vào đâu mà xử phạt nặng nhẹ? Vì thế cả hai đều mang tính hỗ tương cho nhau vậy.

B. PHẦN CHÁNH TÔNG

I. Cộng Pháp Yếu

1. Đối Trị Tà Nghiệp

a. Căn Bổn Tịnh

Kinh Văn:

Nhữ đẳng tỳ-kheo! Ư ngã diệt hậu, đương tôn trọng trân kính Ba-la-đề-mộc-xoa. Như ám ngộ minh, bần nhân đắc bảo. Đương tri thử tắc thị nhữ đẳng đại sư. Nhược ngã trụ thế, vô dị thử dã.

Dịch Nghĩa:

1. Đối Trị Tà Nghiệp
   a. Căn bản thanh tịnh

Tỳ kheo các ông! Sau khi ta nhập diệt, phải tôn trọng quý kính Ba la đề mộc xoa (giới luật) như đêm tối gặp ánh sáng, như người nghèo gặp của báu. Phải biết pháp này là Thầy của các ông, dù ta có trụ ở đời cũng không khác pháp này vậy.

Giảng Giải:

Nhữ đẳng Tỳ-kheo! Ư ngã diệt hậu, đương tôn trọng trân kính Ba-la-đề-mộc-xoa. Như ám ngộ minh, bần nhân đắc bảo.

Tỳ kheo các ông! Sau khi ta nhập diệt, phải tôn trọng quý

chúng sanh, chớ không phải bệnh vì Ngài. Các vị Thanh Văn ở đây cũng vậy, các Ngài khóc là khóc vì mọi người, chớ không phải khóc vì tình cảm ích kỷ của riêng mình. Hiểu được điều đó ta mới thấy cái khóc của các Ngài quả thật là cảm động và mang một ý nghĩa sâu sắc vô cùng.

c. Trùng Khuyến Tu

Kinh Văn:

Thị cố đương tri thế giai vô thường, hội tất hữu ly, vật hoài ưu não. Thế tướng như thị, đương cần tinh tấn, tảo cầu giải thoát, dĩ trí huệ minh, diệt chư si ám. Thế thật nguy tụy, vô kiên lao giả. Ngã kim đắc diệt, như trừ ác bệnh. Thử thị ưng xả chi thân, tội ác chi vật, giả danh vi thân, một tại lão bệnh sanh tử đại hải. Hà hữu trí giả đắc trừ diệt chi, như sát oán tặc nhi bất hoan hỷ?

Dịch Nghĩa:

c. Khuyên nhủ tu hành

Thế nên phải biết: Cảnh đời đều là vô thường, có hợp tức có tan, chớ sanh lòng sầu khổ, tướng thế gian là vậy. Phải chuyên cần tinh tấn sớm cầu giải thoát, dùng ánh sáng trí tuệ diệt các nghi ám. Cảnh đời hư giả, không gì bền chắc, ta nay nhập diệt như trừ được bệnh dữ. Đây là xác thân nên bỏ, là vật tội ác, giả gọi là thân; nó chìm đắm trong biển cả sanh, già, bệnh, chết. Có kẻ trí nào trừ diệt được nó, như giết bọn giặc cướp mà chẳng vui mừng?

Giảng Giải:

Lại có tám trăm vạn vị Tỳ kheo đều là bực vô lậu A La Hán, tâm được tự tại, chỗ làm đã xong, rời các phiền não, điều phục các căn, có oai đức lớn, thành tựu không huệ, đã khỏi sanh tử, tất cả đều là chơn Phật tử. Sáng sớm hôm ấy, lúc mặt trời vừa mọc, các Ngài đang nhăn nhành dương, thấy ánh sáng của Phật chiếu đến, các Ngài hối nhau súc miệng rửa tay. Toàn thân của các Ngài đều rởn ốc, máu nổi đỏ như bông ba la xoa, hai mắt đầy lệ, lòng rất buồn khổ. Vì muốn lợi lạc cho chúng sanh, thành tựu hạnh đệ nhứt không của Đại thừa, cũng muốn hiển phát giáo pháp phương tiện bí mật của Như Lai, để các cuộc thuyết pháp chẳng đoạn tuyệt, và cũng vì muốn làm nhơn duyên điều phục chúng sanh, nên các Ngài vội đến trước Phật, cúi đầu lạy chơn Phật, nhiễu Phật trăm vòng, rồi chấp tay cung kính ngồi qua một bên".

Chúng tôi dẫn chứng đoạn văn kinh này, cho chúng ta thấy rằng, dù đã chứng quả A la hán, nhưng các Ngài vẫn bi lụy khóc than, khi hay tin đức Thế Tôn sắp vào Niết bàn. Các Ngài đã chứng quả A la hán, tất nhiên là phiền não không còn, thì tại sao các Ngài vẫn còn tình cảm bi lụy khóc than như người đời? Đọc đến đây, thiết nghĩ, có lẽ ai cũng thắc mắc điều đó. Điều này, theo tôi, thì cái xúc động rơi lệ khóc than của các Ngài không phải khóc than vị kỷ như chúng ta, mà cái khóc của các Ngài là vì tất cả chúng sanh mà khóc. Bởi vì khi đức Phật vào Niết bàn thì không còn ai tiếp tục giáo hóa chúng sanh, cho nên các Ngài than là thế gian trống rỗng! Thế gian trống rỗng! Điều này suy ra thật không khác gì Ngài Duy Ma Cật giả bệnh để nhắc nhở quở trách hàng Thanh Văn, đồng thời cũng để nêu cao giáo pháp Đại thừa. Với mục đích là để cho chúng sanh y theo đó mà tu học để được giải thoát. Thế thì, cái bệnh của Ngài Duy Ma Cật là cái bệnh vì

kính Ba la đề mộc xoa (giới luật) như đêm tối gặp ánh sáng, như người nghèo gặp của báu.

Mở đầu, đức Phật bảo các thầy Tỳ kheo có mặt trong thời gian đức Phật ở trong rừng Sa la Song thọ mà dạy bảo dặn dò rằng: "Sau khi Phật nhập diệt, phải trân trọng tôn kính Ba la đề mộc xoa". Cụm từ Ba la đề mộc xoa tiếng Phạn là Parttimoksa, Trung Hoa dịch là Biệt giải thoát. Nghĩa là người giữ được giới nào, phần nào, thì sẽ được giải thoát giới đó, phần đó. Cũng có nghĩa là người giữ giới luật sẽ giải thoát được tội "Thất chi" ở nơi thân khẩu (thân có 3, khẩu có 4 và giản biệt được Định cộng giới và Đạo cộng giới, gọi là Biệt giải thoát.

Qua đó, cho chúng ta thấy giới luật rất là quan trọng. Phật nêu ra hai hình ảnh thí dụ cụ thể. Hình ảnh thứ nhứt "như đêm tối gặp ánh sáng". Phật nói, người giữ giới như kẻ đi trong đêm tối mù mịt mà bỗng nhiên có được ánh sáng soi đường để tránh những tai nạn hầm hố chông gai không may có thể xảy ra. Hình ảnh thứ hai là như người nghèo gặp của báu. Ta hãy đặt mình vào trong hai trường hợp điển hình của hai thí dụ này. Ta hãy thử nghĩ, giữa đêm tăm tối mù mịt, không nhìn thấy gì cả, bỗng nhiên lúc đó có người trao cho chúng ta một cây đuốc cháy sáng, thử hỏi khi ấy chúng ta sẽ mừng rỡ như thế nào. Chắc chắn là chúng ta rất đỗi vui mừng! Vì sao? Vì ta không còn sợ hãi bị tai nạn có thể xảy ra trong lúc ta đi trong đêm tối mù mịt. Phật cho rằng người giữ giới cũng có tâm trạng vui mừng như thế. Vì nhờ giữ giới mà ta không rơi vào những trạng huống đau khổ ngút ngàn!

Đến thí dụ thứ hai, ta lại càng thấy cái giá trị vui sướng không thể nào sánh được. Thử nghĩ, trong lúc ta đang

nghèo khổ cùng cực, nghĩa là nghèo mạt rệp, rớt mồng tơi, bỗng có người mang của báu vàng ngọc đến tặng cho ta, thì khi ấy thử hỏi tâm trạng của ta như thế nào? Có phải là vui mừng đến tột đỉnh hay không? Niềm vui đó thật không gì có thể so sánh diễn tả được. Có đúng không? Phật bảo, người giữ giới luật cũng giống như vậy. Điều này, bản thân của mỗi người chúng ta nên chứng nghiệm qua thì sẽ biết rõ. Sau khi nêu ra hai hình ảnh thí dụ đó, kết lại, Phật nói: "Phải biết pháp này (giới luật) là Thầy của các ông, dù ta có trụ ở đời lâu xa cũng không khác pháp này vậy". Quả vậy, "Giới luật còn thì Phật pháp còn, giới luật mất thì Phật pháp sẽ bị diệt vong". Như thế, để chúng ta thấy rằng, thời nào việc giữ gìn giới luật trang nghiêm cũng đều quan trọng cả. Thế nên, đức Phật dạy phải lấy giới luật làm căn bản và tôn trọng như một bậc Thầy.

Trong giới bổn Tỳ kheo cũng có nói tương tự về sự giá trị của giới:

"Giới như biển cả
Không có bờ mé
Lại như ngọc báu
Cầu hoài không chán"

Và:

"Như Lai đã khéo
Nói ra giới kinh
Như Lai lại khéo
Nói ra giới pháp
Dầu rằng Như Lai
Nhập vào Niết bàn

Những người đủ duyên được độ, hoặc ở cõi trời, hoặc ở cõi người, ta đều độ hết; còn những ai chưa được độ, ta cũng đều đã gây cho nhân duyên được độ. Từ đây về sau các đệ tử của ta sẽ tiếp tục làm. Thế là pháp thân của Như Lai thường còn mà không hề nhập diệt.

Giảng Giải:

Ư thử chúng trung, sở tác vị biện giả, kiến Phật diệt độ, đương hữu bi cảm. Nhược hữu sơ nhập pháp giả, văn Phật sở thuyết, tức giai đắc độ

Bấy giờ trong chúng, hoặc có những người tu hành chưa trọn, thấy Phật diệt độ sanh lòng bi cảm, hoặc có những người mới vào đạo pháp nghe lời Phật nói tức thời được độ.

Điều này là biểu lộ một thứ tình cảm sâu lắng hiển nhiên của con người. Trong hàng đệ tử xuất gia của Phật không phải ai cũng đạt đến quả vị Niết bàn tối thượng hết, cố nhiên có những vị còn ở bậc hữu học, chưa dứt trừ hết Kiến -Tư hoặc phiền não, nên các ngài bi lụy khóc than là chuyện thường tình của con người. Trong Kinh Đại Bát Niết bàn còn nêu ra, không những các vị còn ở bậc hữu học, mà ngay cả các bậc Vô học hàng A la hán mà các Ngài vẫn còn bi lụy khóc than nức nở. Trong kinh có đoạn diễn tả thật là bi ai thống thiết, xin trích một đoạn nguyên văn như sau:

"Bấy giờ các vị đại Tỳ kheo: Tôn giả Ma ha Ca chiên diên, Tôn giả Bạc câu la, Tôn giả Ưu ba nan đà v.v... chạm phải ánh sáng của Phật, thân của các Ngài liền run giật, tâm tưởng mê loạn, hốt hoảng kêu la.

được biển khổ nhưng lại nghĩ rằng: "Đức Thế Tôn cớ sao diệt độ nhanh chóng đến thế".

b. Đoạn dư nghi

Kinh Văn:

A nậu lâu đà tuy thuyết thử ngữ, chúng trung giai tất liễu đạt Tứ thánh đế nghĩa.

Thế Tôn dục linh thử chư đại chúng giai đắc kiên cố, dĩ đại bi tâm, phục vị chúng thuyết: "Nhữ đẳng Tỳ kheo! Vật hoài bi não. Nhược ngã trụ thế nhất kiếp, hội diệc đương diệt, hội nhi bất ly, chung bất khả đắc. Tự lợi lợi tha, pháp giai cụ túc. Nhược ngã cửu trụ, cánh vô sở ích, ưng khả độ giả, nhược thiên thượng, nhân gian, giai tất dĩ độ. Kỳ vị độ giả, giai diệc dĩ tác đắc độ nhân duyên. Tự kim dĩ hậu, ngã chư đệ tử triển chuyển hành chi, tắc thị Như Lai pháp thân thường tại nhi bất diệt dã.

Dịch Nghĩa:

b. Dứt các nghi

Ngài A nậu lâu đà tuy nói lời ấy mà trong chúng thảy đều thông suốt được ý nghĩa bốn món Thánh đế, nhưng đức Thế Tôn muốn hết thảy đại chúng đều được lòng tin vững chắc, nên khởi lòng từ bi vì chúng dạy rằng: "Tỳ kheo các ông, chớ ôm lòng sầu não, dù ta có trụ ở đời lâu đến một kiếp nữa, rốt cuộc rồi cũng phải hoại diệt; hợp mà không tan là điều không thể nào có được. Những pháp tự lợi lợi tha ta đều đã nói đầy đủ, dù ta có trụ lâu ở đời cũng chẳng ích gì.

Chư vị hãy coi
Giới ấy như Phật"
(Tỳ kheo giới, Trí Quang dịch 1994)

Tỳ kheo thông thường có ba nghĩa, nhưng trong Kinh Di Giáo do cố Hòa Thượng Thích Hoàn Quan soạn dịch, ở phần giải thích, Ngài có nêu ra 4 nghĩa. 1. Trừ cẩn. 2. Bố ma. 3. Khất sĩ. 4. Phá ác.

- 1.Trừ cẩn: ý khen ngợi Tỳ kheo là bậc phước điền.
- 2. Bố ma: Vì người xuất gia mong cầu giải thoát, tiêu diệt tất cả vọng tưởng điên đảo, do đó bọn ma vương thấy thì sanh lòng sợ sệt.
- 3. Khất sĩ: Hàng Tỳ kheo thọ 250 giới, bỏ tất cả tài sản chỉ còn một bình bát và ba tấm y, lấy việc khất thực mà nuôi sống.
- 4. Phá ác: Hàng Tỳ kheo đêm ngày chuyên tâm tu "Giới, Định, Huệ" để phá trừ ác nghiệp, làm các thiện nghiệp, nên gọi là phá ác. (KDG tr 11)

Về pháp tu tập "**Giới, Định, Huệ**", tức Tam vô lậu học, ta thấy là một pháp tu thật tối ư quan trọng. Nếu đối chiếu với Kinh Du Hành và Kinh Đại Bát Niết Bàn, thì pháp "Tam vô lậu học" này đã được đức Phật nhắc tới nhắc lui nhiều lần. Vì nó rất quan yếu cốt lõi trong việc tu tập. Riêng kinh này, đức Phật dạy về Giới, Định, Huệ, chi tiết rõ ràng và dài dòng hơn.

Đương tri thử tắc thị nhữ đẳng đại sư. Nhược ngã trụ thế, vô dị thử dã.

Phải biết pháp này là Thầy của các ông, dù ta có trụ ở đời cũng không khác pháp này vậy.

Xác định giới pháp là thầy, trong Kinh Đại Bát Niết Bàn, Phật dạy: "Này A Nan, pháp và luật ta đã giảng dạy và trình bày, sau khi ta diệt độ thì pháp và luật ấy sẽ là đạo sư của các ngươi" (Trường Bộ Kinh II, Tr 663).

Kinh này Phật dạy cũng không ngoài ý đó. Nghĩa là, sau khi Phật nhập diệt phải lấy giới luật làm Thầy. Dù Phật có trụ ở đời lâu xa đi nữa, thì cũng phải lấy giới luật làm trọng yếu. Có thể nói, từ đầu chí cuối, ta thấy đức Phật luôn xoáy mạnh chung quanh cái trục yếu lý "Giới, Định, Huệ". Tuy nhiên, về phần giới luật Phật dạy phân tích rất kỹ. Phải nói phần này Phật dạy nhiều nhất.

Kinh Văn:

b. Phương tiện thanh tịnh

Trì tịnh giới giả, bất đắc phán mại mậu dịch, an trí điền trạch, súc dưỡng nhân dân, nô tỳ, súc sanh. Nhất thiết chủng thực cập chư tài bảo, giai đương viễn ly, như tỵ hỏa khanh. Bất đắc trảm phạt thảo mộc, khẩn thổ, quật địa, hiệp hòa thang dược, chiêm tướng kiết hung, ngưỡng quan tinh tú, suy bộ doanh hư. Lịch số, toán kế, giai sở bất ưng.

Dịch Nghĩa:

b. Phương tiện thanh tịnh

Người trì giới không được mua bán đổi chác, tạo ruộng cất nhà, nuôi người mướn tớ và chăn nuôi gia súc, tất cả

gian. Diệt đế là do có đạo đế, vì đạo đế là nguyên nhân đưa đến diệt đế. Diệt đế là Niết bàn là chấm dứt khổ đau. Đạo đế là phương pháp tu học để hành giả đạt được diệt đế. Diệt và đạo đế là cặp nhân quả hình thành xuất thế gian. Như vậy, bốn chân lý này có sự hỗ tương cho nhau. Khổ là kết quả của tập, tức nguyên nhân phiền não. Diệt là kết quả của đạo, tức những phương pháp tu tập thiết thực để đưa đến cái quả là Niết bàn (diệt đế). Do vì đoạn trừ được hai loại: "Kiến, Tư" hoặc phiền não mà hành giả mới có được Niết bàn Tịch tịnh của quả vị Thanh Văn, tức A La Hán.

3. Đoạn Nghi

a. Hiển dư nghi

Kinh Văn:

Ư thử chúng trung, sở tác vị biện giả, kiến Phật diệt độ, đương hữu bi cảm. Nhược hữu sơ nhập pháp giả, văn Phật sở thuyết, tức giai đắc độ. Thí như dạ kiến điện quang, tức đắc kiến đạo. Nhược sở tác dĩ biện, dĩ độ khổ hải giả, đản tác thị niệm: Thế Tôn diệt độ, nhất hà tật tai?

Dịch Nghĩa:

a. Trình bày các nghi

Bấy giờ trong chúng, hoặc có những người tu hành chưa trọn, thấy Phật diệt độ sanh lòng bi cảm, hoặc có những người mới vào đạo pháp nghe lời Phật nói tức thời được độ. Chẳng khác nào đêm tối gặp ánh chớp liền thấy đường đi; hoặc có những người việc làm đã xong, qua

phải nghi ngờ mà thưa hỏi nữa cả. Nếu còn nghi ngờ thì chưa phải là chân lý.

Phật thuyết khổ đế thật khổ, bất khả linh lạc. Tập chân thị nhân, cảnh vô dị nhân. Khổ nhược diệt giả, tức thị nhân diệt. Nhân diệt, cố quả diệt. Diệt khổ chi đạo, thật thị chân đạo, cánh vô dư đạo.

Thế Tôn! Thị chư Tỳ kheo, ư Tứ đế trung, quyết định vô nghi.

Phật nói về Khổ đế thì chắc là khổ, không thể khiến cho vui được; Tập đế thật là nhân, không thể có nhân khác được. Khổ nếu diệt tức là nhân diệt, nhân diệt nên quả diệt. Đại diệt khổ thật là Chơn đạo, không có đạo nào khác".

Thưa đức Thế Tôn, các Tỳ kheo trong đây đối với Tứ đế, quyết định không còn điều gì nghi ngờ nữa.

Khổ là một hiện tượng sự thật. Nỗi thống khổ của con người không thể nào dùng lời có thể diễn tả hết được. Tuy nhiên, Tứ đế mà Phật nói ở đây thuộc về Sinh diệt tứ đế. Bởi vì Tứ đế có bốn loại: "Sinh diệt tứ đế, Vô sanh tứ đế, Vô lượng tứ đế và Vô tác tứ đế". Mỗi một Tứ đế nó có ý nghĩa khác nhau. Vô sanh tứ đế là phủ nhận sinh diệt tứ đế. Như trong Tâm Kinh Bát Nhã mà chúng ta đã tụng đọc thường xuyên. Đây là Phật nói về Vô sanh tứ đế. Tùy theo căn cơ trình độ nhận thức mà Phật nói có bốn loại tứ đế. Riêng về sinh diệt tứ đế mà Phật nói ở đây, ta thấy có sự tương tức tương nhập với nhau. Tương tức là bốn điều này có sự liên hệ mật thiết với nhau. Khổ đương nhiên là có liên hệ đến tập. Tập là nguyên nhân. Nếu không có tập thì không có khổ. Tức là không có nguyên nhân gây ra đau khổ. Khổ và tập là cặp nhân quả hình thành của thế

mọi sự trồng trọt và các thứ của báu đều phải xa bỏ, như tránh hầm lửa. Không được đốn chặt cây cỏ, đào xới đất đai, điều chế thuốc thang, coi tướng kiết hung, trông xem tinh tú, tìm tòi suy thạnh, coi ngày đoán số đều không nên làm.

Giảng Giải:

Trì tịnh giới giả, bất đắc phán mại mậu dịch, an trí điền trạch, súc dưỡng nhân dân, nô tỳ, súc sanh. Nhất thiết chủng thực cập chư tài bảo, giai đương viễn ly, như tỵ hỏa khanh.

Người trì giới không được mua bán đổi chác, tạo ruộng cất nhà, nuôi người mướn tớ và chăn nuôi gia súc, tất cả mọi sự trồng trọt và các thứ của báu đều phải buông bỏ, như tránh hầm lửa.

Tịnh giới do vì gìn giữ giới luật nghiêm minh nên tâm thể được thanh tịnh. Người giữ giới đương nhiên trong lòng của họ rất trong sáng. Nếu là người thật tâm hành trì giới luật thì Phật dạy:

1. Không được mua bán đổi chác. Vì đây là việc làm sanh sản kiếm lời của người thế tục. Người thế gian tạo sự nghiệp bằng cách thương mãi kinh doanh là để có được lợi nhuận cao. Trong việc kinh doanh thương mãi lớn hay nhỏ, tùy theo số vốn của họ sẵn có. Nếu có nhiều vốn liếng thì họ lại khuếch trương rộng rãi trong việc kinh doanh. Càng mở rộng phát triển mạnh, thì họ có nhiều lợi nhuận cao hơn. Tuy nhiên, không phải việc kinh doanh làm ăn nào cũng được thuận lợi xuôi buồm mát máy. Có nhiều công ty làm ăn ngày càng **phát đạt, trong khi đó, cũng có những công ty làm ăn ngày càng thua thiệt lỗ**

vốn và vay nợ chồng chất. Thậm chí, cuối cùng, họ cũng phải tuyên bố phá sản (bankrupt) đó thôi!

Việc làm ăn thành công hay thất bại là lẽ thường tình. Tục ngữ có câu: "Thất bại là mẹ đẻ của thành công". Hay: "Ai đã từng chiến thắng mà không từng chiến bại, ai đã nên khôn mà chẳng dại đôi lần". Người đời hay nói câu: "Có gan thì làm giàu". Trong lĩnh vực này, nếu là người thật tu, họ không thể nào dám sấn bước chân vào. Vì kinh doanh đòi hỏi người đó phải có đầu óc tính toán và rất giỏi về kinh tế. Có thể nói đầu óc của họ phải toan tính đủ cách để nhằm thu lợi nhuận nhiều. Ngược lại, người chân tu thì lúc nào cũng muốn cho tâm an, trí óc tự tại thảnh thơi. Muốn thế, thì phải nỗ lực thật hành công phu thiền định. Hơn nữa, chúng ta đừng quên người xuất gia tu theo hạnh khất sĩ. Tuy Phật giáo Bắc tông không có đi khất thực như truyền thống Phật giáo Nam tông, nhưng vẫn là người xin thực phẩm của Đàn na thí chủ dâng cúng để thọ thực. Có nghĩa là vẫn nuôi sống bằng cách do tứ sự cúng dường (y phục, ẩm thực, ngọa cụ, thang dược) của người Phật tử cung cấp, dù ở trong chùa hay ở bất cứ nơi nào. Dĩ nhiên, là những nơi thích hợp của những người xuất gia cư trú tu hành.

Mục đích của người xuất gia tu học là cốt để được giác ngộ và giải thoát. Vì thế, mà việc làm này (tức kinh doanh thương mãi) phải khẳng định dứt khoát là không phù hợp với người xuất gia. Còn người Phật tử tại gia thì họ có quyền kinh doanh thương mãi thu lợi. Điều này, Phật chưa bao giờ ngăn cấm họ không nên làm. Chẳng những không ngăn cấm mà Phật còn khuyến khích người Phật tử tại gia mở rộng khai thác kinh tế thị trường. Phật chỉ khuyến nhắc về lòng tham lam vô độ, túi tham không đáy. Phật

Đến đây, Tôn giả A nậu lâu đà (Anirruddha), xưa gọi là A na luật hay A na luật đà... Trung Hoa dịch là Như ý vô bần. Nay gọi là A na luật đà, dịch là Vô diệt như ý. Thuở đời quá khứ xa xưa, gặp thời đói khát, ngài đã từng cúng dường cho một vị Bích Chi Phật một bữa ăn mà được quả báo trong 91 kiếp qua lại trong cõi Nhơn Thiên thường thọ phước vui. Phàm có điều gì mong muốn đều được theo ý nguyện, nên gọi là Như ý vô bần.

Ngài là một trong mười vị đại đệ tử của Phật, cũng là em họ của Phật, thuộc dòng họ Thích Ca ở thành Ca Tỳ La Vệ. Theo trong Huyền Cứn Âm Nghĩa, quyển 26 thì nói rằng: A luật đà, cựu gọi là A na luật, cũng gọi là A nậu lâu đà, cũng gọi là A nê lô đầu đều là một. Đây dịch là Vô diệt, cũng gọi là Như ý. Ngài là con của Phạn vương, là đường đệ của Phật. (Theo chú thích của cố HT Thích Hoàn Quan trong Kinh Di Giáo do ngài soạn dịch)

Ngài quán sát tâm tư của đại chúng mà đứng ra bạch cùng với đức Phật. Lời bộc bạch của ngài như là một lời khẳng quyết về giáo pháp Tứ Thánh đế mà Phật đã chỉ dạy, rất rõ ràng khúc chiết không còn gì phải nghi ngờ. Ngài nói: Mặt trăng có thể trở thành nóng, mặt trời có thể trở thành lạnh, nhưng lời Phật nói về Tứ đế không thể nào khiến cho khác đi được. Làm sao có thể khác được? vì bốn điều đó là bốn sự thật mầu nhiệm. Dù cho thời gian có thay đổi, không gian có chuyển dời, nhưng bốn sự thật: "Khổ, Tập, Diệt, Đạo" này đời đời bất di bất dịch. Thử hỏi mặt trăng làm sao nóng? mặt trời làm sao lạnh? Thế nhưng, giả sử mặt trăng có nóng, mặt trời có lạnh, nhưng chân lý Tứ diệu đế (The four Noble Truths) không bao giờ thay đổi khác được. Ngài khẳng định một cách mạnh mẽ quyết liệt như thế. Với thâm ý là bốn chân lý đó không có gì còn

thế, nhưng trong chúng vẫn im lặng không có ai thưa hỏi. Vì các ngài không có điều gì nghi ngờ. Ngày xưa, các thầy khất sĩ đi theo Phật học hỏi rất nhiều và sự tu tập hành trì của các ngài thật khó mà sai lệch. Bởi vì hễ có điều gì nghi ngờ trong giáo lý hay trong pháp tu, thì các ngài lập tức thưa hỏi để đức Phật giải quyết ngay. Thế nên, sự tu tập thật hành của các ngài tiến bộ rất nhanh. Còn như chúng ta bây giờ, thiếu phước duyên không được gần gũi với một bậc Thầy có đủ tài đức song toàn, nói rõ hơn là không có một bậc Minh Sư hướng dẫn chỉ bảo. Đó là một điều thiệt thòi rất lớn cho chúng ta. Nếu như vị nào còn được diễm phúc gần gũi với một bậc Minh Sư để tu học, thì phải nói đó là đại diễm phúc. Được thế thì chúng ta không nên bỏ lỡ cơ hội tốt để nương Thầy học hỏi tu tập. Như chúng tôi hiện nay, các bậc tôn túc giáo thọ của chúng tôi đã viên tịch hết rồi, bây giờ có muốn thưa hỏi cũng không làm sao thưa hỏi được. Vì thế mà chúng tôi phải dựa vào những gì mà mình đã học hỏi với các ngài, đồng thời phải nương tựa vào các kinh điển Phật Tổ đã chỉ dạy mà nghiên cứu tìm hiểu tu tập. Bây giờ chúng tôi hiểu được điều gì qua những lời Phật Tổ chỉ dạy, thì chúng tôi không ngần ngại sẵn sàng giúp cho quý vị theo sự kinh nghiệm hiểu biết thô thiển của chúng tôi.

Thời A nậu lâu đà quán sát chúng tâm nhi bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Nguyệt khả linh nhiệt, nhật khả linh lãnh, Phật thuyết Tứ đế bất khả linh dị.

Khi ấy, ngài A nậu lâu đà (A na luật) quán sát tâm của đại chúng, mới bạch Phật rằng: "Thưa đức Thế Tôn! Mặt trăng có thể trở thành nóng, mặt trời có thể trở thành lạnh, nhưng lời Phật nói về Tứ đế không thể nào khiến cho khác được.

chỉ khuyên họ không nên tạo những tội ác tày trời mà làm tổn mình hại người đó thôi. Hoặc là làm ăn phi pháp vi phạm vào luật cấm của quốc gia. Người có nếp sống đạo đức chân thật, thì họ không bao giờ gây tạo những điều phi pháp ác đức này. Người đời còn như thế huống chi là người Phật tử. Người Phật tử chân chính có tu có học đàng hoàng thì cũng không ai dám gây ra tội lỗi bất nhân ác đức đó. Phật tử tại gia còn không nên làm huống nữa là người xuất gia.

2. Không được mua ruộng tậu nhà. Phật dạy người xuất gia không nên đầu tư địa ốc mua bán đất đai nhà cửa. Vì việc làm này rất phức tạp và không thích hợp với người xuất sĩ. Một vị tăng hay ni mà kinh doanh kiểu này thì còn gì là người tu? Xin lỗi, người Phật tử tại gia khéo biết tu học có đời sống thiểu dục tri túc, họ còn không làm việc này, nói chi người Phật tử xuất gia. Nói chung, đối với người xuất gia mong cầu sự giác ngộ giải thoát, thì tất cả mọi ngành nghề mang tính tà mạng và tà nghiệp thì không nên làm. Bởi kinh doanh thương mãi tuy không phải tà nghiệp, nhưng xét thấy không thích hợp với người xuất gia chúng ta. Người xuất gia là phải buông bỏ tất cả, sao nay lại tạo ra những thứ đó? Như thế, có phải là một việc làm trái ngược lại với hạnh tu xuất thế hay không? Nói một cách nghiêm khắc hơn, thì tuyệt đối người xuất gia không nên làm. Đã là người nghiêm trì giới luật Phật dạy, thì không có người xuất gia nào đi vào con đường danh lợi mua bán đổi chác của người thế tục cả. Đừng để: "Mồi phú quý và bả vinh hoa" lừa gạt người tu. Giả như có người xuất sĩ nào đó mà họ làm những việc này, thì phải thành thật mà nói, họ không phải là người xuất gia tu hành chân chánh để mong cầu giác ngộ giải thoát. Họ là người đi ngược lại với đường lối tu hành Phật dạy:

"Thượng cầu Phật đạo, hạ hóa chúng sanh". Nhân phẩm đạo đức làm người của họ còn không có, nói chi đến việc mong cầu xuất ly Tam giới.

3. Không được nuôi chứa nhân dân và tôi tớ trong nhà. Vấn đề nuôi tôi tớ trong nhà để sai bảo làm những công việc lặt vặt xưa, nay đều có. Danh từ tôi tớ, thời xưa người ta thường dùng, còn ngày nay, với thời đại mới, thời đại của 5.0 thì người ta hay gọi là Oshin, tức người giúp công việc nhà. Đối với người xuất gia thì không nuôi tôi tớ như thế. Nếu có chăng là những người Phật tử phát tâm vào trong chùa làm công quả. Điều này, Phật đâu có ngăn cấm họ. Và trong chùa cũng không phải là nuôi tôi tớ để hầu hạ. Rõ ràng hai việc rất khác nhau. Đối với người xuất gia tuổi tác và giới đức cao thì thường có vị thị giả gọi là người hầu thầy. Điều này trong luật nghi cho phép và còn dạy cho các chú Sa di nhỏ tuổi biết cách hầu thầy. Đó không phải là nuôi tôi tớ để sai khiến. Xin chớ hiểu lầm về vấn đề này.

4. Không được nuôi súc vật, cũng như không được trồng trọt. Không nuôi súc vật thì có thể được. Vì người đời họ nuôi súc vật là cốt để làm thịt hoặc bán cho người khác. Những loài súc vật nhỏ như gà, vịt, chó, mèo v.v... họ nuôi để ăn hoặc để bán. Về những loại chó, thỉnh thoảng ở trong chùa cũng có nuôi. Phần nhiều là nuôi chó giữ nhà hơn là nuôi mèo. Vì loại mèo hay bắt chuột nên nhà chùa không nuôi. Còn nuôi chó cốt để giữ nhà trong luật không có cấm. Trong giới Bồ tát cấm không cho trong chùa được nuôi chó săn. Vì chó săn nó hay bắt ăn thịt những con vật nhỏ khác. Vì lòng từ bi nên chúng ta không thể nhìn thấy con vật này ăn tươi nuốt sống con vật kia.

nghi trong lòng. Trong lúc học Phật, ta có những điều gì nghi ngờ chưa hiểu rõ mà không chịu thưa hỏi, thì đó quả là một khuyết điểm thiệt thòi cho ta rất lớn. Thế nên, trong khi tìm hiểu nghiên cứu giáo lý trong các kinh điển, hoặc trực tiếp nghe thầy giảng dạy một bộ kinh nào đó, có điều gì thầy giảng dạy mà ta chưa rõ, vẫn còn thắc mắc thì nên mạnh dạn thưa hỏi. Có nhiều vị, tuy có thắc mắc nhưng vì e ngại mà không dám nêu ra câu hỏi. Đó là điều rất thiệt thòi cho ta. Giống như mình đang ngứa ngáy mà không nói rõ chỗ ngứa thì đâu có ai biết ngứa chỗ nào mà gãi cho đúng chỗ. Cho nên học là phải hỏi. Có hỏi thì mới có thông. Tuy nhiên, khi đặt ra câu hỏi mà câu hỏi đó ta có ôm ấp trăn trở thắc mắc mà chưa giải đáp được, và câu hỏi đó phải có liên quan trong đời sống hiện thực, hoặc trong khi tu tập, thì câu hỏi đó rất có giá trị. Hỏi cũng là một cách chia sẻ cùng với đại chúng. Có khi điều đó ta hiểu, nhưng trong chúng chưa hiểu rõ, thì ta cũng có thể vì đại chúng mà đứng ra thưa hỏi. Giống như ngài A Nan vì đại chúng đương hội mà ngài đại diện đứng lên thưa hỏi để Phật giải đáp, như trong Kinh Thủ Lăng Nghiêm chẳng hạn. Ở đây, Phật bảo các thầy Tỳ kheo có gì thắc mắc qua những gì Phật dạy trong Tứ thánh đế mà còn nghi ngờ thì nên thưa hỏi. Vì thời khắc không còn kéo dài lâu hơn nữa được!

Nhĩ thời, Thế Tôn như thị tam xướng, nhân vô vấn giả, sở dĩ giả hà? Chúng vô nghi cố.

Bấy giờ đức Thế Tôn ba lần xướng lên như vậy, vẫn không có người nào thưa hỏi. Vì cớ sao? Vì trong chúng không có điều gì nghi ngờ nữa.

Qua đoạn kinh văn này, ta thấy lòng từ bi của Phật quá lớn lao. Đức Phật vì đại chúng mà lặp đi lặp lại ba lần như

không có người nào thưa hỏi. Vì cớ sao? Vì trong chúng không có điều gì nghi ngờ nữa.

Khi ấy, ngài A nậu lâu đà quán sát tâm của đại chúng, mới bạch Phật rằng: "Thưa đức Thế Tôn! Mặt trăng có thể trở thành nóng, mặt trời có thể trở thành lạnh, nhưng lời Phật nói về Tứ đế không thể nào khiến cho khác được. Phật nói về Khổ đế thì chắc là khổ, không thể khiến cho vui được; Tập đế thật là nhân, không thể có nhân khác được. Khổ nếu diệt tức là nhân diệt, nhân diệt nên quả diệt. Đại diệt khổ thật là Chơn đạo, không có đạo nào khác".

Thưa đức Thế Tôn, các Tỳ kheo trong đây đối với Tứ đế, quyết định không còn điều gì nghi ngờ nữa.

Giảng Giải:

Nhữ đẳng nhược ư khổ đẳng Tứ đế hữu sở nghi giả khả quyết vấn chi, vô đắc hoài nghi, bất cầu quyết dã.

Này các ông! Nếu đối với giáo lý về khổ ... bốn món Thánh đế có chỗ nào nghi ngờ nên mau thưa hỏi, không được ôm mối hoài nghi mà chẳng cầu giải quyết.

Chứng quyết nghĩa là nêu ra những vấn đề nào còn nghi ngờ để đức Phật giải nghi. Đức Phật hỏi các thầy khất sĩ có mặt lúc đó, nếu các vị còn nghi ngờ điều gì về Tứ diệu đế hay Tứ thánh đế, thì nên mau thưa hỏi, không nên ôm ấp những hoài nghi trong lòng. Bởi vì nghi là một trong sáu món căn bản phiền não như đã có nói qua. Nghi cũng là làm cho chướng ngăn thánh đạo. Vì thế nên Phật bảo các thầy có điều gì còn nghi ngờ chưa thông suốt thì nên hỏi ngay. Điều này cho ta một bài học không nên ôm mối

Còn vấn đề trồng trọt đối với các thời đại xưa hay nay, hầu như những ngôi chùa nào ở vùng quê hẻo lánh, ít nhiều gì cũng đều có trồng trọt chút ít hoa màu cả. Sở dĩ Phật cấm, vì thời của Phật, Phật và Tăng chúng đều đi khất thực, nên không có việc trồng trọt. Phải nói, đây là theo truyền thống văn hóa Ấn Độ. Bởi ở Ấn Độ việc đi xin ăn là chuyện thường tình, không có gì phải nói. Tuy nhiên, ở Trung Hoa thì có khác. Bởi văn hóa của người Trung Quốc họ coi việc xin ăn thuộc hạng ăn mày bần cùng hạ tiện. Cho nên, ta thấy Phật giáo khi truyền sang qua Trung Quốc thì tăng sĩ không còn đi xin ăn nữa. Mỗi quốc gia có mỗi truyền thống văn hóa tập tục khác nhau. Không có vấn đề tập tục văn hóa này kém hơn tập tục văn hóa kia. Văn hóa Ấn Độ trước khi đức Phật ra đời đã có giới tu sĩ Bà la môn cũng đi xin ăn rồi. Cho nên Tăng đoàn thời Phật hành trì hạnh khất sĩ không có gì khác lạ hay mới mẻ cả. Vì đời sống của người khất sĩ không có ở nơi nào cố định một chỗ. Bởi vì:

"Nhất bát thiên gia phạn
Cô thân vạn lý du
Chỉ vi sinh tử sự
Giáo hóa độ xuân thu".

Tạm dịch:

Một bình bát đi ngàn nhà
Một mình đi xa ngàn dặm
Chỉ vì việc sinh tử lớn lao
Nên cần giáo hóa khắp nơi

Thật vậy, "gót tăng sĩ bốn phương trời rảo bước, cõi Ta bà đâu chẳng phải nhà ta". Nhà của người tăng sĩ là khắp **cõi**

Ta bà này. Thế thì, đâu cần phải canh tác trồng trọt làm gì. Tuy nhiên, khi Phật giáo truyền sang Trung Quốc, cũng như các nước Phật giáo Phát Triển lân cận khác như Việt Nam, Nhật Bản v.v... là những nước theo truyền thống xã hội nông nghiệp, và nhất là có những cơ sở chùa chiền thì việc canh tác trồng trọt không sao tránh khỏi. Bởi chùa nào cũng có ruộng vườn để canh tác. Cho nên vấn đề pháp phục và mọi sinh hoạt khác, không còn mang tính chất sâu đậm như thời đức Phật còn tại thế. Về hình thức đều có sự thay đổi để thích nghi với đời sống xã hội, nhất là truyền thống văn hóa và tập quán của dân tộc ở mỗi nơi. Thế nên, thời của Tổ Bách Trượng, Ngài chủ trương: "Nhứt nhựt bất tác, nhứt nhựt bất thực". Nghĩa là một ngày không làm thì một ngày không ăn. Dĩ nhiên, trong khi cày cuốc, không sao tránh khỏi sát hại các loài sinh vật nhỏ nhít như các loài côn trùng. Do đó, tuy thời Phật người xuất gia không có làm việc này, nhưng Phật đã nhìn thấy người đời họ đã làm và giết chết nhiều sinh vật. Do vì lòng đại từ đại bi của Phật nên Phật mới thương xót ngăn cấm như thế. Nếu tránh được thì càng tốt. Bằng không, thì phải đành chấp nhận đó thôi! Tuy nhiên, nếu luận về tội, thì đây không phải là tội cố sát. Bởi khi đào đất hoặc cày cuốc v.v... thì chỉ nghĩ đến việc trồng lúa hay hoa màu rau cải kể cả cây ăn trái... chớ không ai nghĩ phải giết chết những con sinh vật nhỏ nhít đó bao giờ. Nếu có, thì chỉ là vô tình đó thôi. Tức không có sự hợp tác của ba nghiệp thân, khẩu, ý để tạo thành nghiệp sát. Cho nên việc sát hại vô tình đó, nếu có, cũng chỉ là tội nhẹ, sám hối thì tội đó sẽ không còn.

5. Không được chứa cất của báu và phải xa nơi thị tứ. Người xuất gia không nên cất chứa của báu như vàng ngọc tiền bạc của cải v.v... Thứ nhứt, là tránh được lòng tham

nhau. Chúng ta là người đi đường, cố nhiên là mình có quyền chọn hướng đi. Nếu chúng ta đi vào con đường trầm luân sa đọa là lỗi ở nơi chúng ta chớ không phải lỗi ở nơi người chỉ đường. Phải minh định cho rõ về vấn đề chọn lối đi này. Ta không nên đổ lỗi cho người chỉ đường.

2. Chứng Quyết

Kinh Văn:

Nhữ đẳng nhược ư khổ đẳng Tứ đế hữu sở nghi giả khả quyết vấn chi, vô đắc hoài nghi, bất cầu quyết dã. Nhĩ thời, Thế Tôn như thị tam xướng, nhân vô vấn giả, sở dĩ giả hà? Chúng vô nghi cố. Thời A nậu lâu đà quán sát chúng tâm nhi bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Nguyệt khả linh nhiệt, nhật khả linh lãnh, Phật thuyết Tứ đế bất khả linh dị. Phật thuyết khổ đế thật khổ, bất khả linh lạc. Tập chân thị nhân, cảnh vô dị nhân. Khổ nhược diệt giả, tức thị nhân diệt. Nhân diệt, cố quả diệt. Diệt khổ chi đạo, thật thị chân đạo, cánh vô dư đạo.

Thế Tôn! Thị chư Tỳ kheo, ư Tứ đế trung, quyết định vô nghi.

Dịch Nghĩa:

2. Chứng quyết

Này các ông! Nếu đối với giáo lý về khổ ... bốn món Thánh đế có chỗ nào nghi ngờ nên mau thưa hỏi, không được ôm mối hoài nghi mà chẳng cầu giải quyết.

Bấy giờ đức Thế Tôn ba lần xướng lên như vậy, vẫn

uổng, sau đến nổi có sự ăn năn. Ta cũng như vị lương y biết bịnh mách thuốc, uống hay không uống, chẳng phải lỗi của y sư; lại cũng như kẻ hướng đạo giỏi, chỉ người đường tốt, nghe mà không đi, chẳng phải lỗi tại kẻ chỉ đường.

Phật khuyên chúng ta nên gắng sức tinh tấn tu hành, chớ để sống suông chết uổng! Nếu thế, thì sau này sẽ ăn năn hối hận. Một khi mất thân này rồi muôn kiếp khó gặp lại. Đức Phật nói rằng, Ngài cũng như là một vị lương y, tùy bệnh cho thuốc, uống hay không là tùy thuộc ở nơi bệnh nhân. Chớ không phải là lỗi của ông thầy thuốc. Như người biết rõ đường đi nước bước, chỉ đúng đường, đúng hướng, đi không bao giờ sợ lầm lạc, còn đi hay không là tùy ở nơi người đi đường quyết định. Đi thì tới đích còn không đi thì dặm chân tại chỗ. Trách nhiệm của vị lương y là chuyên trị bệnh, trách nhiệm của người hướng đạo là chỉ đường; còn việc uống thuốc hay không chịu uống, cũng như người đi đường có chịu đi hay không là do những người đó quyết định. Còn thầy thuốc và người chỉ đường đã làm tròn trách nhiệm của mình. Chúng ta như là những kẻ bệnh nặng, đức Phật như thầy thuốc giỏi, biết rõ từng mỗi căn bệnh của chúng ta, nên đức Phật tùy theo mỗi căn bệnh mà cho thuốc. Còn uống hay không là ở nơi chúng ta. Nếu chịu khó uống thì sẽ hết bệnh. Còn nếu như sợ thuốc không dám uống thì bệnh ngày càng nặng thêm và sẽ đi đến tử vong. Đó là quyền lựa chọn của mỗi bệnh nhân. Không chịu uống thuốc là lỗi ở nơi người bệnh, chớ không phải lỗi ở nơi ông thầy thuốc. Đức Phật là một vị đạo sư, Ngài sẵn sàng chỉ đường cho chúng ta đi. Dĩ nhiên, là Ngài chỉ con đường nào đưa chúng ta đến nơi an lạc giải thoát, con đường nào sẽ bị sa đọa trầm luân đau khổ. Ngài đã chỉ rõ hai con đường và hai hướng đi khác

muốn. Thứ hai, không sợ trộm cướp hại thân. Thứ ba, biết rõ nó thuộc về năm nhà (nước trôi, lửa cháy, giặc cướp, nghịch tử và nhà nước tịch thu). Thứ tư không lo sợ mất mát. Ý thức được những điều tai hại đó, nên người xuất gia hành trì giới luật Phật dạy, thì không nên tích trữ những vật quý báu mà có hại, tức rước họa hại vào thân.

Tu hành mà ở những nơi thị tứ phồn hoa đô hội, thì thật là khó được nhiếp tâm. Người chân tu thường là họ chọn những nơi thanh tịnh vắng vẻ để dễ nhiếp tâm thiền định. Tổ Qui Sơn có dạy: "Muốn gội tâm nuôi đức phải ẩn tích mai danh, muốn uẩn tố tinh thần phải xa nơi huyên náo" (Tiện năng tháo tâm dục đức, hối tích thao danh, uẩn tố tinh thần, huyên hiêu chỉ tuyệt). Công phu tu tập thiền định của mình chưa tới đâu, mà ở những nơi phiền toái phức tạp, nhất là ở nơi thị thành phố xá phải nói không phải dễ tu. Đọc lại sách sử xưa, ta thấy phần nhiều chư Tổ thường ở những nơi thâm sơn cùng cốc, vì những nơi đó tránh được duyên trần phiền phức rất nhiều. Tâm của các ngài dễ được an định hơn. Đó là một sự thật không thể biện minh chối cãi được. Còn ở thị thành nơi chỗ đông người tới lui qua lại, cố nhiên là gây ra cảnh ồn ào náo nhiệt. Chỉ trừ những bậc đạo lực cao thâm, thì mới có thể "đối cảnh vô tâm mạc vấn thiền". Đây là câu nói trong bài "Phú Cư Trần Lạc Đạo" của sơ tổ Trúc Lâm Điều Ngự Giác Hoàng Trần Nhân Tôn. Sơ Tổ Trúc Lâm ngày xưa cũng tu ở trong núi Yên Tử. Nói chung, các bậc Tổ Sư của chúng ta phần nhiều đều ẩn cư nơi núi thẳm rừng sâu. Nhờ thế mà các ngài mới mau chứng đạo.

Trong Chứng Đạo Ca, ngài Vĩnh Gia Huyền Giác đã từng nói:

"Nhập thâm sơn trụ lan nhã
Sầm ngâm u thúy trường tòng hạ
Ưu du tỉnh tọa dã tăng gia
Khuých tịch an cư thật tiêu sái".

Dịch Nghĩa:

Vào rừng thẳm, trụ am thanh tĩnh mịch
Dưới cội tùng bên gọp đá bóng râm che
Làm Tăng quê, vui sâu trong tỉnh tọa, trong êm đềm
Cảnh lặng lẽ an lành sao nói hết.
(Như Huyễn Thiền Sư)

Ở một bài ca chứng đạo khác Ngài nói:

"Chiên đàn lâm vô tạp thọ
Uất mật sum trầm sư tử trụ
Cảnh tỉnh lâm nhàn độc tự du
Tẩu thú phi cầm giai viễn khứ".

Dịch Nghĩa:

Rừng cây quý, thuần chiên đàn không tạp
Sư tử vương, một mình trụ chốn lâm u
Cảnh sơn lâm tịch mịch tự nhàn du
Loài cầm thú tầm thường đành cao bay xa chạy
(Như Huyễn Thiền Sư)

Đời sống của các ngài quả thật lánh xa thế gian trần tục để gội tâm nuôi đức, tăng trưởng đạo lực, nuôi lớn thánh thai. Một khi đã trang bị đầy đủ đạo lực rồi, thì các ngài mới hạ sơn du phương hóa độ. Đó là các ngài noi theo gương Phật, tự giác, giác tha, hay tự lợi, lợi tha để sớm thành tựu

Nhược ư sơn gian, nhược không trạch trung, nhược tại thọ hạ, nhàn xứ tĩnh thất, niệm sở thọ pháp, vật linh vong thất.

Hoặc ở chốn núi non, hoặc ở nơi đầm vắng, hoặc ở dưới gốc cây hay an dưỡng trong tịnh thất, đều phải nhớ nghĩ giáo pháp đã thọ chớ để quên mất.

Sự thật hành không luận là ở bất cứ nơi đâu. Ở những nơi vắng vẻ như núi non, đầm vắng, dưới bóng cây, hay ở tịnh thất v.v... đều có thể y theo lời Phật Tổ dạy mà tham thiền nhập định cho đúng pháp. Điều quan trọng là phải hành trì đúng theo chân lý. Nếu lệch chân lý thì sẽ rơi vào tà thuyết như tên bắn. Cho nên khi hành trì chúng ta cần phải thắp sáng ngọn đuốc trí tuệ. Có trí tuệ thì chúng ta thật hành mới không bị sai lệch. Sự tham thiền nhập định là tối thiết yếu trong đạo Phật. Tu hành mà không có Niệm, Định, Tuệ, coi như sự tu tập của chúng ta lệch hướng quỹ đạo chánh pháp. Vì thế, khi hạ thủ công phu chúng ta cần phải biết rõ phương pháp hành trì. Nếu như nắm không vững chắc pháp tu thì cũng dễ bị sai lệch lắm. Nếu như chưa rõ còn mù mờ bán tín bán nghi trong pháp tu, thì chúng ta cần phải nhờ Minh Sư chỉ dạy. Những bậc thầy có nhiều kinh nghiệm già dặn trong sự tu tập. Nhất là pháp môn thiền tập. Đó là điều tối cần thiết mà chúng ta không thể bỏ qua.

Thường đương tự miễn, tinh tấn tu chi, vô vi không tử, hậu trí hữu hối. Ngã như lương y, tri bệnh thuyết dược. Phục dữ bất phục, phi y cữu dã. Hựu như thiện đạo, đạo nhân thiện đạo. Văn chi bất hành, phi đạo quá dã.

Thường nên tự gắng, tinh tấn tu hành, không để cho chết

thức, không nên buông lung chạy theo dục lạc, phải tránh xa mọi thứ tà kiến có hại cho thân tâm, ý thức được bổn phận của mình, như thế mới không bị lầm lạc sa đọa.

Đại bi Thế Tôn sở thuyết lợi ích, giai dĩ cứu cánh. Nhữ đẳng đản đương cần nhi hành chi.

Những điều lợi ích, đức Đại bi Thế Tôn nói ra trước sau đã cạn, các ông chỉ phải siêng năng mà thật hành nó.

Đọc qua đoạn văn kinh này, thật chúng ta vô cùng cảm động. Tất cả những gì cần nói thi thiết dặn dò, thì đức Phật đã thổ lộ tâm can bày tỏ chỉ dạy trước sau đã cạn lời. Bây giờ chỉ có một lời cuối cùng là Phật khuyên tất cả chúng ta phải cố gắng siêng năng mà thật hành. Thật hành những gì mà Phật đã dạy. Có thể thì mới mong thoát khỏi sanh tử khổ đau. Lời Phật dạy là để cho chúng ta y cứ vào đó mà thật hành, chớ không phải chỉ có luận đàm lý thuyết suông. Nếu chỉ có biết nặng về phần lý thuyết không thôi, thì không biết bao giờ mới thật sự hết khổ. Cho nên Phật đã dặn dò nhắc đi nhắc lại cho chúng ta nhớ mà nỗ lực tinh tấn hành trì. Đạo Phật là đạo tri hành hợp nhất, hiểu biết và thật hành phải đi đôi với nhau. Có thế thì chúng ta mới thật sự được lợi lạc ngay trong đời sống hiện tại. Nỗi khổ đau của nhơn loại hiện nay, có khác nào như người bị trúng tên độc. Hãy gấp rút lo nhổ mũi tên ra, rồi đắp thuốc vào cho vết thương không bị làm độc. Cũng thế, hiện nhơn loại đang bị bao nhiêu nỗi thống khổ vày vò bức bách, phải mau tìm phương cách chạy chữa cho hết khổ. Và đừng bao giờ gây thêm nỗi khổ đau cho nhau nữa. Chiến tranh là tội ác của nhơn loại. Có cuộc chiến tranh nào mà không gây ra sự tàn phá mãnh liệt thiệt hại nặng nề cả sinh mạng và tài vật? Hòa bình là ước muốn chung của toàn thể nhơn loại trên hành tinh này.

giác hạnh viên mãn. Hằng ngày các ngài tiếp xúc với núi rừng, với cảnh trí hoa lá thiên nhiên, vui với gió mát trăng thanh, chim kêu vượn hú, tâm trí các ngài thật là thảnh thơi tự tại, an nhàn thanh thoát. Người xuất gia phải xa lìa những thứ nói trên, như tránh xa hầm lửa vậy.

Lấy gió mát trăng thanh kết nghĩa
Mượn hoa đàm đuốc tuệ làm duyên
Thoát trần một gót thiên nhiên
Cái thân ngoại vật là tiên trong đời
(Cung Oán Ngâm Khúc)

Bất đắc trảm phạt thảo mộc, khẩn thổ, quật địa, hiệp hòa thang dược, chiêm tướng kiết hung, ngưỡng quan tinh tú, suy bộ doanh hư. Lịch số, toán kế, giai sở bất ưng.

Không được đốn chặt cây cỏ, đào xới đất đai, điều chế thuốc thang, coi tướng kiết hung, trông xem tinh tú, tìm tòi suy thạnh, coi ngày đoán số đều không nên làm.

6. Không được đốn chặt cây cỏ đào xới đất đai. Tất cả muôn loài đều có mạng sống như nhau. Loài động vật hay thực vật, hữu tình hay vô tình, loài nào cũng có sự sống. Loài thực vật hay vô tình như cây cỏ, Phật dạy vô cớ không được tàn phá đốn chặt. Điều đó cho thấy lòng từ bi của Phật tràn ngập khắp cả muôn loài. Loài nào Phật cũng thương yêu cả. Vì Phật thấy rõ sự ham sống sợ chết của chúng. Dù là loài thực vật, vô tình, nhưng chúng cũng ham sống. Chúng ta thấy rễ cây ăn sâu vào lòng đất hay kẹt đá, khi gặp trở ngại nào đó, chúng cũng biết tìm cách lách qua để cố tìm khuynh hướng tiếp tục đâm rễ để sống. Có những loại cây khi ta chặt đốn hay ngắt đọt nó, thì nó chảy

mủ ra như cây mù u hay đọt khoai lang chẳng hạn. Đó là bản năng sinh tồn của chúng. Người có lòng từ bi như chư Phật, Bồ tát v.v... các Ngài không nỡ nhìn thấy sự đau thương của chúng. Vì chúng ta không có tuệ giác như các Ngài nên chúng ta không cảm thông được sự đau khổ của chúng. Đối với các loài động vật từ loài người cho đến những loài vật nhỏ nhít như côn trùng... tất cả đều có mạng sống và sự hiểu biết. Tuy nhiên, chỉ có loài người là loài động vật thượng đẳng nên có trí huệ thông minh hơn tất cả các loài động vật khác. Loài nào cũng có sự hiểu biết, chẳng qua vì nghiệp thức mà chúng có sự hiểu biết cao thấp, rộng hẹp, lớn nhỏ khác nhau đó thôi. Dù cho có sự hiểu biết khác nhau, nhưng ham sống sợ chết thì loài nào cũng thế. Do đó, mà chúng ta cần phải thương yêu, bảo vệ tôn trọng lẫn nhau. Đó là chúng ta đứng trên lập trường bảo vệ giá trị của mạng sống. Dù đó là loài thực vật hay vô tình cũng thế.

Đứng về phương diện nhơn văn xã hội mà nói, thì việc Phật cấm đoán không được đốn chặt cây cỏ là Phật nhằm bảo vệ môi trường hay sinh môi của con người và các loài động vật khác. Điều này, không phải đợi đến bây giờ người ta mới ý thức hô hào kêu gọi con người hãy bảo vệ môi trường, mà ngay trong thời đại của đức Phật, đức Phật cũng đã thấy rõ được điều đó. Bảo vệ môi trường là bảo vệ mạng sống con người và muôn thú. Phá hoại môi trường đốn chặt cây cối, phá rừng là con người tự sát.

Trong tác phẩm Đạo Phật và Môi Trường, nguyên tác bằng chữ Hán của giáo sư Tế Quần, do Thích Nhuận Đạt dịch, ở trang 32 có đoạn viết: "Môi trường sống trong thời hiện đại hóa yêu cầu thông qua lao động để sáng tạo. Nhưng, sự ban tặng của thiên nhiên không yêu cầu chúng

Giảng Giải:

Nhữ đẳng Tỳ kheo! Ư chư công đức, thường đương nhất tâm. Xả chư phóng dật, như ly oán tặc.

Tỳ kheo các ông! đối với các công đức thường phải nhất tâm bỏ các sự buông lung như tránh bọn giặc cướp.

Đức Phật lại dạy bảo thức nhắc chúng ta muốn có được công đức thì phải nhất tâm bỏ các sự buông lung. Bỏ buông lung như tránh xa giặc cướp. Ta thấy những lời dạy thức nhắc của đức Phật trong kinh này, phần lớn là đức Phật nhắc nhở người xuất gia chúng ta không nên buông lung. Vì sao? Vì buông lung phóng túng không phải là hạnh tu của người xuất gia. Người xuất gia phải đạt cho kỳ được sự giác ngộ và giải thoát. Muốn thế, thì việc đầu tiên là phải tinh chuyên nghiêm trì giới luật. Nếu không, thì sanh tâm buông lung phóng túng muốn làm chi thì làm. Như thế, thì có khác nào như con trâu hoang và như con ngựa không có dây cương. Đã vậy, tránh sao khỏi những sự hư hỏng hoàn toàn mất hết phẩm hạnh cao đẹp của người xuất gia.

Hẳn chúng ta còn nhớ, trong Kinh Pháp Cú ở Phẩm Không Buông Lung, pháp cú 27, Phật dạy: "***Chớ nên đắm chìm theo buông lung, chớ nên mê say với dục lạc; hãy nên cảnh giác và tu thiền mới mong đặng đại an lạc***".

Buông lung phóng dật là cửa ngõ đưa người ta đi vào con đường trụy lạc sa đọa. Người đời còn có chút lương tâm đạo đức, tình người, biết phân biệt phải trái, đúng sai, tà chánh, chân ngụy, họ còn không làm những điều tồi tệ sái quấy, nói chi là người xuất gia lại đi vào con đường tồi tệ sa đọa đó hay sao? Phật dạy, người xuất gia phải luôn tỉnh

C. PHẦN LƯU THÔNG

1. Cần Tu

Nhữ đẳng Tỳ kheo! Ư chư công đức, thường đương nhất tâm. Xả chư phóng dật, như ly oán tặc. Đại bi Thế Tôn sở thuyết lợi ích, giai dĩ cứu cánh. Nhữ đẳng đản đương cần nhi hành chi. Nhược ư sơn gian, nhược không trạch trung, nhược tại thọ hạ, nhàn xứ tĩnh thất, niệm sở thọ pháp, vật linh vong thất. Thường đương tự miễn, tinh tấn tu chi, vô vi không tử, hậu trí hữu hối. Ngã như lương y, tri bệnh thuyết dược. Phục dữ bất phục, phi y cữu dã. Hựu như thiện đạo, đạo nhân thiện đạo. Văn chi bất hành, phi đạo quá dã.

Dịch Nghĩa:

1. Siêng Tu

Tỳ kheo các ông! đối với các công đức thường phải nhất tâm bỏ các sự buông lung như tránh bọn giặc cướp. Những điều lợi ích, đức Đại bi Thế Tôn nói ra trước sau đã cạn, các ông chỉ phải siêng năng mà thật hành nó. Hoặc ở chốn núi non, hoặc ở nơi đầm vắng, hoặc ở dưới gốc cây hay an dưỡng trong tịnh thất, đều phải nhớ nghĩ giáo pháp đã thọ chớ để quên mất. Thường nên tự gắng, tinh tấn tu hành, không để cho chết uổng, sau đến nỗi có sự ăn năn. Ta cũng như vị lương y biết bịnh mách thuốc, uống hay không uống, chẳng phải lỗi của y sư; lại cũng như kẻ hướng đạo giỏi, chỉ người đường tốt, nghe mà không đi, chẳng phải lỗi tại kẻ chỉ đường.

ta dùng tiền để trao đổi. Chỉ cần chúng ta biết quí trọng và biết bảo vệ, giữ gìn thì có thể được hưởng vĩnh viễn. Nếu chúng ta chỉ vì một chút lợi ích trước mắt mà trả giá bằng sự phá hoại môi trường thì khác nào uống rượu độc để giải khát (chỉ giải quyết khó khăn trước mắt mà không tính đến hậu quả mai sau). Hiện giờ có câu nói là: “Lúc còn trẻ lấy sức khỏe đổi lấy tiền, lúc về già lấy tiền mua sức khỏe”. Chúng ta đều biết, sức khỏe không thể dùng tiền để mua được. Cùng một nguyên lý, hiện tại, có lẽ chúng ta có thể lấy thiên nhiên để đổi tiền, đến tương lai, chúng ta có thể mua được những gì thiên nhiên đã từng cung cấp cho chúng ta mà nó không yêu cầu chúng ta hoàn trả không? Có thể có người sẽ nói, nước sông bị ô nhiễm rồi, không phải chúng ta đã có nước khoáng đóng chai để uống đó hay sao? Như thế, nếu một ngày bầu không khí bị ô nhiễm thì chúng ta không còn cách nào để thở được nữa” (hết phần trích dẫn).

Chính vì lòng tham lam vô độ mà con người tự hủy diệt mình. Không phải vô cớ mà thiên nhiên đã gây ra những trận động đất hay bão lụt v.v... tất cả đều có nguyên nhân của nó. Chính con người tự hủy hoại hành tinh mà chúng ta đang sinh sống. Trái đất đã giãy chết từng giây phút, mà chúng ta không hề hay biết. Chúng ta cứ tiếp tục phá hoại môi trường sinh thái và làm cho trái đất ngày càng tiêu mòn và chết dần. Chỉ có con người mới có thể tự cứu con người mà thôi. Nếu con người sống một cách vô ý thức, thì chính con người tự đào hố chôn mình trong nấm mồ vô vọng.

Đào xới đất đai cũng là một hành động thiếu lòng từ bi. Ở đây, Phật không ngăn cấm tất cả mọi người. Vì đức Phật thừa hiểu con người và các loài động vật, cũng chỉ vì bảo

vệ mạng sống mà tàn hại lẫn nhau. Quy tắc "mạnh được yếu thua, khôn sống dại chết", loài nào và đời nào cũng có. Lời Phật dạy đây, chỉ riêng ngăn cấm người xuất gia, bởi vì hơn ai hết, người xuất gia phải thể hiện lòng từ bi của mình yêu thương tất cả muôn loài, không nên vô cớ sát hại chúng sinh. Như đã nói, việc này đối với người xuất gia sống trong thời buổi hoàn cảnh hiện nay, vấn đề đào xới đất đai trồng trọt, thì cũng khó tránh khỏi việc sát hại chúng sinh. Nhưng đây cũng chỉ là vô tình chớ không có dụng tâm cố ý sát hại. Sống trong cuộc đời tương đối này khó mà tránh khỏi một cách hoàn toàn vô tội, dù đó là tội vô tình.

7. Không được điều chế thuốc thang và coi tướng kiết hung. Vấn đề điều chế thuốc thang, đây không phải là lĩnh vực chuyên môn của người xuất gia. Dù biết rằng, đây cũng chỉ là phương tiện cứu đời giúp người. Xét về mặt xã hội trong một hoàn cảnh nào đó, thì việc làm này cũng tốt. Điều chế, Phật nói ở đây, theo chúng tôi hiểu, thời đại của Phật làm gì có thuốc Tây thạnh hành như bây giờ. Mà dẫu có thì cũng do các nhà chuyên môn trong lĩnh vực nghiên cứu bào chế thuốc. Còn các vị xuất gia tu hành làm gì có việc điều chế thuốc thang? Có thể những vị lương y thời Phật điều chế thuốc "Nam" bằng các loại thảo mộc cổ truyền. Cho nên Phật mới cấm các vị xuất gia không nên làm điều đó, vì nó thuộc về lĩnh vực nhu cầu cần thiết của xã hội. Nếu không khéo, có thể phát khởi lòng tham tranh dành quyền lợi và sẽ gây ra tai hại có sự tranh chấp với nhau tạo thành thù oán. Chính vì thế mà Phật cấm không cho người xuất gia nhúng tay vào. Bởi việc làm này là việc của xã hội hãy để cho người thế gian làm, còn các vị xuất gia trong Tăng đoàn phải khéo biết tận dụng thời gian để nỗ lực trong việc tu tập. Thời

Ngàn suối trăm sông chảy biển vào
Lá cành tươi tốt rễ ăn sâu
Muôn ngàn lối rẽ nào đâu khác
Biển nước bao la đất một màu

Tranh cãi hơn thua hý luận chơi
Vẽ rồng, vẽ rắn vẽ khơi khơi
Vẽ đi vẽ lại ngàn muôn kiếp
Vẽ đến bao giờ mới thảnh thơi!
(Thích Phước Thái)

Cuộc đời này rốt lại chỉ là một giấc mộng. Mọi hoạt động của chúng tất cả đều là mộng ảo. Chúng ta nổi trôi trong trường kiếp đại mộng. Cũng chính vì vô minh tăm tối mà chúng ta mãi mê say trong đại mộng. Chỉ khi nào ta tỉnh thức thật sự, chừng đó ta mới biết mình là mộng. Còn bây giờ có nói gì thì chúng ta vẫn còn múa may quay cuồng trong cơn mộng. Nghe lời Phật Tổ dạy, ta cố gắng hành trì thì một ngày nào đó ta sẽ thật sự tỉnh cơn ác mộng.

Phật quở chúng ta tuy đã xuất gia mà chưa được giải thoát. Phật khuyến nhắc chúng ta phải mau dứt bỏ loạn tâm hý luận. Ta còn nhớ, đức Lục Tổ Huệ Năng sau khi ngộ đạo ở Tổ Huỳnh Mai, Ngài liền thốt ra năm cái đâu ngờ:

* Đâu ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh
* Đâu ngờ tự tánh vốn không sinh diệt
* Đâu ngờ tự tánh vốn không dao động
* Đâu ngờ tự tánh vốn tự đầy đủ
* Đâu ngờ tự tánh hay sanh muôn pháp.

Bản tâm của chúng ta xưa nay vốn tự thanh tịnh. Nhưng vì bị vô minh phiền não khuấy động nên làm phủ mờ đi bản tánh thanh tịnh. Nói cách khác những trò hý luận làm rối loạn tâm tánh của chúng ta. Nên bản tánh thanh tịnh của chứng ta dù đã sẵn có, nhưng nó không hiển lộ được. Đó là những hý luận giả dối làm che mờ tánh giác của ta. Nếu chúng ta muốn có được quả vui Tịch diệt (niết bàn), thì đức Phật bảo chúng ta phải mau diệt trừ những trò hý luận rối rắm này. Đó là công đức không hý luận.

Tháp vàng lơ lửng ở trên cao
Muốn hái trăng sao hái được nào
Trần cảnh phan duyên ngàn muôn kiếp
Bao giờ sanh tử mới thoát nao?!

giờ tu tập còn không có, có đâu mà lo đến những chuyện khác. Tuy nhiên, trong thời đại của chúng ta, ở vào thế kỷ 21 này, việc làm xã hội, đôi khi các vị Tăng, Ni vì lòng từ bi cũng phải dấn thân cứu giúp những nạn nhân thiên tai, hoặc những nơi cần sự giúp đỡ bằng cách làm từ thiện. Nhưng đây chỉ là giải quyết giai đoạn tạm thời việc qua rồi thì thôi.

Nếu vì cứu người giúp đời thì việc làm này đáng được khích lệ tán dương, nhưng nếu vì lợi lộc riêng tư cá nhân, thì coi đây như là một nghề kiếm tiền sinh sống. Điều này, thiết nghĩ, không thích hợp cho người xuất gia cầu đạo giải thoát. Có nhiều người ngoài đời họ lợi dụng việc từ thiện mà moi tiền thiên hạ bỏ túi riêng. Điều này ta thấy đã xảy ra và gây nên ồn ào lùm sùm trên cộng đồng mạng.

Đến việc coi tướng kiết hung lành dữ, người xuất gia lại càng không nên làm. Vì đây là thứ tà nghiệp, tà kiến của ngoại đạo. Tôi thấy thỉnh thoảng cũng có người xuất gia chuyên làm điều này. Nào là coi bói, đoán quẻ, coi ngày giờ cưới hỏi tốt xấu, thậm chí ở quê, họ còn coi cả ngày giờ thả tôm xuống hồ nữa. thật là tội lỗi biết bao! Không nói đâu xa, tôi có một người huynh đệ bên Ni chuyên làm việc này. Bao nhiêu lần tôi đã khuyên nhủ, vì việc làm này trái ngược với đạo lý nhân quả, nên chỉ càng gây thêm tội lỗi mà thôi. Dù tôi có lời chân thật khuyến nhắc, nhưng họ không chịu bỏ thì mình cũng đành cam chịu bó tay! Có thể nói, cả cuộc đời xuất gia tu hành ở chùa, nhưng vị này chưa bao giờ chịu khó tìm hiểu học hỏi giáo lý Phật dạy. Suốt tháng quanh năm họ cứ mải miết hành nghề nuôi sống phi pháp bất chánh này. Mỗi lần coi như thế, đương nhiên là người coi phải có cúng tiền. Tuy không có nêu ra giá cả nhất định, nhưng phải cúng như thế nào đó để thầy

coi cho được một chút. Trả công cho thầy ít quá thì không có linh. Có người không có tiền cũng phải chạy mượn tiền để đến chùa coi. Song có điều đâu phải coi đâu trúng đó. Chỉ lật sách ra rồi dựa vào đó mà bàn tán. Nhưng không phải bàn tán theo trong sách không, mà còn phải trông mặt mà bắt hình dung người coi nữa, và quan trọng cứ hỏi họ cho họ lần lượt trình bày khai ra hết, rồi dựa vào tâm lý, sự việc và hoàn cảnh của người coi mà đoán mò, may thì trúng, rủi trật thì thôi. Chẳng có ai bắt tội mình cả.

Riêng coi về vấn đề cưới hỏi, có lần, vị đó nói rằng, "Can", "Chi" và tuổi tác của cặp này... mà kết hôn thành vợ chồng thì sẽ ăn đời ở kiếp với nhau và làm ăn phát tài thạnh đạt giàu có, nhưng than ôi! sau khi cưới hỏi về sống chung chưa đầy một năm, thì cả hai dẫn nhau ra tòa ly dị, thế là đường ai nấy đi. Thử hỏi coi như vậy có đúng không? Lại thêm một lần, có cặp trai gái chúng yêu thương nhau rất mực, hai bên nhà trai nhà gái dự định cho hai đứa tác hợp cưới hỏi với nhau, nên bà mẹ bên nhà gái đến chùa coi. Khi coi, thì vị này nói: "Nếu hai đứa cưới hỏi với nhau thì cô dâu sẽ bị tuyệt mạng". Thế là, cha mẹ bên nhà gái hoảng hốt lo sợ, vì thương con mình nên quyết định không gả. Thế là, làm cho cuộc tình của hai đứa phải bị dở dang tuyệt vọng! Cô gái buồn tình quá đau lòng quyết định ở vậy không lấy một chàng trai nào khác. Cũng chỉ vì vấn đề coi tuổi tác mà gây nên một hệ lụy đau thương như thế! Thật là tội lỗi biết bao!

Kinh điển thì không chịu tìm tòi học hỏi, không hướng dẫn chỉ bảo người ta tu hành, cứ tối ngày coi bói như vậy. Thế mới biết, chủng tử ngoại đạo của vị này thật quá sâu nặng. Người Phật tử ở quê họ hiền hòa chất phát lam lũ làm ăn, nên phần nhiều, họ không hiểu biết gì về giáo lý

muốn được quả vui Tịch diệt, tức phải khéo diệt trừ mối hoạn hý luận. Ấy là công đức không hý luận.

Giảng Giải:

Hý luận là những trò chơi không thật. Mọi sự tranh chấp hơn thua phải trái ở cuộc đời này, chỉ là những trò hý luận. Có thật đâu mà chúng ta phải tranh chấp đấu đá với nhau làm cho tâm ta luôn bị loạn động bất an. Không có một người tu hành nào mà không muốn cho thân tâm mình được an định thanh tịnh. Muốn thế thì chúng ta phải cố gắng huân tu để cho mình có được Định Huệ sâu sắc. Định huệ không phải nói suông mà có được. Khi có được định huệ rồi thì xem cuộc đời này như trò huyễn mộng.

Mộng vừa tan vỡ mộng liền theo
Chồng chất lên nhau khổ vạn sầu
Tỉnh thức bao người trong ảo mộng
Sâu vào chìm đắm mộng càng sâu

Mộng thân, mộng cảnh, mộng vu vơ
Đuổi bắt theo nhau đến thẫn thờ
Nhìn lại điểm sương đầu tóc bạc
Vẫn còn theo mộng nhiễm trần nhơ

Óng ánh hạt sương sáng sớm mơ
Khói cao lan tỏa khắp sương mờ
Đưa tay nắm bắt cho là thật
Tan biến nào ngờ thật ngốc ngơ

Ta đã trải qua mấy kiếp khờ
Làm người ngu dại thật ngây thơ
Cõi đời mộng giả cho là thật
Vì bởi si mê khổ dại khờ!

không gây tạo tội lỗi. Vì ít có tội lỗi nên họ mới có thể vượt qua biển khổ sanh, già, bệnh, chết. Trí huệ như một ngọn hải đăng soi sáng phá tan tất cả bóng tối si mê. Là món lương dược trị liệu được tất cả các chứng bệnh mê mờ sai lầm và như lưỡi búa bén chặt đứt mọi dây mơ rễ má phiền não. Đó là công năng của trí huệ Bát nhã lớn lao như thế. Cho nên người tu học Phật là phải học hỏi trau dồi trí huệ bằng phương pháp Tam huệ học: "Văn, Tư, Tu" như đã có nói qua. Người tu hành mà không chịu học hỏi chánh pháp, không trang bị cho mình có được hành trang trí huệ, thì thử hỏi làm sao chúng ta có thể vượt qua mọi trở ngại chướng duyên thử thách? Vì thế đã là một vị khất sĩ, dù muốn hay không, chúng ta cũng phải nỗ lực tu tập để có được trí huệ sắc bén phá trừ phiền não để đạt được Niết bàn an lạc vậy.

h. Bất Hý Luận

Kinh Văn:

Nhữ đẳng Tỳ kheo! Chủng chủng hý luận kỳ tâm tắc loạn, tuy phục xuất gia, du vị đắc thoát; thị cố Tỳ kheo đương cấp xả ly loạn tâm hý luận. Nhược nhữ dục đắc tịch diệt lạc giả, duy đương thiện diệt hý luận chi hoạn. Thị danh bất hý luận.

Dịch Nghĩa:

h. Không Hý Luận

Tỳ kheo các ông! Các thứ hý luận làm cho tâm mình rối loạn, dù đã xuất gia vẫn chưa được giải thoát. Thế nên Tỳ kheo phải mau dứt bỏ loạn tâm hý luận. Nếu các ông

nhân quả Phật dạy. Vì thế, nên tình trạng mê tín dị đoan vẫn còn xảy ra ở Việt Nam nhiều lắm!

Lẽ ra mình là người xuất gia phải hướng dẫn dìu dắt người Phật tử đi theo con đường chánh pháp, tin chắc vào lý nhân quả Phật dạy mới phải, nhưng trái lại, mình còn khuyến khích dẫn dắt người ta đi vào con đường mê tín dị đoan. Như thế thì thử hỏi làm sao trách người Phật tử tại gia cho được? Đa số người Phật tử khi chưa hiểu được đạo lý, nhất là vấn đề nhân quả, thì họ chỉ biết đến chùa hì hục lạy lục van xin cầu khẩn không thôi. Vì không có ai hướng dẫn chỉ bảo cho họ hiểu biết về Phật pháp. Đã thế, mà thầy còn bày ra việc coi bói toán đoán quẻ và coi ngày giờ kiết hung đủ thứ, tạo thành thầy trò cùng nhau mê tín cả. Điều này, là một sự thật, phải nói một sự thật quá chua xót đau lòng!!! Tôi có làm bài thơ với tựa đề là "**Cúng Bái**" như sau:

Cúng bái van xin mãi khẩn cầu
Tin vào thần thánh ở nơi đâu
Hoang đường huyễn hoặc làm gì có?
Nếu có thưởng ban chắc đại giàu

Van xin thần thánh có cho không?
Ỷ lại thần quyền cứ ngóng trông
Ngóng mãi sao ngài không cứu giúp?
Vận nghèo vẫn khổ vẫn long đong!

Cúng mãi sao ngài chẳng đoái thương
Bao nhiêu tiền của vẫn tai ương
Thần đâu không thấy tiền vơi hết
Tin vào không tưởng thật hoang đường

Mong người giác ngộ vững lòng tin
Nhân quả khổ vui chính ở mình
Nhân tốt quả lành ta trọn hưởng
Ba đời nhân quả chớ nên khinh

Nhân quả báo ứng hiện tiền. Cả cuộc đời của vị này bệnh đau liên miên không dứt kéo dài cho đến ngày nhắm mắt ra đi. Cho nên, người xuất gia chúng ta phải làm việc gì cao thượng hơn, cớ sao lại làm những thứ tà nghiệp, tà mạng, tà kiến mê tín dị đoan? Bản thân mình đã mê tín thì làm sao hướng dẫn dạy dỗ cho ai? Đã vậy, lại còn khuyến khích người ta đi theo con đường mê tín của mình. Nói lên điều này, thật đáng thương hơn là đáng trách. Vì mỗi người có mỗi biệt nghiệp tập khí sâu cạn khác nhau. Nghĩ tình huynh đệ thì mình cũng chỉ biết khuyến nhắc lẫn nhau đó thôi, còn bỏ hay không thì tùy sự nhận thức của họ. Nhưng việc làm này hoàn toàn trái với lời Phật dạy, nhất là đi ngược lại với đạo lý nhân quả. Cần nói rõ, nói lên điều này, tôi không có ý công kích bài xích ai cả, vì tôi rất tôn trọng niềm tin của mỗi người. Ở đây, tôi chỉ muốn nói trong phạm vi của người Phật tử đã tu và học theo Phật, thì việc làm này không phù hợp với chánh pháp, với đạo lý nhân quả Phật dạy đó thôi.

8. Không được trông xem tinh tú và tìm tòi sự suy thạnh, cũng không được coi ngày đoán số. Trông xem tinh tú ngày nay người ta gọi là xem thiên văn. Việc làm này, không phải là việc của người xuất gia. Mà việc của người xuất gia là phải nỗ lực chuyên cần tu tập. Có tu tập công phu thiền định sâu dày vững chắc thì mới có thể giác ngộ giải thoát. Giác ngộ giải thoát là mục tiêu nhắm tới của người xuất gia. Thậm chí cũng không được tìm tòi sự thạnh suy ở đời. Sự thạnh suy của cuộc đời này nó xảy ra

đó như là kim chỉ nam hướng dẫn trong đời sống của họ. Bao giờ hành động đều phải có ý thức.

Không chỉ thể hiện bằng hành động của thân thôi mà họ còn phải quán chiếu tinh tế ở nơi tâm (tư duy) và lời nói nữa. Họ luôn ý thức quán chiếu thường xuyên ở nơi ba nghiệp của họ. Quán chiếu ở nơi tâm để gạn lọc phiền não. Quán chiếu ở nơi thân để thấy rõ vô thường, vô ngã và bất tịnh. Quán chiếu ở nơi miệng phải luôn nói lời ái ngữ. Lời nói của họ một khi thốt ra phải có giá trị và mang lại lợi ích cho mình và người. Nhờ sự quán chiếu thường xuyên đó mà đời sống của họ luôn được an lạc hạnh phúc.

Nhược bất nhĩ giả, ký phi đạo nhân, hựu phi bạch y, vô sở danh dã! Thật trí huệ giả, tắc thị độ lão bệnh tử hải kiên lao thuyền dã, diệc thị vô minh hắc ám đại minh đăng dã, nhất thiết bệnh giả chi lương dược dã; phạt phiền não thọ chi lợi phủ dã.

Nếu chẳng vậy, đã chẳng phải là bậc đạo nhân, lại cũng chẳng phải là kẻ bạch y, không biết gọi là gì! Người có trí huệ chân thật, ấy là chiếc thuyền tốt có thể vượt qua biển già, bịnh, chết; cũng là ngọn đèn sáng chiếu phá cảnh tối tăm, mờ ám; là món thuốc hay trị tất cả các chứng bịnh, là lưỡi búa bén chặt đứt cây nghiệp phiền não.

Nếu không có trí huệ thì không thể gọi là bậc đạo nhân và cũng không phải người Phật tử tại gia, thế thì không biết gọi họ là hạng người gì? Người có trí huệ chân thật, nói rõ hơn là trí huệ Bát nhã, thì họ thấy rõ sự thật của các pháp. Chính vì thấy rõ các pháp đều do duyên sinh mà có, nên các pháp không có thật thể. Do thấy như thế, nên họ

Giảng Giải:

Nhữ đẳng Tỳ Kheo! Nhược hữu trí huệ, tắc vô tham trước, thường tự tỉnh sát, bất linh hữu thất; thị tắc ư ngã pháp trung, năng đắc giải thoát.

Tỳ kheo các ông! Nếu người có trí huệ thì không có tham trước, thường tự tinh sát không để sanh ra tội lỗi. Thế là ở trong pháp của ta có thể được giải thoát.

Trong ba môn học Niệm, Định, Huệ, môn học nào đối với chúng ta cũng đều quan trọng cả. Cả ba đều có sự hỗ tương với nhau rất chặt chẽ. Có thể nói, ba môn học này không thể tách rời ra được. Vì một là ba mà ba cũng chính là một. Phật nói, nếu người có trí huệ thì không có tham trước thường tự tinh sát không để sanh ra tội lỗi. Sống có trí huệ chỉ đạo, bảo đảm đó là cuộc sống có an lạc giải thoát. Người sống luôn có trí huệ soi sáng, thì không thể nào gây ra lỗi lầm. Chỉ có những người sống trong vô minh để cho vô minh làm chủ động sai khiến, nên họ mới gây ra nhiều tội lỗi đó thôi.

Trong xã hội ngày nay, ta thấy có rất nhiều người hành động theo bản năng dục vọng chỉ đạo, mà gây ra không biết bao nhiêu điều khổ lụy cho mình và người. Sống chỉ nghe theo trái tim mà hành xử, thiếu lý trí minh họa kỹ càng, thì dễ gây ra những thảm họa bất an cho xã hội. Vì lòng tham vọng quá lớn, người ta bất kể những thủ đoạn gian ác miễn sao họ đoạt được mục đích lợi lộc thì thôi. Nếu người có trí huệ, thì bất cứ một hành động lớn nhỏ nào, họ cũng đều quan sát cân nhắc thật kỹ càng trước khi hành động. Họ luôn nhớ câu nói: "Phàm làm việc gì, trước phải nghĩ đến cái hậu quả của nó". Họ coi lời dạy

như cơm bữa, có gì phải để tâm tìm tòi cho lao tâm mệt sức. Vả lại, việc đó không phải của người xuất gia chúng ta. Mà người xuất gia chúng ta cần phải tạo cho mình có được một sự nghiệp trí tuệ cao thượng. "Duy tuệ thị nghiệp" là con đường thực tiễn cao quý mà người xuất gia cần phải thật hành. Chúng ta phải tránh xa con đường mê tín huyễn hoặc hoang đường. Vì con đường đó không phải là con đường của người Phật tử đi. Đó là con đường bất chánh tà ngoại mà chúng ta cần phải xa tránh. Như coi ngày giờ tốt xấu, đoán số mệnh giàu nghèo, may rủi, sống chết v.v... như đã nói ở trên. Những việc làm này của người thế tục. Nếu là người Phật tử chân chánh họ còn không làm, nói chi đến người xuất gia tu hạnh xuất thế. Vì người xuất gia trọng trách rất lớn: "Thượng hoằng, hạ hóa, tác Như Lai sứ, hành Như Lai sự". là người đại diện Phật tuyên dương chánh pháp. Bởi thế nên nói, người xuất gia là trưởng nam, trưởng nữ của lịch sử truyền thừa, là chúng trung tôn của đấng Điều Ngự. Sao không noi theo tấm gương sáng chói cao đẹp của đức Phật mà lại làm những việc Phật cấm không nên làm. Coi chừng nếu không khéo, chúng ta dễ bị rơi vào con đường tà kiến ngoại đạo như tên băn. Tắt một lời: Sự nghiệp của người xuất gia là phải đạt cho kỳ được giác ngộ và giải thoát vậy.

Kinh Văn:

Tiết thân, thời thực, thanh tịnh tự hoạt. Bất đắc tham dự thế sự, thông trí sứ mạng. Chú thuật, tiên dược, kết hảo quý nhân, thân hậu tiết mạn, giai bất ưng tác. Đương tự đoan tâm chánh niệm cầu độ. Bất đắc bao tàng hà tỳ, hiển dị hoặc chúng. Ư tứ cúng dường, tri lượng, tri túc, thủ đắc cúng sự, bất ưng súc tích.

Dịch Nghĩa:

Phải tiết chế nơi thân, ăn uống đúng giờ, nếp sống trong sạch. Không được tham dự việc đời, đi sứ, thông tin; luyện bùa chú, nấu tiên dược, giao hảo người quyền quí, thân hậu kẻ khinh mạn, đều không nên làm. Phải tự giữ tâm chánh niệm mong cầu giải thoát. Chẳng được che giấu tội lỗi, khoe bày dị tướng dối gạt mọi người. Đối với bốn món cúng dường phải biết lượng và biết đủ; được vật cúng dường không nên chứa cất.

Giảng Giải:

Tiết thân, thời thực, thanh tịnh tự hoạt. Bất đắc tham dự thế sự, thông trí sứ mạng.

Phải tiết chế nơi thân, ăn uống đúng giờ, nếp sống trong sạch. Không được tham dự việc đời, đi sứ, thông tin.

Phật dạy người xuất gia phải tiết chế ở nơi thân. Nói tiết chế ở nơi thân, nó mang nhiều ý nghĩa. Vì tất cả mọi thứ đều là nhu cầu cho thân. Đáp ứng nhu cầu cho thân cũng là đáp ứng nhu cầu mạng sống. Vì thân là vật thể, là mạng sống, nên nó đòi hỏi đủ thứ phải cung cấp cho nó. Nếu cung cấp vật chất cho nó đầy đủ, thì nó mới hài lòng. Bằng không thì nó hành động quậy phá lung tung. Nhất là nó rất thèm khát về sự cảm xúc êm ái. Sự cảm xúc êm ái đó không ngoài sự cảm giác giữa nam và nữ. Sự đòi hỏi thèm khát của thân cũng là một nhu cầu rất lớn. Cho nên, Phật rất hiểu tâm lý này nên Phật khuyên bảo người xuất gia chúng ta là phải tiết chế ở nơi thân. Tiết chế cũng có nghĩa là phải có điều độ chừng mực những nhu cầu thiết yếu của nó. Như là ăn uống, ngủ nghỉ, giải trí v.v... tất cả đều phải có giới hạn chừng mực. Nhất là vấn đề ăn uống

g. Trí huệ

Kinh Văn:

Nhữ đẳng Tỳ Kheo! Nhược hữu trí huệ, tắc vô tham trước, thường tự tỉnh sát, bất linh hữu thất; thị tắc ư ngã pháp trung, năng đắc giải thoát. Nhược bất nhĩ giả, ký phi đạo nhân, hựu phi bạch y, vô sở danh dã! Thật trí huệ giả, tắc thị độ lão bệnh tử hải kiên lao thuyền dã, diệc thị vô minh hắc ám đại minh đăng dã, nhất thiết bệnh giả chi lương dược dã; phạt phiền não thọ chi lợi phủ dã. Thị có nhữ đẳng đương dĩ văn tư tu huệ nhi tự tăng ích. Nhược nhân hữu trí huệ chi chiếu, tuy thị nhục hãn, nhi thị minh kiến nhân dã. Thị danh trí huệ.

Dịch Nghĩa:

g. Trí huệ

Tỳ kheo các ông! Nếu người có trí huệ thì không có tham trước, thường tự tinh sát không để sanh ra tội lỗi. Thế là ở trong pháp của ta có thể được giải thoát. Nếu chẳng vậy, đã chẳng phải là bậc đạo nhân, lại cũng chẳng phải là kẻ bạch y, không biết gọi là gì! Người có trí huệ chân thật, ấy là chiếc thuyền tốt có thể vượt qua biển già, bịnh, chết; cũng là ngọn đèn sáng chiếu phá cảnh tối tăm, mờ ám; là món thuốc hay trị tất cả các chứng bịnh, là lưỡi búa bén chặt đứt cây nghiệp phiền não. Thế nên các ông phải dùng huệ: Văn, Tư, Tu mà tự làm cho thêm phần lợi ích. Nếu người có trí huệ chiếu soi, dù cho nhục nhãn cũng là người thấy được rõ ràng. Ấy là công đức trí huệ.

Canh ngọn là nhờ có muối, dùng ít còn ngọn như vậy, nếu dùng nhiều thì sẽ ngọn tuyệt diệu hơn. Thế là, anh ta xin chủ nhà một chén muối bỏ vào trong miệng nuốt hết. Vì quá mặn, nên anh ta cảm thấy gần như sắp chết, bèn vội móc họng cho mửa muối ra...

Qua câu chuyện ngụ ngôn đó, tùy nhận thức của mỗi người mà có những hiểu biết khác nhau. Ở đây, chúng ta chỉ nói trong phạm vi của việc tu thiền định thôi. Thiền định tuy là một pháp tu tuyệt vời trong đạo Phật, nhưng khi thật hành, ta phải áp dụng đúng phương pháp thì mới có được sự lợi lạc. Đừng giống như người ngu ăn muối kia mà phải chịu đau khổ. Đôi khi ta áp dụng sai vì thiếu người có nhiều kinh nghiệm hướng dẫn tu tập. Theo tôi, chúng ta tu theo bất cứ pháp môn nào cũng cần phải có Minh Sư hướng dẫn chỉ bảo. Nếu không, thì chúng ta dễ bị hành trì sai lạc. Trong khi sai lạc mà chúng ta không hề hay biết cứ nghĩ rằng mình tu đúng, lâu ngày sẽ thành bệnh rất nguy hiểm. Vì hễ sai một hào ly, tất sẽ đi một ngàn dặm. Người xưa nói: "Ăn cơm có canh, tu hành có bạn". Ta tu mà có sự hộ trợ của thầy bạn, là một điều diễm phúc lớn lao cho ta. Tăng thân là những con mắt soi sáng cho ta thấy được đường lối tu tập mà không hề sợ bị sai lạc.

Hành giả một khi đã có định rồi, cố nhiên là tâm không còn tán loạn. Phật nói, giống như người nông phu làm ruộng, họ phải đắp ngăn giữ nước ruộng không cho nước thất thoát. Nếu nước bị thất thoát thì ruộng sẽ khô và cố nhiên là lúa sẽ bị chết. Cũng thế, nhờ tu thiền định mà hành giả có được nước trí huệ nên phải khéo gìn giữ không cho thất thoát như người gìn giữ nước ruộng kia không khác. Ấy là công đức thiền định.

không đúng giờ trái phép thì cũng dễ gây ra tai hại lắm. Thế nên, trong thiền môn đã quy định rõ ràng về sự ăn uống phải theo đúng giờ giấc.

Ngày xưa, Phật và các hàng thánh chúng ngày chỉ ăn một bữa, tức ăn đúng vào giờ ngọ. Giờ ngọ, đúng ngọ là vào lúc 12 giờ trưa. Ngày nay người ta quy định giờ ngọ có đầu giờ, giữa giờ và cuối giờ. Đầu giờ là bắt đầu từ 11 giờ, giữa giờ là 12 giờ và cuối giờ là cuối 1 giờ chiều. Ăn uống điều độ và giữ đúng theo giờ giấc, nó cũng mang lại cho chúng ta có nhiều lợi ích. Chưa nói đến vấn đề chọn lựa thức ăn cho có dinh dưỡng, nhất là phải phù hợp với cơ thể của mỗi người. Ăn chay hay ăn mặn (mạng) tất cả đều phải có sự chọn lựa thức ăn thích hợp. Nếu không, thì bệnh trạng có thể xảy ra. Người xưa có câu nói: "Họa tùng khẩu xuất, bệnh tùng khẩu nhập". Một câu nói chứa đầy kinh nghiệm của các bậc tiền nhân. Thiết nghĩ, ta nên áp dụng lời dạy này trong việc cẩn thận giữ gìn cái miệng. Họa hay bệnh cũng từ nơi nó mà ra. Cho nên, khi nói năng, ta nên nhớ phải cẩn thận giữ lời. Khi ăn uống cũng phải cẩn thận không nên ăn tạp và ăn quá no. Quá no hay quá đói thất thường cũng dễ sanh ra bệnh hoạn.

Ngày nay chứng bệnh tiểu đường lan tràn khắp nơi. Hầu như trong số 15 người là đã có ít nhất 3 người mắc phải bệnh này. Bệnh này, theo các bác sĩ cho biết phần lớn là do ăn uống mà ra. Dĩ nhiên, là nó còn có những yếu tố điều kiện khác nữa, nhưng điều kiện ăn uống là cái chính yếu. Tổ tiên ta có câu nói: "Ngừa bệnh hơn là chữa bệnh". Ta cần phải lưu ý câu nói này. Tóm lại, ăn uống là một nhu cầu chính để nuôi thân. Ngoài việc ăn uống ra, đức Phật còn dạy chúng ta phải có nếp sống trong sạch. Hai chữ "trong sạch" không phải dễ làm. Nếp sống trong sạch

ngoài việc giữ gìn vệ sinh chung, nó còn đòi hỏi chúng ta phải hành xử cho có đạo đức. Người có đạo đức cố nhiên là đã có giữ giới. Vì giới hạnh là thể hiện hành động ngoại diện của đạo đức. Vì thế, mỗi cá nhân có trong sạch thì cộng đồng mới có trong sạch. Người có đạo đức thật sự thì không có những hành động xấu ác. Nhất là những tệ nạn như tham nhủng, đút lót, hối lộ, làm nhơ uế trong hàng ngũ lãnh đạo. Người ta đánh giá thành phần này là không có đạo đức. Túi tham của họ quả là không có đáy, đựng không biết bao nhiêu cho đầy. Tuy nhiên, ta nên nhớ lưới trời lồng lộng nhưng không lọt một ai. Nhân quả như cái gương soi hình, nhân thế nào thì quả sẽ như thế ấy. Chẳng qua cái quả báo đến với chúng ta có mau, chậm đó thôi. Vì thế Phật dạy không riêng gì người xuất gia, mà cả nhơn loại, sống không có đạo đức thì sớm hay muộn gì cũng phải rước họa hại vào thân. Sự rước họa hại vào thân, đâu phải chờ đợi đến kiếp sau, mà phải trả quả báo ngay trong hiện tại. Trường hợp như các ông quan to, quan nhỏ tham nhũng ăn hối lộ ở Việt Nam. Nghe nói, có khi lên đến cả hằng trăm tỷ, ngàn tỷ... Hậu quả thì sao? Cố nhiên, có kẻ thì bị tù tội, người thì bị mất chức rơi đài, cũng chỉ vì lòng tham lam quá độ. Ăn hại của nhân dân thì phải đền tội trước nhân dân. Xin đừng quên ý dân là ý trời. Thuyền có thể chuyên chở, nhưng thuyền cũng có thể làm cho bị lật chìm. Không thoát khỏi luật pháp thế gian, thì thử hỏi làm sao thoát khỏi luật nhân quả báo ứng? Đó là nhân quả báo ứng hiện tiền xảy ra ngay trước mắt mọi người. Ta nên nhớ luật nhân quả không dung tha ai cả. Nhớ để mà hành xử cho đúng với phẩm chất nhân cách đạo đức của con người.

Riêng người xuất gia, nếu là người giữ gìn giới hạnh trong

Có người nghĩ rằng, pháp môn thiền định như là dành riêng cho một tông phái thiền và chỉ có Thiền tông mới tu thiền thôi. Còn ngoài ra không có ai tu thiền được cả. Đó là một ý nghĩ quan niệm hết sức sai lầm. Ta nên hiểu rằng, Thiền tông chỉ là một trong các loại thiền của Phật giáo. Thiền tông còn gọi là Tổ sư thiền, vì thiền này do chư Tổ truyền thừa với nhau. Khởi đầu từ hội Linh Sơn Phật truyền cho Tổ Ca Diếp và sau đó, Tổ Ca Diếp mới truyền lại cho ngài A Nan v.v... Cứ thế mà truyền thừa mãi cho đến vị tổ thứ hai mươi tám là Tổ Bồ đề đạt ma. Tổ Bồ đề đạt ma khi sang Trung Hoa mới truyền lại cho Tổ Huệ Khả, rồi Tăng Xán, Đạo Tín, Hoằng Nhẫn đến Lục Tổ Huệ Năng là vị Tổ thứ sáu và từ đó việc truyền thừa y bát không còn nữa. Ngoài Thiền tông ra, còn có các loại thiền khác như: Phàm phu thiền, thiền Nguyên thủy, Đại thừa thiền... Còn có một loại thiền không phải của Phật giáo gọi là ngoại đạo thiền. Tùy theo trình độ căn cơ của mỗi người mà chọn cho mình một pháp tu thiền thích hợp.

Điều suy nghĩ trên, không khéo sẽ dễ gây ra sự ngộ nhận cho việc tu thiền. Thiền định là pháp tu chung cho tất cả. Ai cũng có thể tu thiền được hết. Vì thiền không riêng gì của một tông phái nào. Thiền giống như là một chất muối mà các bà nội trợ làm bếp thường xuyên sử dụng. Nấu ăn mà thiếu muối thì món ăn làm sao ngon được? Tuy nhiên, chúng ta cũng phải thông minh trong khi sử dụng muối. Muối tuy là một thứ gia vị cần thiết, nhưng nếu không khéo biết sử dụng thì nó có thể trở thành độc hại. Giống như người ngu ăn muối trong câu chuyện của Kinh Bách Dụ. Chuyện kể rằng: Xưa có một người ngu đến nhà bạn thăm chơi, chủ nhà mời ở lại dùng bữa cơm đạm bạc. Anh ta chê canh lạt không ngon, nhờ người chủ cho thêm chút muối vào. Anh ăn cảm thấy ngon lành. Thế là anh tự nghĩ:

gian. Thế nên các ông phải thường tinh tấn tu các thiền định.

Phật nói, người nào có khả năng nhiếp tâm, thì người đó sẽ có một sức mạnh của định lực. Điều này là một sự thật không có nghi ngờ gì cả. Nếu như chúng ta đã có thật hành qua, thì sẽ chứng nghiệm rõ ràng điều này. Một khi hành giả đã có được định lực rồi, cố nhiên là sẽ có trí huệ sáng suốt. Nhờ có trí huệ sáng suốt mà hành giả sẽ biết được các tướng sanh diệt của vạn pháp. Đó chính là nhờ năng lực của công phu thiền định sâu sắc mà phát sanh trí huệ. Điều này Phật lại nói rõ thêm cho chúng ta biết ở đoạn văn sau đây:

Nhược đắc định giả, tâm tắc bất tán. Thí như tích thủy chi gia, thiện trì đê đường, hành giả diệc nhĩ, vị trí huệ thủy cố, thiện tu thiền định, linh bất lậu thất. Thị danh vi định.

Nếu được định rồi thì tâm không còn tán động. Ví như người giữ nước, khéo giữ đê điều. Cũng thế, hành giả vì nước trí huệ, khéo tu thiền định khiến cho không bị chảy mất. Ấy là công đức thiền định.

Nếu như đã được định rồi, thì tâm ta sẽ không còn loạn động. Ví như khi ta đang đi là động, mà đứng yên lại một chỗ là định. Hằng ngày, đại đa số chúng ta đều sống với cái tâm loạn động. Vì loạn động nên tâm ta mãi phan duyên theo trần cảnh. Chính vì tâm loạn động nên ta nhìn đâu cũng thấy loạn động. Loạn động là điên đảo là bất an. Muốn cho tâm ta được an định thì không có cách nào khác hơn là phải tu tập thiền định. Thiền định giúp cho chúng ta rất nhiều trong cuộc sống. Ta có thể nói, thiền là một nghệ thuật sống.

sạch, thì Phật dạy là không được tham gia vào chánh trị, như đi sứ hay làm những việc thông tin ngoại giao khác. Vì đây không phải là lãnh vực của người xuất gia. Tuy nhiên, ngày nay theo thời thế, ta thấy cũng có những vị xuất gia tham gia vào các cơ cấu của chánh quyền. Như là làm đại biểu Quốc Hội v.v... Việc làm này dù muốn hay không, chúng ta cũng đã tham gia vào thế sự. Không khéo thì chúng ta cũng dễ bị thế tục hóa, chớ không phải là hiện đại hóa. Đạo Phật không phải đi vào cuộc đời bằng cửa ngõ quyền lực thế tục này. Tuy rằng thời thế bắt buộc, nhưng chúng ta cũng đừng quên mình là người xuất sĩ. Vẫn biết hòa nhi bất đồng, nhưng chúng ta chưa phải là A la hán, làm sao mình có thể tin được tâm mình? Đó là môi trường dễ bị tha hóa và dễ mất nhân cách phẩm hạnh cao đẹp của người xuất gia. Cho nên xưa nay lập trường của Phật giáo trước sau như một là phải đứng trên và đứng ngoài, nhưng chỉ đứng trong lòng dân tộc. Đứng trên là trên mọi thể chế của chế độ quyền lực, đứng ngoài là ngoài vòng cương tỏa của danh lợi thế nhân, chỉ đứng trong là trong lòng dân tộc mà thôi. Cũng vì lập trường này mà trong quá khứ người ta đã hiểu lầm về vai trò lãnh đạo của hàng ngũ Tăng già Phật giáo. Bên quốc gia thì cho Phật giáo là theo Cộng Sản, bên Cộng Sản thì cho Phật giáo là theo Tư Bản. Ngay cả bản chất của Phật giáo là không theo bên nào cả. Vì bản chất của Phật giáo là vượt ra ngoài đối đãi nhị nguyên. Về mặt chánh trị hay giáo lý của đạo Phật cũng đều như thế cả. Nghĩa là lập trường của Phật giáo, từ xưa tới nay, từ thủy chí chung mãi mãi vẫn đi theo con đường **"**Trung Đạo". Trung đạo chớ không phải "Trung Lập", xin chớ vội hiểu lầm.

Chú thuật, tiên dược, kết hảo quý nhân, thân hậu tiết mạn, giai bất ưng tác.

Luyện bùa chú, nấu tiên dược, giao hảo với người quyền quí, thân hậu kẻ khinh mạn, đều không nên làm.

Người tu hành học đạo giải thoát còn luyện bùa chú để làm gì? Việc luyện bùa chú thậm chí ngay cả vấn đề trù yếm người đời vẫn làm. Bởi người đời họ không sợ tội lỗi hay nhân quả. Có người con trai yêu thương người con gái mà người con gái không đáp trả lại làm thỏa mãn yêu thương của chàng trai, thì chàng trai đó có khi đi mướn thầy bùa chú để làm bùa yêu. Có người cũng vì bùa yêu này mà tinh thần của họ khờ khạo như ngây như dại, và họ không còn làm chủ được họ. Thậm chí có khi nặng quá cũng có thể bị điên cuồng. Đó là tai hại của việc sử dụng bùa chú. Tuy đây là việc mê tín nhưng không phải là không có. Còn nấu tiên dược, thú thật, tôi chỉ nghe mà không thấy. Tuy không thấy, nhưng chắc chắn việc làm này hẳn nhiên là có. Vì có nên Phật mới nêu ra để người xuất gia phải xa lánh không nên làm.

Việc giao hảo với người quyền quí cao sang, điều này người xuất gia thường hay phạm phải. Giao tiếp với những người giàu có, phần nhiều đều có ý đồ trục lợi. Còn giao tiếp với những người có quyền thế là cốt để nhờ đến khi cần. Có khi dựa vào hơi hám thế lực cũng không chừng. Cả hai hạng người này, Phật không cho người xuất gia giao tiếp, đương nhiên là nó có lý do của nó. Tự xét mình là người xuất gia tu hành, không nên dựa dẫm vào những thế lực quyền quí, đôi khi làm mất đi thanh danh nhân cách phẩm giá cao đẹp của người tu hạnh xuất thế. Có người, dù đã xuất gia thọ giới lớn (250giới), nhưng vì quyền lợi nào đó mà họ lại khom mình ton hót những kẻ

f. Thiền Định

Kinh Văn:

Nhữ đẳng Tỳ kheo! Nhược nhiếp tâm giả, tâm tắc tại định. Tâm tại định cố, năng tri thế gian sanh diệt pháp tướng. Thị cố nhữ đẳng thường đương tinh tấn tu tập chư định. Nhược đắc định giả, tâm tắc bất tán. Thí như tích thủy chi gia, thiện trì đê đường, hành giả diệc nhĩ, vị trí huệ thủy cố, thiện tu thiền định, linh bất lậu thất. Thị danh vi định.

Dịch Nghĩa:

f. Thiền định

Tỳ kheo các ông! Nếu người nhiếp tâm thì tâm ở trong định, nên có thể biết được pháp tướng sanh diệt trong thế gian. Thế nên các ông phải thường tinh tấn tu các thiền định. Nếu được định rồi thì tâm không còn tán động. Ví như người giữ nước, khéo giữ đê điều. Cũng thế, hành giả vì nước trí huệ, khéo tu thiền định khiến cho không bị chảy mất. Ấy là công đức thiền định.

Giảng Giải:

Nhữ đẳng Tỳ kheo! Nhược nhiếp tâm giả, tâm tắc tại định. Tâm tại định cố, năng tri thế gian sanh diệt pháp tướng. Thị cố nhữ đẳng thường đương tinh tấn tu tập chư định.

Tỳ kheo các ông! Nếu người nhiếp tâm thì tâm ở trong định, nên có thể biết được pháp tướng sanh diệt trong thế

niệm, tâm niệm. Nhiếp là gồm thâu gom giữ những ý niệm ở tâm lại một chỗ, không để cho nó suy nghĩ vọng tưởng lung tung. Vì thế nhiếp niệm giúp cho chánh niệm có thêm nhiều năng lực hơn. Sự hỗ tương giữa nhiếp niệm và chánh niệm rất cần thiết cho việc tu tập. Nếu không có nhiếp niệm về một chỗ, thì tâm ta dễ bị tán loạn và như thế thì sẽ mất hết các công đức. Công đức có ra là do ta khéo biết nhiếp niệm để đoạn trừ phiền não. Giống như người gặt lúa, trước phải dùng vòng hái gom các cọng lúa của bụi lúa nắm chặt trong tay, rồi dùng lưỡi hái bén cắt một cái là hết cả bụi lúa. Cũng thế, nhiếp niệm là dụ cho gom các cọng lúa lại, nắm chặt trong tay dụ cho chánh niệm, cắt đứt là dụ cho đoạn trừ phiền não. Công đức là dụ cho thu hoạch được lúa nhiều.

Nhược niệm lực kiên cường, tuy nhập ngũ dục tặc trung, bất vi sở hại. Thí như trước khải nhập trận, tắc vô sở úy. Thị danh bất vong niệm.

Nếu niệm lực được vững chắc, tuy vào trong giặc Ngũ dục cũng không bị chúng làm hại. Ví như mặc áo giáp vào trận thì không còn phải lo sợ điều gì. Ấy là công đức không quên chánh niệm.

Đoạn văn kinh này, Phật nêu ra sự lợi ích thiết thực vững chắc của chánh niệm. Khi có chánh niệm rồi, thì dù cho ta có tiếp xúc với Ngũ dục lạc thế gian, chúng cũng không thể nào làm não hại ta được. Chúng chỉ làm hại được là khi nào tâm ta bị thất niệm. Phật nêu ra một hình ảnh thí dụ: Người có chánh niệm khác nào như kẻ mặc áo giáp xông pha vào trận địa, giữa chốn ba quân hò hét mà không hề sợ sệt. Vì sao, vì đã có chánh niệm che chở vững chắc thì đâu còn lo sợ điều gì. Đó chính là công đức không quên chánh niệm vậy.

có quyền thế, làm mất đi tác phong đạo đức và thể thống của một ông thầy. Nếu là người còn có chút tự trọng thì không nên làm. Dù sao mình cũng là "đường đường tăng tướng, diện mạo khả quan", không lẽ vì chút hư danh quyền lợi nào đó mà tự bôi xấu hạ thấp chính mình. Làm mất đi oai nghi tác phong cao thượng của một vị thầy. Cho nên ta thấy khi Phật ngăn cấm điều nào đều phải có lý do của nó. Thiết nghĩ, là người xuất gia tu hạnh xuất thế, ta nên để ý đến vấn đề này. Phải giữ đúng vị thế oai nghi tác phong đạo đức của một ông thầy. Có thế, thì mọi người mới tôn trọng kính phục mình, bằng ngược lại, họ coi mình rất tầm thường không xứng đáng để cho họ kính trọng. Đồng thời cũng không nên giao du với những kẻ khinh mạn. Con người cống cao ngã mạn hiu hiu tự đắc coi người dưới mắt, khinh khi miệt thị coi thường người khác, hạng người như thế thì ta cũng không nên gần gũi họ. Gần họ ta sẽ bị ảnh hưởng cái tánh kiêu căng ngông cuồng phách lối của họ. Ta nên bắt chước người xưa là "kính nhi viễn chi". Kính họ nhưng quyết không giao du thân cận với họ. Đó là vì ta muốn tránh đi những phiền phức có thể xảy ra không tốt sau này.

Đương tự đoạn tâm chánh niệm cầu độ. Bất đắc bao tàng hà tỳ, hiển dị hoặc chúng.

Phải tự giữ tâm chánh niệm mong cầu giải thoát. Chẳng được che giấu tội lỗi, khoe bày dị tướng dối gạt mọi người.

Qua đoạn kinh văn này, ta thấy câu đầu rất quan trọng. Phật dạy chúng ta phải tự giữ tâm chánh niệm mong cầu giải thoát. Chánh niệm theo nghĩa thông thường là nghĩ nhớ ngay thẳng không được quanh co. Chỉ nhớ đến pháp môn mình đang tu tập, hoặc nhớ lời hay lẽ phải những gì

mà chư Phật Tổ thường chỉ dạy trong kinh điển. Chánh niệm theo nghĩa sâu xa hơn, thì ta chỉ biết những gì đang xảy ra trong giây phút hiện tại. Tuyệt đối không nghĩ về quá khứ hay tương lai. Vì đó là hai ngục tù mà ta thường bị giam hãm. Ta chỉ nghĩ hay có mặt thực sự ngay trong giây phút hiện tại, là ta đã vượt ra ngoài đối đãi nhị nguyên. Chính giây phút đó ta mới sống thực với ta. Và tất cả những gì chung quanh ta, ta tiếp xúc rất là mầu nhiệm vô cùng. Ta không đánh mất ta và ta luôn luôn có mặt với thực tại. Một thực tại hiện hữu vượt ra ngoài tất cả. Có chánh niệm như thế, thì ta mới thực sự sống lại với chính ta và ta đã giải thoát. Tôi viết bài thơ "Chén Trà Trong Hai Tay" là nhằm để nhắc nhở quý liên hữu trong đạo tràng Quang Minh giữ gìn chánh niệm trong khi uống trà hay làm bất cứ những công việc gì khác. Không ngờ bài thơ này lại trở thành bài hát trong những ngày chủ nhật sinh hoạt thọ bát. Nội dung bài thơ như sau:

Chén trà trong hai tay
Chánh niệm vui tràn đầy
Mọi việc đều buông bỏ
Hiện tại và ở đây

Chén trà trong hai tay
Họp mặt vui sum vầy
Chén trà luôn nhớ mãi
Tình đạo chẳng đổi thay

Chen trà trong hai tay
Hạnh phúc vui từng ngày
Niệm Phật đừng xao lãng
Sen nở ở ngay đây

1. Giáo thọ thiện tri thức: Là người trực tiếp hướng dẫn dạy dỗ chúng ta thăng tiến trên con đường Đạo nghiệp, chứ không phải chỉ những người học rộng hiểu nhiều không thôi.

2. Đồng hạnh thiện tri thức: Là những người bạn đồng hành, đồng tu, đồng học với chúng ta. Sách có câu: "Học thầy không tầy học bạn". Chữ tầy có nghĩa là bằng. Vì bạn là người gần gũi với mình nên dễ trao đổi chia sẻ học hỏi với nhau. Còn thầy ở bậc cao hơn nên muốn thưa hỏi cũng khó.

3. Ngoại hộ thiện tri thức: Những người này tuy là ngoại hộ nhưng họ đóng vai trò cũng không kém phần quan trọng. Vì không có họ lo mọi việc "Tứ sự cúng dường" thì chúng ta cũng khó được an ổn mà tu học. Ở đây, gọi những người này là thiện hộ trợ. Nghĩa là họ khéo léo phụng sự giúp đỡ cho chúng ta những việc linh tinh cần thiết về vật chất rất tốt.

Qua ba hạng thiện tri thức nói trên, tuy rằng rất tốt để giúp chúng ta thăng tiến trên con đường tu học, nhưng Phật nói: "*Vẫn không bằng không quên chánh niệm".* Vì sao? Vì có chánh niệm thì phiền não không có cớ xen vào. Phiền não không có, cố nhiên là ta sẽ có được Niết bàn hiện thực.

Thị cố nhữ đẳng thường đương nhiếp niệm tại tâm. Nhược thất niệm giả, tắc thất chư công đức.

Thế nên các ông cần phải nhiếp niệm tại tâm, nếu để mất niệm sẽ mất các công đức.

Nhiếp niệm có nghĩa là thu nhỏ vọng niệm lại. Niệm là ý

hành không thể nói suông mà có được. Có nhiều cách chúng ta thực tập chánh niệm. Cách hay nhất là ta nên thực tập chánh niệm bằng cách theo dõi hơi thở. Vì hơi thở không lúc nào vắng mặt với chúng ta. Hơi thở không còn là chúng ta đã từ giã cõi đời này rồi! Bài học đầu tiên trong mười sáu pháp Quán Niệm Hơi Thở, là thở vào tôi biết tôi đang thở vào. Thở ra tôi biết tôi đang thở ra. Cứ thực tập như thế, lâu dần sẽ trở thành thói quen. Hẳn chúng ta còn nhớ bài kệ "Điều Chỉnh Hơi Thở" của Thiền Sư Thích Nhất Hạnh được viết trong tác phẩm Bước Tới Thảnh Thơi:

"Thở vào tâm tĩnh lặng
Thở ra miệng mỉm cười
An trú trong hiện tại
Giờ phút đẹp tuyệt vời"

Khi hơi thở chánh niệm được thuần thục thì chúng ta sẽ có chánh định. Có chánh định là sẽ có chánh huệ. Muốn biết rõ về phương pháp thực tập này cho có hiệu quả tốt đẹp, thì ta nên đọc quyển sách: Hơi Thở Nuôi Dưỡng và Trị Liệu của Thiền Sư Thích Nhất Hạnh. Sách này do Thích Chân Pháp Niệm dịch. Áp dụng Kinh Quán Niệm Hơi Thở vào đời sống hằng ngày. Được thế, thì chúng ta sẽ gặt hái thành quả rất lớn.
Trong việc tu tập, thiện tri thức đối với chúng ta rất quan trọng. Vì thiện tri thức là những người thầy hiền, bạn tốt của chúng ta. Tri thức có nghĩa là, tri là biết được lòng, còn thức là biết được tánh. Đây chính là những người có thể giúp chúng ta rất nhiều trên bước đường tu học Phật pháp. Trong kinh thường nêu ra có ba hạng thiện tri thức: 1. Giáo thọ thiện tri thức. 2. Đồng hạnh thiện tri thức. 3. Ngoại hộ thiện tri thức.

Chén trà trong hai tay
Công phu quyết chẳng nài
Việc qua rồi chẳng nhớ
Chẳng nghĩ đến tương lai

Chén trà trong hai tay
Tu học chí miệt mài
Đời người như bóng chớp
Niệm Phật thoát trần ai.

Cần nói rõ, sở dĩ có bài thơ này, lý do là vì năm 2012, chúng tôi có hướng dẫn phái đoàn sang Nhật Bản để cầu siêu cho những nạn nhân thiên tai trận đại hồng thủy xảy ra vào tháng ba năm 2011. Nhân dịp này, chúng tôi có tham dự một buổi thiền trà do Sư Cô Tâm Trí tổ chức tại chùa Nhật Tân Cốc, trong thành phố Tokyo. Trong khi tham dự, tôi có chút cảm hứng nên viết bài thơ này để tặng cho buổi thiền trà hôm đó. Viết xong, tôi đọc cho mọi người nghe và đã được mọi người tán thưởng bằng một tràng pháo tay giòn giã. Từ đó, bài thơ này trở thành một bài hát thường xuyên trong các buổi sinh hoạt của đạo tràng Quang Minh. Đọc kỹ bài thơ ta thấy trong đó có Tục đế và Chơn đế. Nói cách khác có Tích môn và Bản Môn.

Đến câu thứ hai, ta thấy cũng không kém phần quan trọng. Nghĩa là một khi ta đã gây ra tội lỗi thì nhứt định không được che giấu. Cũng không nên khoe bày dị tướng để dối gạt mọi người. Dị tướng là hình tướng khác lạ. Mặc dù bên trong không tu hành chơn chất, có nghĩa là mình không thành thật với chính mình, nhưng bên ngoài làm ra vẻ con người chơn thật, ai nấy nhìn vào cũng lầm tưởng mình là con người tu hành chơn chánh lắm. Nhưng có ai biết được mình đang che giấu một tội lỗi tày trời, kinh

thiên động địa. Đó là cách phỉnh gạt người ta làm ra vẻ mình đây tu hành chơn thật. Kỳ thật thì bên trong đã hư thúi ruỗng mục chứa đầy sự gian ác tội lỗi. Đó là lừa gạt qua mắt người có kỹ thuật cao kiến. Nhưng thử hỏi làm như thế có qua mắt người ta được lâu không? Hay là cây kim trong bộc khó mà giữ kín không lòi ra. Khi đã lòi ra rồi, thì sẽ hiện nguyên hình mà mọi người phải kinh tởm xa lánh. Cho nên tốt nhứt là ta hãy sống thành thật với chính mình. Nếu đã gây ra tội lỗi thì ta nên tự phát lồ sám hối. Điều này không ai dám chê cười mình, mà trái lại người ta còn rất kính trọng mình nữa. Khổng Tử nói: "Nhơn vô thập toàn". Làm người không có ai hoàn toàn trong sạch được hết. Là con người sống trong vòng nghiệp thức, thì ít nhiều gì ai cũng có tội lỗi cả. Nếu đã lỡ gây ra, thì ta nên ý thức mạnh dạn mà cải hối và làm lại con người mới tốt đẹp hơn. Sám hối là một phương pháp tuyệt vời, đó là ý thức tự giác. Có gì xấu hổ đâu mà phải tìm mọi cách che giấu. Chính cái che giấu đó, khi người ta biết được mới thật là xấu hổ. Cho nên hai câu mà Phật dạy đây, là người xuất gia ta phải nhớ thuộc nằm lòng và nên áp dụng vào đời sống hiện thực của mình. Có thế, thì mới được lợi lạc vậy.

Ư tứ cúng dường, tri lượng, tri túc, thủ đắc cúng sự, bất ưng súc tích.

Đối với bốn món cúng dường phải biết lượng và biết đủ; được vật cúng dường không nên chứa cất.

Bốn món cúng dường như trên đã nói gồm có: y phục, ẩm thực, ngọa cụ, thang dược. Nói rõ ra là áo mặc tức pháp phục của người xuất gia. Ẩm thực là vấn đề ăn uống. Ngọa cụ là đồ dùng như giường chõng tức chỗ ngủ nghỉ. Thang dược là thuốc thang để uống khi có bệnh hoạn đau

Dịch Nghĩa:

e. Không quên chánh niệm

Tỳ kheo các ông! Cầu thiện tri thức, cầu thiện hộ trợ, không bằng không quên chánh niệm. Nếu có người không quên chánh niệm, các giặc phiền não sẽ không vào được. Thế nên các ông cần phải nhiếp niệm tại tâm, nếu để mất niệm sẽ mất các công đức. Nếu niệm lực được vững chắc, tuy vào trong giặc Ngũ dục cũng không bị chúng làm hại. Ví như mặc giáp vào trận thì không còn phải lo sợ điều gì. Ấy là công đức không quên chánh niệm.

Giảng Giải:

Nhữ đẳng Tỳ kheo! Cầu thiện tri thức, cầu thiện hộ trợ, vô như bất vong niệm. Nhược hữu bất vong niệm giả, chư phiền não tặc tắc bất năng nhập.

Tỳ kheo các ông! Cầu thiện tri thức, cầu thiện hộ trợ, không bằng không quên chánh niệm. Nếu có người không quên chánh niệm, các giặc phiền não sẽ không vào được.

Đề mục thứ năm này rất quan trọng ta cần nên chú ý. Người tu hành muốn có được an lạc giải thoát thì ta không thể nào quên chánh niệm. Ta nên nhớ rằng, trong truyền thống đạo Phật Niệm, Định, Tuệ được xem như là nền tảng, là cốt lõi của sự tu tập. Niệm là chánh niệm, chỉ biết những gì đang xảy ra trong giây phút hiện tại. Thường chúng ta hay sống trong thất niệm. Làm việc ở đây mà hay nhớ đến những chuyện linh tinh khác. Chính vì thất niệm mà ta thường bị rơi vào trạng huống đau khổ. Muốn có chánh niệm ta phải thường xuyên thực tập. Tu

tinh cần tu tập như vậy, nói chi là người xuất gia? Người xuất gia tu hạnh xuất thế. Nghĩa là pháp tu tập của người xuất gia là mong cầu được giác ngộ và giải thoát. Vì thế, nên sự chuyên cần tinh tấn tu tập của người xuất gia phải vượt trội hơn người Phật tử tại gia rất nhiều. Vì sao? Vì người Phật tử tại gia còn vướng bận công ăn việc làm, gia đình và xã hội. Nói chung, ít có thời gian rỗi rảnh để tu tập như người xuất gia.

Lời Phật dạy ở đây, không riêng gì cho người xuất gia, mà cho cả người tại gia nữa. Bởi vì lười biếng nó là một tâm hành tiêu cực. Tâm hành này không ai lại không có. Cho nên Phật nói sự tu hành như cọ cây phát lửa. Muốn có lửa, thì phải cọ liên tục không được gián đoạn. Người nào khéo cọ một cách liên tục, thì gọi đó là người tinh tấn. Nếu cọ liên tục thì chắc chắn sẽ phát ra lửa thôi. Cũng thế, người nào tinh tấn chuyên cần tu tập, thì người đó sẽ đạt được kết quả rất tốt đẹp. Ngược lại, người nào cọ nửa chừng rồi ngưng lại, không tiếp tục cọ nữa, thì hẳn nhiên là không có phát lửa. Phật nói người lười biếng cũng như vậy. Muốn có được công đức cố nhiên là phải chuyên cần tinh tấn tu tập.

e. Bất Vong Niệm

Kinh Văn:

Nhữ đẳng Tỳ kheo! Cầu thiện tri thức, cầu thiện hộ trợ, vô như bất vong niệm. Nhược hữu bất vong niệm giả, chư phiền não tặc tắc bất năng nhập. Thị cố nhữ đẳng thường đương nhiếp niệm tại tâm. Nhược thất niệm giả, tắc thất chư công đức. Nhược niệm lực kiên cường, tuy nhập ngũ dục tặc trung, bất vi sở hại. Thí như trước khải nhập trận, tắc vô sở úy. Thị danh bất vong niệm.

yếu. Bốn món này đối với người xuất gia phải biết tiêu thụ vừa đủ. Ngoài việc tiêu thụ ra, cũng không được đầu cơ tích trữ. Nghĩa là chứa cất riêng cho mình tiêu dung. Điều này là biểu hiện long tham lam mà người xuất gia không nên có. Vừa tham lam lại vừa thiếu tinh thần Lục hòa. Trong sáu phép hòa hợp có một phép hòa là Lợi hòa đồng quân. Nghĩa là, khi nhận tài vật của Đàn na tín thí cúng dường thì phải phân phát đồng đều, không được kẻ nhiều người ít. Hơn nữa, tuyệt đối không được cất chứa tồn trữ riêng cho mình. Trong giới luật của Tỳ kheo, Phật dạy rất kỹ về vấn đề này. Người xuất gia chúng ta phải nên tuân thủ sáu phép Lục hòa Phật dạy: Sáu phép hòa thuận gồm có: 1. Thân hòa đồng trụ. 2. Khẩu hòa vô tranh. 3. Ý hòa đồng duyệt. 4. Lợi hòa đồng quân. 5. Kiến hòa đồng giải. 6. Giới hòa đồng tu. Chúng ta cần phải học kỹ sáu phép hòa thuận này. Sáu phép hòa này, Phật dạy không riêng gì cho người xuất gia, mà cho cả quốc gia và rộng ra là cho cả cộng đồng thế giới. Nơi nào có tăng thân thì nơi đó phải có áp dụng Lục hòa. Một đoàn thể trên dưới có hòa hợp thì đoàn thể đó mới có thể phát triển lớn mạnh và tiến bộ nhịp nhàng vững chắc. Cho nên sáu phép hòa này rất là quan trọng.

Kinh Văn:

c. Minh Giới Đức

Thử tắc lược thuyết trì giới chi tướng. Giới thị chánh thuận giải thoát chi bổn, cố danh Ba-la-đề-mộc-xoa. Nhân y thử giới, đắc sanh chư thiền định cập diệt khổ trí huệ.

d. Hiển giới ích

Thị cố tỳ-kheo đương trì tịnh giới, vật linh hủy khuyết. Nhược nhân năng trì tịnh giới, thị tắc năng hữu thiện pháp. Nhược vô tịnh giới, chư thiện công đức giai bất đắc sanh. Thị dĩ đương tri giới vi đệ nhất an ổn công đức chi sở trụ xứ.

Dịch Nghĩa:

c. Công đức trì giới

Đây là lược nói về tướng trì giới. Giới là căn bổn chính, thuận dòng giải thoát, nên gọi là Ba la đề mộc xoa. Nhân y nơi giới này mà được sanh các thứ thiền định và trí huệ diệt khổ.

d. Lợi ích của Giới

Thế nên Tỳ kheo phải giữ Tịnh giới, chớ khiến hư kém. Nếu người nào hay giữ gìn Tịnh giới thì người ấy có được Thiện pháp. Nếu không giữ Tịnh giới, các công đức lành đều không sanh được. Do đây phải biết giới là chỗ ở công đức an ổn nhất.

Giảng Giải:

Thử tắc lược thuyết trì giới chi tướng. Giới thị chánh thuận giải thoát chi bổn, cố danh Ba-la-đề-mộc-xoa.

Đây là lược nói về tướng trì giới. Giới là căn bổn chính, thuận dòng giải thoát, nên gọi là Ba la đề mộc xoa.

Giới có giới tướng và giới tánh. Giới tướng thuộc về giới của hàng Thanh văn; còn giới tánh thuộc về giới của Bồ

thì chỉ còn có mỗi con đường sa đọa mà thôi! Cho nên Phật dạy người xuất gia phải siêng năng tinh cần tu tập các pháp lành. Nhất là phải tinh tấn trau dồi Tam Huệ Học: "Văn huệ, Tư huệ và Tu huệ". Có thường xuyên trau dồi tu học như thế, thì chúng ta mới có thể thành tựu được đạo quả. Cũng thế, một giọt nước tuy không là gì, nhưng nếu giọt nước kia cứ chảy mãi lâu ngày thì đá kia dù cứng đến đâu cũng phải hao mòn mà thôi.

Nhược hành giả chi tâm, sác sác giải phế, thí như toản hỏa vị nhiệt nhi tức. Tuy dục đắc hỏa, hỏa nan khả đắc. Thị danh tinh tấn.

Nếu như tâm của hành giả thường thường biếng nhác bỏ bê chẳng khác nào kéo lửa chưa phát nóng mà ngưng, tuy muốn được lửa, lửa cũng khó được. Ấy là công đức siêng năng.

Tu hành mà còn có cái tâm lười biếng thì không thể chấp nhận được. Người Phật tử tại gia có người phải nói họ rất siêng năng tu tập. Tùy theo trình độ hiểu biết về giáo lý Phật dạy, mà mỗi người có sự tu tập khác nhau. Có người họ tu tập theo thời khóa cố định. Họ giữ thời khóa đều đặn không bỏ sót một thời khóa nào. Có người không theo thời khóa cố định, mà họ luôn thực tập chánh niệm. Có người thì họ niệm Phật theo phương pháp trì danh. Họ niệm Phật không hạn cuộc vào thời khóa. Họ thường niệm Phật theo phương pháp lịch duyên đối cảnh mặc niệm, nghĩa là chỉ niệm thầm trong tâm thôi. Người áp dụng phương pháp này thì không luận thời gian và nơi chốn. Ở đâu họ cũng có thể niệm Phật được cả. Nói chung, tùy theo trình độ hiểu biết mà họ tự chọn cho mình một cách tu tập khác nhau. Đó là nói người Phật tử tại gia mà họ còn siêng năng

cảm thấy hổ thẹn với lương tâm nghề nghiệp và mới có thể đạt được thành công như ý muốn.

Nói tóm lại, ngành nghề nào trong xã hội cũng đều đòi hỏi người ta phải chịu khó siêng năng cần mẫn lắm mới được. Bởi vì có "nhất nghệ tinh thì mới nhất thân vinh". Ngược lại, bất cứ ngành nghề nào mà người ta làm không được tinh xảo đều do lười biếng mà ra.

Ngày xưa, có một người đàn ông làm biếng khét tiếng, nhưng ông có một người con gái rất xinh đẹp. Ông tuyên bố với mọi người, ông ta kén chọn rể, chàng trai nào muốn làm rể nhà ông thì phải làm biếng hơn ông thì ông mới gả con gái cho. Thế thì, có bao chàng trai trong làng đua nhau đến thử, nhưng không có người nào mà ông chấm điểm vừa ý cả.

Một ngày nọ, có một chàng trai hành động khác lạ. Khi đi vào nhà, anh ta đi thụt lùi xoay cái lưng vào nhà cái mặt hướng ra ngoài. Ông chủ nhà thấy vậy lấy làm lạ mới hỏi: Tại sao chú mầy đi cái gì lạ vậy? Anh ta trả lời, có gì đâu mà lạ: Bởi tôi đến đây hỏi vợ, mà nếu ông không đồng ý, thì tôi đi ra luôn khỏi cần mắc công xoay cái lưng lại. Ông chủ nhà cười khà và nói: " Quả thật thằng này nó lười biếng hơn tôi gấp trăm ngàn lần". Chỉ có xoay cái lưng lại mà nó cũng nói mắc công nữa. Vậy thì trên đời này không có ai làm biếng hơn nó rồi!

Tuy đó là một câu chuyện tiếu lâm hài hước, nhưng ngẫm nghĩ nó cũng nói lên được cái tâm quá lười biếng của con người. Người mà lười biếng thì không làm nên trò trống gì cả. Ngoài đời đã có những người lười biếng như thế còn trong đạo thì sao? Cố nhiên, người tu hành mà lười biếng

tát. Dù giới tướng hay giới tánh, hễ đã thọ giới rồi thì phải trân quý giữ gìn. Tuy nhiên, muốn giữ gìn tịnh giới cho có hiệu quả, thì trước tiên, chúng ta phải học giới. Có học giới thì ta mới biết được "**Khai, Giá, Trì, Phạm, Danh, Chủng, Tánh, Tướng**". Bằng không, thì chúng ta không làm sao biết được công đức giá trị của giới? "Giới có công năng tăng trưởng công đức thiện căn, vì thế, giới chính là căn bản thuận dòng giải thoát". Người giữ giới luật tinh nghiêm cố nhiên là sẽ có định. Vì định là nhờ vào giữ giới mà có. Một khi đã có định, cố nhiên là sẽ có huệ. Đó là chúng ta nói theo thứ lớp. Kỳ thật "Giới, Định, Huệ" không thể rời nhau mà có. Một là ba mà ba cũng là một. Nói rõ hơn, trong giới đã có định, huệ, và trong định cũng có giới và huệ. Trong huệ cũng có giới và định. Cho nên chỉ cần giữ giới chín chắn nghiêm minh thì hai thứ kia đồng thời phát sanh. Thế nên công đức của người trì giới thật không thể nghĩ bàn. Người không giữ giới, gây tạo nghiệp ác tất nhiên là phải sa đọa. Ngược lại, có giữ gìn tịnh giới thì mới có được công đức vô lậu. Công đức vô lậu là không còn bị rơi vào Tam giới. Cụm từ Ba la đề mộc xoa, Trung Hoa dịch là Biệt giải thoát. Nghĩa là hành giả giữ được giới nào thì sẽ được giải thoát giới đó. Như giữ giới không giết người, thì hành giả không lo sợ quả báo phải đền tội trước pháp luật và cũng không lo sợ bị trả thù về sau. Cho nên công đức của người trì giới rất lớn. Vì sao? Vì giữ giới thì phiền não không phát sanh, định và huệ tròn đủ, nên công đức tròn đủ vậy. Thế nên câu kế tiếp Phật dạy:

Nhân y thử giới, đắc sanh chư thiền định cập diệt khổ trí huệ.

Nhân y nơi giới này mà được sanh các thứ thiền định và trí huệ diệt khổ.

Lời dạy này, đức Phật cho chúng ta biết rất rõ, nếu không có Giới, thì sẽ không có Định và Huệ. Thiền định nói cho đủ là Thiền na (dhyna) Trung Hoa dịch là Tư duy tu, cũng gọi là Tịnh lự. Tư duy tu nghĩa là lấy cảnh đối tượng nào đó làm đề tài để chúng ta thiền quán. Bất cứ đề tài nào ta cũng có thể thiền quán được cả. Trong đạo Phật vấn đề tham thiền rất là quan trọng. Ta có thể thấy hoặc nghe một sự kiện nào đó vừa mới xảy ra. Trường hợp như trận động đất đã xảy ra ở Miến Điện chẳng hạn. Khi nghe tin tức về những thiệt hại vật chất và con người, nhất là số người chết và mất tích (chưa tìm được xác) lên đến cả hằng ngàn người. Nghe thế, ta liền lấy đó làm đề tài để thiền quán. Ta quán về sự vô thường nhanh chóng. Ta trực nhớ đến trong Kinh Bát Đại Nhơn Giác, Phật dạy: "**Thế gian vô thường, quốc độ nguy thúy**". Chữ Thế, Trung Hoa dịch là thiên lưu (dời đổi), chữ Gian Trung Hoa dịch là gián cách. Nói thế gian là bao gồm cả thời gian và không gian. Thời gian thì luôn luôn biến chuyển không dừng khác nào như dòng nước luôn chảy trôi, không gian là vật chất thì cũng hằng biến dịch đổi dời. Không gian thì bao gồm các loài động vật, thực vật và khoáng vật. Khoáng vật thì như đất, đá v.v... Thế thì không gian luôn luôn chuyển biến, do vì chuyển biến nên quả địa cầu hoạt động không dừng. Ta thử tưởng tượng sự hoạt động chuyển dịch của quả địa cầu trải qua hàng mấy tỷ năm, thì đương nhiên nó phải bị hao mòn dần và đưa đến tình trạng sẽ bị hoại diệt. Theo các nhà địa chất học cho biết, trái đất của chúng ta đang sinh sống nó đã đến hồi giãy chết. Chính vì thế, nên có những trận động đất ... đã xảy ra liên miên khắp nơi trên thế giới. Mỗi một trận thiên tai động đất hay bão lụt thì người và vật bị thiệt hại rất nặng nề. Có thiền quán như thế, ta mới thấy cõi đời này không có gì là bền chắc cả. Tất cả đều bị định luật vô thường chi phối và mạng sống con người như

Tỳ kheo các ông! Nếu chuyên cần tinh tấn thì không có việc gì là khó. Thế nên các ông phải chuyên cần tinh tấn. Ví như giọt nước chảy luôn có thể soi thủng phiến đá.

Trong đạo hay ngoài đời, tinh tấn bao giờ và lúc nào cũng đóng một vai trò tối ư quan trọng. Riêng người tu hành mà không chịu khó cần mẫn siêng năng tu học, thì thử hỏi biết đến bao giờ mới có thể thành tựu được đạo quả? Đối với những công ăn việc làm ở ngoài đời cũng thế. Nếu muốn thành công bất cứ trong lĩnh vực nào, thì người ta cũng phải cần cù chịu khó siêng năng làm việc tích cực không ngừng.

Một em học sinh, tối ngày cứ lêu lổng rong chơi với bạn bè không chịu siêng năng học hành, thì người ta sẽ đánh giá em học sinh đó như thế nào? Ai cũng cho em học sinh đó rất là lười biếng. Đến kỳ thi cử kết quả, em đó sẽ ra sao? Chắc chắn là em đó sẽ bị đánh rớt!

Một người chuyên buôn bán nhỏ như nghề làm bánh bán chẳng hạn. Nếu họ không chịu khó siêng năng thức khuya dậy sớm để làm, thì thử hỏi làm sao họ có bánh để bán mỗi buổi sáng ở chợ để kiếm tiền lời độ nhựt? Cho nên muốn kiếm được nhiều tiền thì đòi hỏi là họ phải chịu khó siêng năng thức khuya dậy sớm tận tụy với công việc của mình.

Một người dạy học mà không nỗ lực siêng năng nghiên cứu biên soạn giáo án, thì thử hỏi học trò của họ có học giỏi được không? Và bản thân của họ sẽ như thế nào? Nhà trường sẽ đánh giá họ ra sao? Một người thầy giỏi là người thầy đó phải luôn tận tâm, tận lực siêng năng hết lòng với nghề nghiệp. Có thế thì người thầy đó mới không

duyên trần, nếu không, thì coi chừng khổ khổ chất chồng lên nhau. Chừng đó chúng ta có than van thì họa hại cũng đã lụy vào thân ta rồi! Phật kết luận, đó là công đức của sự xa lìa.

d. Tinh Tấn

Kinh Văn:

Nhữ đẳng Tỳ Kheo! Nhược cần tinh tấn, tắc sự vô nan giả. Thị cố nhữ đẳng đương cần tinh tấn. Thí như tiểu thủy trường lưu, tắc năng xuyên thạch. Nhược hành giả chi tâm, sác sác giải phế, thí như toản hỏa vị nhiệt nhi tức. Tuy dục đắc hỏa, hỏa nan khả đắc. Thị danh tinh tấn.

Dịch Nghĩa:

d. Siêng Năng

Tỳ kheo các ông! Nếu chuyên cần tinh tấn thì không có việc gì là khó, thế nên các ông phải chuyên cần tinh tấn. Ví như giọt nước chảy luôn có thể soi thủng phiến đá. Nếu như tâm của hành giả thường thường biếng nhác bỏ bê chẳng khác nào kéo lửa chưa phát nóng mà ngưng, tuy muốn được lửa, lửa cũng khó được. Ấy là công đức siêng năng.

Giảng Giải:

Nhữ đẳng Tỳ Kheo! Nhược cần tinh tấn, tắc sự vô nan giả. Thị cố nhữ đẳng đương cần tinh tấn. Thí như tiểu thủy trường lưu, tắc năng xuyên thạch.

đèn treo trước gió, hay như chỉ mành treo chuông!

Sự vô thường nhanh chóng không ai có thể biết trước được. Tổ Qui Sơn dạy: "Sanh, già, bệnh, chết không hẹn cùng người, sớm còn tối mất, chợt qua đời khác. Thí như sương mùa xuân đóng trên đầu ngọn cỏ chợt có liền không". Thân này giống như bèo bọt tụ tán rất nhanh. Tôi có làm bài thơ với tựa đề là "**Huyễn Thân**":

Thân như bọt nước hợp rồi tan
Chìm nổi lênh đênh khóc khổ than
Mấy kẻ nhận ra mình bọt nước?
Bao người biết rõ cảnh hoa tàn?
Hơn thua phải trái tranh nhau mãi
Cấu xé bon chen lệ ướt tràn
Này hỡi ai ơi! Mau tỉnh giác
Chóng lo niệm Phật vãng Tây phang.

Ở đây, tôi chỉ muốn nói lên sự vô thường của con người còn nhanh hơn điện chớp. Biết thế, để chúng ta nên nỗ lực tinh tấn tu hành, vì không ai biết được sự vô thường xảy đến với mình như thế nào? Tốt nhứt, là mỗi người chúng ta nên cố gắng cần mẫn huân tu để chuẩn bị cho sự ra đi của mình. Ý thức như thế, chứng tỏ mình đã có trí huệ nhận thức rõ về cuộc đời và con người. Nhận thức để lo tu tập gây nhân tốt lành, chớ không phải nghĩ đến vô thường mà sanh tâm chán đời không làm gì hết. Đó là một quan niệm sai lầm về ý nghĩa vô thường Phật dạy. Phật dạy vô thường để chúng ta ý thức mà nỗ lực tu tập, chớ không phải để chán nản buông xuôi thả trôi theo dòng đời. Hiểu vô thường như thế, là người không có tuệ giác nhìn đời.

Thị cố Tỳ-kheo đương trì tịnh giới, vật linh hủy khuyết. Nhược nhân năng trì tịnh giới, thị tắc năng hữu thiện pháp.

Thế nên Tỳ kheo phải giữ Tịnh giới, chớ khiến hư kém. Nếu người nào hay giữ gìn Tịnh giới thì người ấy có được Thiện pháp.

Ta thấy những lời di chúc dặn dò sau cùng của đức Phật, Ngài luôn quan tâm xoáy mạnh về vấn đề giữ gìn Tịnh giới. Tu học Phật mà không giữ giới, thì thử hỏi tu cái gì? Và học cái gì? Tu học cái gì đó chớ không phải là tu học Phật. Phải nói một cách khẳng quyết như thế. Người giữ giới là người đang hướng đời mình đi trên con đường thánh thiện. Quyết tâm gìn giữ giới luật tinh nghiêm không để cho sai phạm kém khuyết. Vì kém khuyết nên trong luật gọi là giới ốm, tức tâm ta còn có buông lung, còn chạy theo đắm nhiễm dục trần. Vì thế, Phật dạy chúng ta cần phải giữ tròn Tịnh giới thì sẽ được pháp lành. Thiện pháp nói cách khác là Thiện căn của chúng ta ngày càng tăng trưởng lớn mạnh. Căn lành càng sâu dày, thì con đường tu học Phật pháp của chúng ta ngày càng được bền bỉ vững chắc hơn.

Thiện căn ở tại lòng ta
Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài
Có tài mà cậy chi tài
Chữ tài liền với chữ tai một vần (Truyện Kiều)

Nói về tâm, tất cả các pháp môn mà Phật dạy để chúng ta tu tập hành trì, không một pháp môn nào mà không lấy việc tu tâm làm gốc. Có nghĩa là tu sửa cái tâm vọng tưởng phan duyên theo trần cảnh. Đó là cái tâm vọng động, tâm vô minh phiền não tạo nghiệp thọ khổ. Tu tâm là Phật dạy phải tu cái tâm đó.

Trong nền văn học bình dân của ta, có một bài ca dao rất hay:

nhau thật sự, thì đó là phước chung của ngôi chùa. Bằng ngược lại, thì đó là họa hại của ngôi chùa đó. Xin mọi người ý thức cẩn thận giữ gìn, đừng gây ra cảnh tương tranh đau khổ cho nhau! Chính vì sự tranh cãi hơn thua với nhau đó, thì thử hỏi còn gì là thanh tịnh của một ngôi chùa?! Đừng thấy chùa to Phật lớn mà cho là êm ấm, là an vui hạnh phúc. Hình thức bề ngoài dù có to lớn nguy nga đồ sộ đến đâu, cũng không làm sao che đậy được cái "nội dung" ruỗng mục của nó bên trong. Cái đau khổ trong cái hình thức đồ sộ nguy nga tráng lệ đó, không ai thấy biết hết được cái nỗi khổ trong đó. Chỉ có người trong cuộc mới có thể hiểu rõ được người trong kẹt đó thôi. Trái lại, đừng thấy ngôi chùa bé nhỏ mà chê bai khinh thường, tuy bề ngoài nó nhỏ, nhưng bên trong nó tràn đầy an vui hạnh phúc. Cái hạnh phúc của người tu không nên đánh giá hình thức vật chất bề ngoài. Đừng thấy hoa nở mà ngỡ xuân về. "Tốt mã rã đám" là chuyện bình thường. Cái hạnh phúc của người tu chỉ có hai chữ là "**BIẾT ĐỦ**".

Thế gian phược trước, một ư chúng khổ. Thí như lão tượng nịch nê, bất năng tự xuất. Thị danh viễn ly.

Còn dính líu với thế gian tất bị dìm trong các khổ; ví như voi yếu mắc lầy, không thể tự ra được. Ấy là công đức xa lìa.

Đoạn văn kinh này, như đức Phật báo trước cho chúng ta biết, tu hành mà còn dính líu liên hệ với thế gian nhiều quá, thì hãy coi chừng các khổ não sẽ đến với chúng ta. Và nếu không khéo thì chúng ta sẽ bị nhận chìm trong bùn lầy đau khổ. Khác nào như con voi già say rượu mắc lầy, càng muốn rút chân lên thì lại càng bị lún sâu thêm trong bùn. Tốt nhất là chúng ta phải khéo léo tránh xa các

Nhược nhạo chúng giả, tắc thọ chúng não. Thí như đại thọ, chúng điểu tập chi, tắc hữu khô chiết chi hoạn.

Nếu thích chỗ đông người sẽ bị các sự phiền nhiễu. Ví như cây lớn phải bị lũ chim lót ổ, sẽ có mối lo khô gãy.

Tu mà còn thích chỗ đông người thì khó tránh khỏi sự phiền nhiễu. Phật nêu ra một thí dụ cụ thể, như cây lớn chim bay về lót ổ, thì sẽ có mối lo bị gãy nhánh. Cây lớn là dụ cho như ngôi chùa to, mà chùa to thì tượng Phật phải lớn nó mới tương xứng. Chùa to thì Phật tử bốn đạo thập phương quy tụ về đông, khi họ quy tụ về đông đảo thì tránh sao khỏi những chuyện phiền phức có thể xảy ra. Điều này là một sự thật. Đã có biết bao ngôi chùa lớn, gây ra cảnh rắc rối phiền toái, thậm chí thầy trụ trì phải đích thân xét xử hòa giải. Chưa nói đến gây sự chia rẽ với nhau. Mỗi bên lập nên bè nhóm rồi công kích nói xấu với nhau, có khi còn phải dùng đến võ lực. Như thế có phải là chim bay về lót ổ, rồi gây ra làm cho cây phải gãy nhánh đó không? Bản thân chúng tôi đã từng chứng kiến việc xảy ra chống đối kịch liệt này. Một khi việc bất hòa đã xảy ra thì bên nào cũng dành phần phải, phần đúng về mình. Không ai chịu đứng ra thừa nhận sai trái lỗi lầm về mình cả. Ban đầu thì trong nội bộ giải quyết với nhau. Nhưng không ai chịu thua thiệt nhận lỗi, thì bắt buộc phải thưa kiện đến chánh quyền xét xử. Thế là, từ việc bé xé ra thành to. Từ việc nhỏ ngoài ngõ đều hay biết. Thế là cả chùa gây nên cảnh cãi vã ồn ào náo động. Lẽ ra, cây là để cho chim bay về đậu làm tổ ấm yên lành, nhưng không ngờ chính những con chim đó làm tổn hại đến thân cây. Lời Phật dạy đây, thiết nghĩ mỗi người chúng ta cần nên tư duy quán chiếu. Chùa to Phật lớn chỉ là vỏ bọc bề ngoài, còn bên trong mới là điều đáng nói. Nếu như bên trong mà trên kính dưới nhường hòa ái yêu thương với

Người đời sớm phải tri cơ
Gương lu vì bụi trăng lờ vì mây
Chở che nhờ đức cao dày (trời đất)
Dẫu tu cho mấy chẳng tầy (bằng) tu tâm.

Nhược vô tịnh giới, chư thiện công đức giai bất đắc sanh. Thị dĩ đương tri giới vi đệ nhất an ổn công đức chi sở trụ xứ.

Nếu không giữ Tịnh giới, thì các công đức lành đều không sanh được. Do đây phải biết giới là chỗ ở công đức an ổn nhất.

Người giữ giới là người khéo biết xây dựng đời mình ngày càng thăng hoa tăng trưởng đạo lực. Đạo lực tăng trưởng là nhờ có đạo hạnh. Đạo hạnh càng tăng trưởng lớn mạnh, thì đạo quả mới chóng được viên thành. Mà đạo hạnh đó là nhờ công phu giữ giới luật tinh nghiêm. Sau khi tụng giới Tỳ kheo xong, có các bài kệ tụng, tức những lời dạy của chư Phật khuyên bảo chúng ta nên học các pháp, trong đó có bài kệ tụng "Hồi Hướng" mà chúng tôi xin được trích dẫn một đoạn như sau:

"Người trí chăm giữ giới
Sẽ được ba điều vui
Tiếng khen và lợi dưỡng
Chết được sanh cõi tịnh
Nên quan sát như thế
Phải siêng năng hộ trì
Giới tịnh phát trí huệ
Liền được đạo thứ nhứt
Như chư Phật quá khứ
Và chư Phật vị lai
Hiện tại chư Thế Tôn

Thắng được cả phiền não
Đều cùng tôn kính giới
Ấy là pháp của Phật
Nếu có người vì mình
Muốn được thành Phật đạo
Phải tôn trọng chánh pháp
Là lời chư Phật dạy...”

Đoạn văn kệ trên cho chúng ta thấy rằng, sự lợi ích thiết thực của người khéo biết giữ gìn Tịnh giới.

2. Đối Trị Khổ Vọng

a. Khổ do căn và dục buông lung

Kinh Văn:

Nhữ đẳng Tỳ kheo! Dĩ năng trụ giới, đương chế ngũ căn, vật linh phóng dật, nhập ư ngũ dục. Thí như mục ngưu chi nhân, chấp trượng thị chi, bất linh túng vật, phạm nhân miêu giá.

Nhược túng ngũ căn, phi duy ngũ dục tương vô nhai bạn, bất khả chế dã! diệc như ác mã bất dĩ bí chế, tương đương khiên nhân trụy ư khanh hãm. Như bị kiếp hại, khổ chỉ nhất thế. Ngũ căn tặc họa, ương cập lũy thế, vi hại thậm trọng, bất khả bất thận! Thị cố trí giả chế nhi bất tùy, trì chi như tặc, bất linh túng dật, giả linh túng chi, giai diệc bất cửu kiến kỳ ma diệt.

Dịch Nghĩa:

Tỳ kheo các ông! Đã có thể an trụ trong giới rồi, phải kềm chế ngũ căn chớ để buông lung vào trong ngũ dục. Thí

thành thật với chính mình. Đó mới là người thật sự tu hành. Người tu chơn chánh thì không những chỉ có loài người kính trọng thôi, mà còn trời Đế Thích và chư Thiên cũng kính trọng mình nữa. Đó là một sự thật, không thể phủ nhận.

Thị cố đương xả kỷ chúng, tha chúng, không nhàn độc xứ, tư diệt khổ bổn.

Thế nên phải xa lìa những người thân thuộc bà con bạn bè, một mình ở chốn rảnh rang, lo diet gốc khổ.

Người tu hành muốn được thiền định sâu sắc, tư duy chin chắn, thì Phật dạy phải xa lìa tất cả. Trước nhất, là phải xa lìa bà con, bạn bè thân thuộc, vì những người này thân cận sẽ dễ gây ra làm phiền mình lắm. Cụm từ “Không nhàn độc xứ” có nghĩa là yên ở chỗ thanh vắng một mình. Không nhàn nghĩa là rỗng rang nhàn rỗi. Nhàn rỗi không có nghĩa là không có việc gì làm rồi thả lỏng ngao du nơi này nơi nọ. Đó gọi là lười biếng kiếm cớ đi chơi. Chữ nhàn rỗi ở đây, có nghĩa là trong tâm thường vắng lặng. Phiền não không có cơ hội dấy khởi. Ở trong Chứng Đạo Ca của Thiền Sư Huyền Giác, mở đầu ngài nói: “Quân bất kiến: Tuyệt học vô vi nhàn đạo nhơn”. Đạo nhơn nhàn là vì vị đạo nhơn này vượt ngoài sự đối đãi học hỏi như chúng ta. Vì còn học hỏi là còn có đối đãi, thì thử hỏi làm sao nhàn rỗi được? Muốn thật sự nhàn rỗi thì chỉ có “Tuyệt Học Vô vi” không còn trừ vọng tưởng hay cầu chơn gì nữa cả. Chỉ có vượt lên trên lưỡng nguyên hai đầu thì mới đúng nghĩa là đạo sư nhàn. Đó mới thật sự là “Tuyệt Học” rồi vậy. Như thế thì còn gì là khổ đau? Đó mới là dứt trừ gốc khổ, còn tu còn học như chúng ta thì gốc khổ vẫn chưa trừ hết được! Nếu có, thì cũng chỉ được phần nhỏ nào đó thôi.

Tỳ kheo các ông! Muốn cầu quả vị tịch tịnh vô vi an lạc, phải xa lìa chỗ ồn ào náo nhiệt. Riêng ở nơi vắng vẻ. Người ở nơi vắng vẻ được Đế Thích, chư Thiên thảy đều kính trọng.

Quả vị tịch tịnh vô vi an lạc, cụm từ này tuy dài, nhưng nói ngắn gọn thì chỉ cho quả vị Niết bàn. Muốn có được quả vị Niết bàn, thì đức Phật bảo chúng ta phải lìa xa chỗ ồn ào náo nhiệt, riêng tìm chỗ vắng vẻ để tịnh tu. Phật dạy thêm, nếu người nào ở chỗ vắng vẻ tu hành thì sẽ được trời Đế Thích và chư Thiên thảy đều kính trọng. Chiêm nghiệm lời Phật dạy đây, ta thấy thời nào cũng vậy, muốn tu hành cho có kết quả cao thì hành giả phải xa lánh chỗ ồn ào náo nhiệt, như ở phố thị chẳng hạn. Càng vắng vẻ yên tĩnh thì lại càng dễ nhiếp tâm hơn. Và công phu thiền định cũng mau có kết quả khả quan. Tuy nhiên, điều này, Phật chỉ dạy cho những hàng căn cơ thông thường, còn như đối với các hàng căn cơ bậc thượng, thì ở đâu cũng là thanh tịnh cả. Vì "trà đình tửu điếm giai vi thanh tịnh đạo tràng" kia mà! Đối với các bậc thượng căn thượng trí xuất cách này, thì tùy các ngài chỗ nào cũng là đạo tràng thanh tịnh cả. Còn nếu chưa được như vậy, thì ta cần phải tìm chỗ vắng vẻ mà tịnh tu, dưỡng tâm nuôi đức theo lời Phật Tổ chỉ dạy. Việc tu hành không ai biết rõ mình bằng mình tự biết mình. Trong tâm mình phiền não như thế nào thì tự mình biết đó thôi. Mình có được tự do hay bị ràng buộc, thì tự mình biết. Thật hay giả cũng tự mình biết. Sách Nho có câu: "Hành tàng hư thiệt tự gia tri, họa phước nhơn do cánh vấn thùy? Nghĩa là, hành động chơn thật hay giả dối thì tự mình biết, cũng như họa hay phước mình cũng đừng hỏi ai. Mình không thể lường gạt che giấu với chính mình được. Mình có thể che giấu qua mắt người đời, nhưng làm sao che giấu qua mắt với chính mình? Hơn nữa, mình phải

như người chăn trâu, cầm roi nhìn nó chẳng cho tuôn rông phạm nhằm lúa mạ người.

Nếu thả lỏng ngũ căn, chẳng những chạy theo ngũ dục không bờ mé, không thể kềm chế được, mà còn gây hại rất nặng, cũng như ngựa chứng, chẳng dùng dây cương chế ngự chính nó sẽ đưa người ta vào hầm hố. Giả như bị giặc cướp, khổ chỉ một đời, còn họa ương của giặc ngũ căn phải đến nhiều kiếp không thể không cẩn thận!

Thế nên người trí chế phục ngũ căn mà không theo, giữ chúng như giặc chẳng thể buông lung; dẫu cho chúng có buông lung, chẳng bao lâu cũng phải làm cho chúng đều tiêu diệt.

Giảng Giải:

Nhữ đẳng Tỳ kheo! Dĩ năng trụ giới, đương chế ngũ căn, vật linh phóng dật, nhập ư ngũ dục.

Tỳ kheo các ông! Đã có thể an trụ trong giới rồi, phải kềm chế ngũ căn chớ để buông lung vào trong ngũ dục.

Người tu hành nói chung, người xuất gia nói riêng, Phật dạy, một khi đã an trụ trong giới rồi, thì phải kềm chế ngũ căn chớ để nó buông lung vào trong ngũ dục. Ngũ căn tức năm giác quan: Mắt, Tai, Mũi, Lưỡi, Thân. Căn có nghĩa là sanh trưởng và tăng thượng. Căn của cây cỏ có sức tăng thượng sanh ra nhánh lá (vì căn là rễ); căn của Mắt có sức mạnh phát sanh ra nhãn thức. Căn có hai thứ: Phù trần căn và Tịnh sắc căn, hay còn gọi là Thắng nghĩa căn. Phù trần căn là căn nổi ở bên ngoài, chúng ta dễ thấy biết. Như con mắt, lỗ mũi v.v... Còn tịnh sắc căn, hay thắng nghĩa căn là loại ẩn tàng bên trong thật khó thấy. Tuy nó cũng thuộc về

loại sắc chất, nhưng rất nhỏ nhiệm vi tế, với con mắt thường thì không thể thấy được, đó là những hệ thần kinh. Đã nói giác quan, tức là cơ quan có nhận thức. Tuy nhiên, sự thấy biết của nó chỉ trong phạm vi hạn hẹp. Như mắt thấy sắc trần là chỉ biết trong phạm vi sắc trần, gọi đó là nhãn thức (cái biết của con mắt). Mỗi căn đều có cái biết riêng, nhưng chỉ trong phạm vi giới hạn của nó mà thôi. Cái biết của con mắt, công dụng của nó chỉ để thấy. Nó không thể ngửi biết mùi vị thơm, hôi... của tỷ thức. Thế thì, ngũ căn là năm cơ quan để cho thức gá vào nhận biết qua năm trần: Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc. Năm trần này còn gọi là năm thứ dục lạc vi tế mà con người thường đam mê nhiễm trước. Chính nó khiến cho người ta sanh tâm ham muốn say mê đắm đuối. Từ đó mà người ta tạo ra nhiều nghiệp ác. Vì ai cũng muốn chiếm hữu hưởng thụ cho riêng mình. Thế nên, Phật dạy người tu hành cần phải kềm chế không cho năm căn đi vào năm dục. Nói kềm chế hay chế ngự chỉ là mới ngăn ngừa không theo, đó chỉ là áp dụng hạ sách bước đầu. Người tu hành khá hơn, tức nhờ có sức đạo lực huân tu thâm hậu, thì không những khéo biết kềm chế không thôi, mà người ta còn phải chuyển hóa chúng nó nữa. Kềm chế chỉ là ngăn ngừa nhứt thời, còn chuyển hóa mới là thượng sách lâu dài. Chuyển từ dục ác trở thành dục thiện, làm lợi ích cho mình và người. Tuy nhiên, muốn chuyển hóa như thế, thì chúng ta phải thường xuyên quán chiếu về lý vô thường, vô ngã, nghĩa là phải thấy cho được vạn pháp duyên sanh như huyễn. Tất cả chỉ là hư giả không thật. Nhờ vận dụng trí huệ Bát nhã hằng quán chiếu như thế, mà chúng ta không bị ngũ dục lôi cuốn đi vào con đường tội lỗi sa đọa. Đã tạo ác nghiệp làm sao tránh khỏi ác quả? Sự hưởng thụ dục lạc là nguyên nhân đưa đến khổ đau. Như hưởng thụ các thứ: rượu chè, xì ke ma túy, bài bạc, gái gú

c. Viễn Ly

Kinh Văn:

Nhữ đẳng Tỳ kheo! Dục cầu tịch tĩnh, vô vi an lạc, đương ly hội náo, độc xứ nhàn cư. Tĩnh xứ chi nhơn, Đế Thích chư thiên sở cộng kính trọng. Thị cố đương xả kỷ chúng, tha chúng, không nhàn độc xứ, tư diệt khổ bổn. Nhược nhạo chúng giả, tắc thọ chúng não. Thí như đại thọ, chúng điểu tập chi, tắc hữu khô chiết chi hoạn. Thế gian phược trước, một ư chúng khổ. Thí như lão tượng nịch nê, bất năng tự xuất. Thị danh viễn ly.

Dịch Nghĩa:

c. Xa lìa

Tỳ kheo các ông! Muốn cầu quả vị tịch tịnh vô vi an lạc, phải xa lìa chỗ ồn ào náo nhiệt. Riêng ở nơi vắng vẻ. Người ở nơi vắng vẻ được Đế Thích, chư Thiên thảy đều kính trọng. Thế nên phải xa lìa những người thân thuộc bà con bạn bè, một mình ở chốn rảnh rang, lo diet gốc khổ. Nếu thích chỗ đông người sẽ bị các sự phiền nhiễu. Ví như cây lớn phải bị lũ chim lót ổ, sẽ có mối lo khô gãy. Còn dính líu với thế gian tất bị dìm trong các khổ; ví như voi yếu mắc lầy, không thể tự ra được. Ấy là công đức xa lìa.

Giảng Giải:

Nhữ đẳng Tỳ kheo! Dục cầu tịch tĩnh, vô vi an lạc, đương ly hội náo, độc xứ nhàn cư. Tĩnh xứ chi nhơn, Đế Thích chư thiên sở cộng kính trọng.

ghém vật chất vừa đủ để chuyên tâm tu học, thì thật là quý giá biết bao! Nói chi đến người xuất gia một hạnh nguyện xuất thế cao cả tuyệt vời. Một hạnh nguyện thượng cầu Phật đạo, hạ hóa chúng sanh. Muốn thế, thì người xuất gia phải buông bỏ hết mọi thứ, để chuyên tâm tinh cần tu học mà thôi. Xin đừng đi ngược lại với bản nguyện sơ tâm của chính mình. Đó là lời nhắc nhở của Phật Tổ và các bậc Thầy tu hành chơn chánh của chúng ta.

Phật lại nói: **"***Người không biết đủ thường bị ngũ dục sai khiến, bị người biết đủ thương xót, ấy là công đức biết đủ".*

Ngũ dục lạc có dục lạc thô và dục lạc tế. Năm món dục lạc thô là: Tài, Sắc, Danh, Thực, Thùy. Còn năm món dục lạc tế là: Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc. Dù thô hay tế, năm món dục lạc này nó có một sức mạnh hấp dẫn lôi cuốn rất lớn. Nó làm cho người ta say đắm một cách thất điên bát đảo. Nếu người nào sống buông thả để cho năm căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân) đắm nhiễm vào trong ngũ dục, để cho ngũ dục dẫn dắt sai khiến làm theo nó, thì người đó sẽ bị sa đọa như tên bắn. Trong các kinh điển đã nói nhiều về tai hại của năm món dục lạc này. Bởi con người sống thì thích hưởng thụ mà năm món này là những miếng mồi ngon béo bổ kích thích, nên dễ làm cho người ta say mê đắm đuối lắm. Ngoại trừ những bậc tu hành chơn chánh, trí tuệ sáng suốt, biết rõ tai hại của chúng nên các ngài mới không bị đắm nhiễm. Vì thế mà các ngài mới có đời sống an lạc giải thoát. Đó mới thật sự là công đức của người biết đủ, vì họ không bị ngũ dục lạc làm chủ sai khiến họ được. Bằng ngược lại, thì Phật nói thật đáng thương xót biết bao!

v.v... đó là những thứ tai hại mà hậu quả không thể lường được. Người chân chánh tu hành mong cầu giác ngộ giải thoát thì không một ai bị sa ngã đắm nhiễm vào con đường hệ lụy khổ đau này!

Thí như mục ngưu chi nhân, chấp trượng thị chi, bất linh túng vật, phạm nhân miêu giá.

Thí như người chăn trâu, cầm roi nhìn nó chẳng cho tuông rông phạm nhằm lúa mạ người.

Đức Phật nêu ra một thí dụ rất cụ thể về người chăn trâu. Bởi tâm thức của chúng ta có khác nào như con trâu hoang. Trong kinh thường hay nói: "Tâm viên ý mã". Nghĩa là vượn lòng, ngựa ý. Phật mượn hình ảnh con khỉ, con vượn, con ngựa, để nói lên cái tâm của chúng ta nó chuyền nhảy lung tung không khác gì những con vật này. Trong nhà thiền cụ thể hóa bằng cách vẽ ra mười bức tranh chăn trâu (thập mục ngưu đồ) để biểu thị cho việc chăn trâu. Tranh chăn trâu người ta vẽ có hai bức: Tranh Đại thừa và tranh Thiền tông. Ở đây, chúng tôi chỉ căn cứ vào bức tranh chăn trâu của Thiền tông mà luận giải đôi điều. Trâu trong tranh Thiền tông người ta vẽ có hai loại: trâu đen và trâu trắng. Trâu trắng là tượng trưng cho ý nghĩa "bạch ngưu xa", xe trâu trắng, tức chỉ cho Phật thừa. Đây là lấy ý trong Kinh Pháp Hoa ở Phẩm Thí Dụ thứ ba. Kinh nêu rõ, tam thừa chỉ là phương tiện, song cứu cánh thì chỉ có một Phật thừa mà thôi. Trâu thì chỉ có một, còn trắng và đen chẳng qua chỉ là hiện tượng giả tạm đó thôi. Trắng là chơn, đen là vọng. Kinh Lăng Nghiêm nói: "Nhơn vọng hiển chư chơn, vọng chơn đồng nhị vọng". Vì có vọng nên mới nói chơn, vì có chơn nên mới nói vọng, cả hai chỉ là những danh từ đối đãi giả lập. Mê và ngộ tuy có khác, nhưng thực thể thì vốn không hai. Dụ

như hai mặt của đồng tiền cắc, bên hình, bên chữ tuy có khác nhau, nhưng chất liệu kim loại chế tạo ra đồng tiền thì không có khác, tức tánh thể chỉ là một.

Người chăn trâu phải luôn luôn tỉnh thức sáng suốt. Trong nhà thiền có nêu ra nhiều mẫu chuyện vấn đáp về việc chăn trâu. Xin nêu ra đây vài mẫu chuyện tiêu biểu để chứng minh: Mã Tổ hỏi Thạch Củng: "Ông ở đây làm gì?" Thạch Củng đáp: "Chăn trâu". Mã Tổ hỏi: "Trâu làm sao chăn?" Thạch Củng đáp: "Một phen ùa vào đồng cỏ nắm mũi lôi kéo trở lại". Mã Tổ bảo: "Ông giỏi chăn trâu". Thiền Sư An ở núi Đại Qui nói: "Tôi ở Qui Sơn không học Thiền Qui Sơn, chỉ chăn giữ một con trâu".

Thiền Sư Đoan ở Bạch Vân hỏi Quách Công Phụ: "Trâu thuần chưa?" Ngài lặng thinh.

Thiền Sư Quảng Trí (đời Hậu Lê) luận giải về mười bức tranh chăn trâu, trong phần vấn đáp giải nghi, ngài lấy thức thứ sáu (ý thức) làm chăn, năm thức trước làm trâu. Trong ý thức thứ sáu này ta nên chú ý có hai phần: ý nghĩ a dua theo năm căn và ý nghĩ chận đứng năm căn. Dụ như mắt vừa thấy sắc, ý thức liền phân biệt đẹp xấu, rồi khởi niệm chê khen, thương ghét v.v... đó là người chăn a dua theo con trâu. Ngược lại, nếu mắt thấy sắc vừa khởi niệm phân biệt đẹp xấu, thì ý thức liền ngăn chận lại không cho khởi niệm phân biệt khen chê yêu ghét v.v... thì đó là thằng chăn có ý thức. Ý ngăn chận là ý biết tu, còn ý a dua theo dục lạc là ý chưa biết tu. Người chăn phải luôn luôn tỉnh thức và không rời roi, dây. Roi và dây là hai dụng cụ thiết thân nhứt, mà người chăn trâu phải thường xuyên sử dụng. Dẫm đạp lên lúa mạ của người là con trâu hoang vô ý thức. Lúa mạ là dụ cho ngũ dục lạc

tiện nghi vật chất quá nhiều. Cứ nhìn vào đời sống của người xuất gia, nhất là giới tăng ni trẻ hiện nay, thay vì hiện đại hóa đạo Phật, họ lại thế tục hóa đạo Phật. Nghĩa là mọi nhu cầu hưởng thụ vật chất, xin lỗi, đôi khi còn vượt trội hơn người đời. Vì vậy mà có người họ gọi người xuất gia bây giờ là phú tăng, chớ không phải bần tăng như xưa. Nói thế, không phải người xuất gia nào cũng là phú tăng hết, có vị họ vẫn sống kham khổ theo nếp sống khổ hạnh của một bậc chơn tu. Nhưng phần lớn người xuất gia thời nay đều đam mê thi đua nhau về vấn đề hưởng thụ vật chất. Dù chúng ta có biện minh thế nào cũng không qua mắt được người đời. Thiết nghĩ, những lời phê bình chỉ trích của họ cũng không phải là vô lý. Chúng ta chớ vội lên án trách móc họ mà mỗi người hãy tự xem xét kiểm điểm lại mình là hơn.

Bất tri túc giả, tuy phú nhi bần. Tri túc chi nhơn, tuy bần nhi phú. Bất tri túc giả, đương vi ngũ dục sở khiên, vi tri túc giả chi sở lân mẫn, thị danh tri túc.

Người không biết đủ, tuy giàu mà nghèo, người biết đủ nghèo mà giàu. Người không biết đủ thường bị ngũ dục sai khiến, bị người biết đủ thương xót, ấy là công đức biết đủ.

Sự giàu nghèo Phật nói ở đây không hẳn là phần vật chất. Bởi vật chất không có giới hạn. Nghèo ở đây là nghèo tinh thần, và giàu ở đây là giàu về mặt tâm linh. Người biết đủ ở đâu họ cũng cảm thấy an vui hạnh phúc. Họ không cần phải có vật chất nhiều. Chúng ta nên nhớ rằng, cái điểm chính ở đây là Phật dạy cho người xuất gia. Mà người xuất gia thì đâu còn chất chứa tài sản làm gì nữa. Chỉ cần có cơm ăn áo mặc đời sống đạm bạc thô sơ thế là đủ lắm rồi. Nếu như người Phật tử tại gia khéo biết gói

tạo khổ, chưa bao giờ họ biết dừng lại...

Ta cô lữ trong muôn ngàn vạn kiếp
Gót phong sương dậm nát cõi Ta bà
Đã bao lần sanh tử mãi vào ra
Mang kiếp sống đọa đày trong khổ hải
Nhân với quả nhiều đời ta gặt hái
Nghiệp dữ lành cứ mãi trả với vay
Chốn bụi hồng trong cõi tạm trần ai
Biết "**Dừng**" lại trọn đời vui hạnh phúc

Tri túc chi nhơn, tuy ngọa địa thượng, du vi an lạc. Bất tri túc giả, tuy xử thiên đường, diệc bất xứng ý!
Người Tri túc tuy nằm dưới đất cũng được an vui; người không Tri túc, dầu ở thiên đường cũng không vừa ý.

Ngược lại với người thụ hưởng vật chất nói trên, ở đây, Phật nói người Biết đủ dù nằm dưới đất cũng cảm thấy an vui, còn người không Biết đủ dù ở trên cõi trời cũng không vừa ý. Điều này bản thân Phật và các hàng Thánh chúng thời Phật cũng như chư liệt vị Tổ Sư sau này, đủ chứng minh cho điều đó. Phật thì ngày ăn một bữa, tối ngủ dưới gốc cây. Các thầy khất sĩ theo bên Phật cũng vậy. Đời sống của các Ngài mới thật sự là vô sản. Chính vì thế nên cuộc sống của các Ngài mới tràn đầy hạnh phúc. Còn người tu chúng ta bây giờ vì thích hưởng thụ vật chất nhiều quá nên không có được hạnh phúc như các Ngài. Càng có nhiều cơ sở vật chất, thì chỉ càng chuốc thêm khổ lụy nhiều mà thôi. Thật ra, cũng chẳng có sướng ích gì! Người không biết đủ dù có bao nhiêu tài vật cũng không vừa ý họ. Dù có ở trên cõi trời họ cũng vẫn còn thấy thiếu thốn. Sự thật người xuất gia chúng ta bây giờ (xin lỗi không dám quơ đũa cả nắm) phải nói hưởng thụ

thế gian. Còn khi con trâu vừa muốn xông vào lúa mạ (đắm nhiễm ngũ dục) của người, thì thằng chăn lập tức nắm dây mũi kéo lại, đó là thằng chăn có ý thức, tức có chánh niệm. Cứ chăn như thế lâu ngày thì con trâu sẽ trở nên thuần thục và qui phục thằng chăn. Cho đến khi nào trâu và chăn không còn (năng sở câu vong) thì công phu mới thật sự là viên mãn. Đó là bức tranh thứ mười chỉ còn một vòng tròn tượng trưng cho tánh Viên Giác vậy.

Nhược túng ngũ căn, phi duy ngũ dục tương vô nhai bạn, bất khả chế dã! diệc như ác mã bất dĩ bí chế, tương đương khiên nhân trụy ư khanh hãm.
Nếu thả lỏng ngũ căn, chẳng những chạy theo ngũ dục không bờ mé, không thể kềm chế được, mà còn gây hại rất nặng, cũng như ngựa chứng, chẳng dùng dây cương chế ngự chính nó sẽ đưa người ta vào hầm hố.

Thả lỏng ngũ căn là đời sống buông lung phóng túng. Buông lung (Heedlessness), chữ Hán là phóng dật. Phóng dật hay buông lung thuộc tâm sở bất thiện, ngược lại, tâm sở thiện là tâm sở bất phóng dật hay không buông lung. Tâm sở phóng dật tiêu cực này rất tai hại. Nghĩa là sống phóng túng không biết kềm chế. Như thế là ta đã đánh mất phương hướng nhắm tới, tức tiêu đích giác ngộ và giải thoát. Đó là một tai hại rất lớn cho người tu. Ta còn nhớ, trong Kinh Pháp Cú Phẩm II là Phẩm Không Buông Lung, Phật dạy: "**Không buông lung đưa tới cõi bất tử, buông lung đưa tới đường tử sanh; người không buông lung thì không chết, kẻ buông lung thì sống như thây ma**". Tại sao không buông lung đưa tới cõi bất tử? Chữ bất tử ở đây là đồng nghĩa với "Vô sanh" hay "Niết bàn". Bởi người không buông lung là người sống có đạo đức kỷ cương. Nói cách khác, những người này, họ ý thức

được sự khổ đau của cuộc đời, nên họ quyết chí tu hành nghiêm trì giới luật. Họ sống không cẩu thả tha hóa trụy lạc. Họ dè dặt cẩn trọng từng ý nghĩ, lời nói và việc làm. Họ là người khéo biết gìn giữ thân, khẩu, ý. Họ sống có chánh niệm, có ý thức. Ngược lại, kẻ buông lung, tức sống theo dục vọng sở thích. Họ muốn làm chi thì làm, bất cần đời. Họ hành động theo bản năng tự do phóng túng. Như thế nên họ đi mãi trong vòng luân hồi sinh tử khổ đau triền miên. Nên Phật nói: "buông lung đưa tới đường tử sanh, hoặc sống như thây ma". Lời dạy này, đức Phật nhằm cảnh giác và quở trách những người tu buông lung tâm ý rất nặng nề. Thật vậy, người tu hành mà khinh thường giới luật, sống buông thả không chút hổ thẹn, tạo nghiệp hơn người đời, như thế, thử hỏi chúng ta có xứng đáng là người tu theo hạnh xuất gia hay không? Sống không lý tưởng, khác nào như chiếc thuyền trôi không định hướng, mặc tình trôi dạt nơi đâu cũng được, miễn sao sống thỏa mãn dục tình thì thôi. Bởi vậy, nên Phật quở người tu như thế, có khác gì cái thây ma, sống cũng như chết. Nghiệm lại, chúng ta đang là thây ma trong từng giây phút! Vì chúng ta sống thiếu chánh niệm. Sống không chánh niệm, thì có khác gì một cái máy. Đã là máy thì nó hoạt động chỉ là hoạt động theo duyên mà thôi. Người sống không có chánh niệm cũng như thế. Ở đây, Phật nói cũng như ngựa chứng, chẳng dùng dây cương chế ngự nó sẽ đưa người ta vào hầm hố, tức hầm hố của tội lỗi sa đọa! Thế nên, sống phải có ý thức, có chánh niệm từng lời nói và hành động. Kể cả trong lúc chúng ta suy nghĩ cũng phải có ý thức. Nói tóm lại, muốn sống có an lạc hạnh phúc, thì chúng ta hằng sống trong chánh niệm. Có chánh niệm thì chúng ta không bị rơi vào trạng huống thất niệm để chịu nhiều khổ đau hệ lụy.

nhau. Người không biết đủ, dù có làm vua họ cũng không bao giờ vừa ý. Vì họ muốn thụ hưởng mọi thứ dục lạc nhất ở trên cõi đời này.

Trong Kinh Đại Bảo Tích, đức Phật có kể câu chuyện về Bồ tát Thuận Thiện. Vị Bồ tát này, khi có được một cái chuông vàng, trị giá rất lớn, cả tam thiên đại thiên thế giới cũng không thể sánh bằng. Tuy giá trị lớn lao như thế, nhưng Bồ tát Thuận Thiện vẫn muốn đem ra bố thí. Có người hỏi, Ngài muốn bố thí cho ai? Bồ tát Thuận Thiện không ngần ngại trả lời ngay: Ta sẽ bố thí hiến tặng cho vua Ba Tư Nặc. Mọi người đều lấy làm ngạc nhiên, sửng sốt mới hỏi: Thưa Bồ tát! vua Ba Tư Nặc, ông ấy có rất nhiều của báu, đâu có thiếu thốn thứ gì mà sao Bồ tát phải tặng cho ông ta? Có biết bao nhiêu người nghèo khổ đói khát sao Bồ tát không tặng cho họ? Bồ tát Thuận Thiện ôn tồn đáp: "Bởi vì ông ta tuy làm vua nhưng chưa bao giờ biết đủ. Nếu ông ấy biết đủ, thì ông không bao giờ đem quân đi xâm chiếm đất đai tài nguyên của nước khác. Bởi vậy ta muốn tặng cho ông là thế!"

Qua câu chuyện ngắn đó, ta thấy trên đời này ngẫm lại không có ai biết đủ cả, ngoại trừ các bậc chân tu. Dù đó là vua chúa, thậm chí đến những người xuất gia tu hành, nếu chưa phải là người thật tu mong cầu giác ngộ giải thoát, thì họ cũng chưa bao giờ biết đủ. Không biết đủ thì thử hỏi làm sao họ dừng lại? Có voi đòi tiên, đó là những người có tham vọng quá lớn. Càng tham vọng thì càng khổ nhiều. Biết vậy, nhưng họ vẫn lao đầu vào trong sự bon chen hơn thua về vấn đề tiền tài danh lợi. Nhất là vấn đề vật chất họ không bao giờ biết đủ. Có một họ muốn có mười cứ chạy đua theo cấp số nhân, thế thì bảo sao không khổ cho được? Khổ rồi than, nhưng than rồi vẫn tiếp tục

Giảng Giải:

Nhữ đẳng Tỳ kheo! Nhược dục thoát chư khổ não, đương quán tri túc. Tri túc chi pháp, tức thị phú lạc, an ổn chi xứ.

Tỳ kheo các ông! Nếu muốn khỏi các khổ não, phải quán tri túc, vì pháp tri túc tức chỗ giàu có, vui vẻ và an ổn.

Ở trên Phật dạy người xuất gia, phải biết ít muốn, vì ham muốn nhiều thì khổ lụy nhiều. Người tu hành, nhất là người xuất gia thì cần phải có hạnh phúc. Vì hạnh phúc là mẫu số chung của con người. Ở đây Phật dạy về hạnh tri túc, tức phải biết đủ. Chữ tri hay chữ biết rất quan trọng. Chữ biết là nghĩa của chữ tri, tức muốn ám chỉ cho tâm. Tâm có nghĩa là biết. Ít muốn hay muốn nhiều hoặc biết đủ đều xuất phát từ tâm ta cả. Vì tâm là nguồn gốc của tội ác. Tâm cũng chính là nguồn gốc của hạnh phúc. Cho nên ở đây, Phật bảo các vị xuất gia (tiêu biểu là các thầy Tỳ kheo) nếu muốn khỏi các khổ não, phải quán pháp tri túc, vì pháp tri túc tức chỗ giàu có, vui vẻ an ổn. Tại sao tri túc lại là chỗ giàu có? Nghĩa là người nào biết đủ, thì người đó giàu có. Giàu có ở đây nói, không có nghĩa là giàu có về vật chất, mà giàu có về tinh thần. Vì người biết đủ thì họ không có bon chen, đua đòi tranh giành hơn thua trong trường danh lợi. Tinh thần của họ được an ổn thoải mái. Đối với vật chất không còn là miếng mồi ngon béo bổ đối với người biết đủ. Vì biết đủ nên họ có một đời sống vật chất rất thô sơ đạm bạc. Họ chỉ chú trọng đến phần tinh thần đạo đức. Họ chỉ muốn đạo đức của họ ngày càng phong phú giàu có hơn. Ngược lại, người đời vì lòng ham muốn vô độ nên lúc nào họ cũng mong cầu vật chất cho nhiều để họ được giàu sang phú quý. Chính vì thế nên mới có sự tranh giành chiến đấu sống chết với

Như bị kiếp hại, khổ chỉ nhất thế. Ngũ căn tặc họa, ương cập lũy thế, vi hại thậm trọng, bất khả bất thận!

Giả như bị giặc cướp, khổ chỉ một đời, còn họa ương của giặc ngũ căn phải đến nhiều kiếp không thể không cẩn thận!

Lời dạy này như là lời cảnh báo thức nhắc chúng ta phải hết sức lưu tâm cảnh giác. Giả như chúng ta không may bị bọn cướp sát hại chúng ta, thì chúng ta chỉ chết có một đời; còn nếu như chúng ta để cho ngũ căn của chúng ta đi vào trong ngũ dục, sống buông lung tâm ý không kềm chế, thì sẽ bị tai hại kéo dài không biết bao nhiêu kiếp. Bởi vì khi gây tạo nghiệp nhân ác, thì chúng ta sẽ chiêu cảm lãnh lấy quả báo ác. Dù trải qua bao nhiêu kiếp, chỗ tạo nghiệp lành dữ của chúng ta không bao giờ mất. Chỉ cần nhân duyên đến thì quả báo phải tự nhận lấy. Do đó, trong đời sống hằng ngày ta phải gìn giữ cẩn thận ở nơi năm giác quan đừng để nó gây ra đau khổ tội lỗi.

Trong Kinh Lăng Nghiêm, có đoạn Phật dạy ngài A Nan về tai hại của sáu căn. Phật bảo ngài A Nan nên hiểu: "Hiện tiền sáu căn của ông đây, chúng làm mai mối cho sáu giặc (sáu thức) đến cướp giựt của báu nhà ông. Bởi thế, nên các ông cùng tất cả chúng sanh, từ vô thỉ đến nay bị triền phược trong vòng luân hồi, không vượt ra ngoài ba cõi được". Nói cướp giựt của báu có nghĩa là cướp hại chơn tánh. Bởi vì khi căn đối với cảnh, khởi vọng niệm phân biệt, nên chơn tâm phải bị che khuất lu mờ. Cũng như gió xao động, cặn cáu nổi lên, nên tánh nước trong phải ẩn đi.

Thị cố trí giả chế nhi bất tùy, trì chi như tặc, bất linh túng dật, giả linh túng chi, giai diệc bất cửu kiến kỳ ma diệt.

Thế nên người trí chế phục ngũ căn mà không theo, giữ chúng như giặc chẳng thể buông lung; dẫu cho chúng có buông lung, chẳng bao lâu cũng phải làm cho chúng đều tiêu diệt.

Là người có trí huệ, cố nhiên, chúng ta không để cho năm căn của chúng ta buông lung phóng túng được. Chúng ta cần phải điều động chúng theo hướng giác ngộ. Bởi Phật cũng đã từng dạy luân hồi hay giải thoát cũng từ nơi sáu căn của chúng ta. Đứng về mặt tu hành làm lợi ích cho chúng sanh, đương nhiên là chúng ta phải nhờ nó rất nhiều. Điều quan trọng là không phải tiêu diệt ở nơi căn hay trần, mà điều cần thiết nhứt là phải chuyển hóa ở nơi thức. Vì căn chẳng qua cũng chỉ là những cơ quan để cho thức gá vào hoạt động. Công hay tội là ở nơi thức chớ không phải ở nơi căn. Thức nói ở đây chính là ý thức, tức thức thứ sáu. Thức này nó nương vào các căn để điều khiển tạo thành tội phước. Nếu nó suy nghĩ điều lành thì nó sẽ thúc đẩy các căn tạo điều lành theo nó. Trong các căn tiêu biểu nhứt để tạo thành nghiệp thiện ác, chính là thân căn và thiệt căn. Thân thì hành động tạo thành ba nghiệp sát sanh, trộm cắp và tà dâm. Thiệt căn tức ngữ nghiệp thì tạo thành bốn nghiệp: Nói dối, nói lưỡi đôi chiều, nói lời đường mật trau chuốt và nói lời hung ác trù rủa chửi mắng v.v... Còn nhãn căn, tỷ căn và nhĩ căn, tùy theo sự chỉ đạo của ý thức mà những căn này phải phục tùng tuân theo. Tuy nhiên, những căn này không tạo thành nghiệp thiện ác như ba căn kia: Thân, thiệt (khẩu) và ý căn. Tuy không tạo, nhưng nó cũng toa rập đồng lỏa hợp tác với nhau. Như vì có mắt nên mới thấy sắc chất, có tai mới nghe được âm thanh và có mũi mới ngửi được mùi thơm hôi... Thế thì, đứng về mặt tạo thành tội, tất cả các căn đều có sự hợp tác biểu đồng tình với nhau. Nhưng chủ

Nghĩa lý thâm sâu chẳng nghĩ cùng
Đọc tụng lời kinh không chưa đủ
Nghiên tầm nghĩa lý chớ buông lung!

Niết bàn giải thoát pháp thân ta
Bản thể duyên sanh vạn pháp mà
Hiện tượng không lìa nơi bản thể
Có gì không phải pháp thân ta.

b. Tri Túc

Kinh Văn:

Nhữ đẳng Tỳ kheo! Nhược dục thoát chư khổ não, đương quán tri túc. Tri túc chi pháp, tức thị phú lạc, an ổn chi xứ. Tri túc chi nhơn, tuy ngọa địa thượng, du vi an lạc. Bất tri túc giả, tuy xử thiên đường, diệc bất xứng ý! Bất tri túc giả, tuy phú nhi bần. Tri túc chi nhơn, tuy bần nhi phú. Bất tri túc giả, đương vi ngũ dục sở khiên, vi tri túc giả chi sở lân mẫn, thị danh tri túc.

Dịch Nghĩa:

b. Biết Đủ

Tỳ kheo các ông! Nếu muốn khỏi các khổ não, phải quán tri túc, vì pháp tri túc tức chỗ giàu có, vui vẻ và an ổn. Người tri túc tuy nằm dưới đất cũng được an vui; người không tri túc, dẫu ở thiên đường cũng không vừa ý. Người không biết đủ, tuy giàu mà nghèo, người biết đủ nghèo mà giàu. Người không biết đủ thường bị ngũ dục sai khiến, bị người biết đủ thương xót, ấy là công đức biết đủ.

Ngày nào dừng lại vọng tâm
Ngày ấy hết khổ, hết lầm, hết than!

Thiểu dục chi nhơn, tắc vô siểm khúc, dĩ cầu nhơn ý, diệc phục bất vi chư căn sở khiên, hành thiểu dục giả, tâm tắc thản nhiên, vô sở ưu úy. Xúc sự hữu dư, thường vô bất túc; hữu thiểu dục giả, tắc hữu Niết bàn, thị danh thiểu dục.

Người Thiểu dục thì không dua nịnh để vừa ý người, cũng không bị các căn dẫn dắt. Người tu hạnh Thiểu dục, tâm được thản nhiên không sự lo sợ, gặp việc có dư, thường không thiếu thốn. Người có Thiểu dục, thì có Niết bàn. Ấy là công đức Thiểu dục.

Thêm một điều lợi nữa là người thiểu dục thì không bao giờ biết dua nịnh ai. Bởi dua nịnh là muốn lấy lòng người khác để kiếm chác lợi lộc cho mình. Ngoài việc không nịnh bợ ton hót ai, còn một điều lợi lạc thực tế nữa, là chúng ta không bị sáu căn dẫn dắt. Sáu căn là Mắt, Tai, Mũi, Lưỡi, Thân Ý. Sáu căn này có chỗ gọi là sáu giặc, nếu nó chạy theo sáu trần "Sắc Thinh, Hương, Vị, Xúc, Pháp", để tạo nghiệp. Nếu người nào khéo biết thu nhiếp sáu căn, thì người đó sẽ có Niết bàn hiện thực. Không cần tìm Niết bàn ở đâu xa, chỉ cần bớt dục vọng là chúng ta sẽ có được Niết bàn ngay. Thế thì Niết bàn hay Tịnh độ đều nằm trong tay của chúng ta. Không khác nào như chiếc máy điện thoại cầm tay vậy.

Niết bàn đương xứ ở tâm ta
Bất cứ nơi đâu cũng có mà
Đâu phải tìm cầu nơi xứ khác
Niết bàn an trú cõi Ta bà
Niết bàn diệu pháp tối viên dung

động điều khiển tốt xấu vẫn là Ý thức. Vì mỗi căn đều có cái biết riêng của nó. Đứng về phương diện nhận thức, thì người ta không gọi là căn, mà phải gọi là thức. Như nói nhãn thức (cái biết của con mắt) nhĩ thức (cái biết của lỗ tai) tỷ thức (cái biết của lỗ mũi) v.v... Trong mỗi thức đều có tham, sân, si của nó. Thí dụ nhìn một sự vật mà con mắt cảm thấy ưa thích thì người ta hay nói là nhìn mát con mắt. Ngược lại, thì nói là xốn con mắt... Hoặc là nhìn một cách say mê đắm đuối. Như vậy, mỗi thức đều có tham (mát mắt) sân (xốn mắt) si (nhìn đắm đuối). Các thức khác cũng đều như thế. Do đó, trong sáu căn đều có hai mặt lợi và hại. Tu hành thành tựu được đạo quả cũng nhờ ở nơi sáu căn, cũng chính sáu căn này nếu không dùng trí huệ dẫn dắt chúng theo con đường chánh đạo, thì nó sẽ trở thành một tai hại rất lớn. Chính vì thế, nên Phật nói: Luân hồi hay giải thoát đều từ nơi sáu căn của chúng ta.

Cần nói thêm, thường chúng ta hay nói "Tâm, Ý, Thức" và chúng ta không biết sự đồng và dị của chúng như thế nào? Ba thứ đó giống nhau hay khác nhau? Nói Tâm, Ý, Thức, tùy theo công dụng của chúng mà các nhà Duy Biểu học phân tách khác hoặc giống nhau. Tất cả ba thứ này đều gọi chung là "Bát thức tâm vương". Bát thức tâm vương gồm có: Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân, Ý, Mạt na, A lại da (Alaya). Năm thức trước gọi là tiền ngũ thức. Ý là thức thứ sáu, lấy Mạt na làm căn (điểm tựa). Mạt na là thức thứ bảy lấy A lại Da thức làm chỗ tựa. Sự hoạt động của tám thức này cùng hợp tác với nhau, không hoạt động riêng rẽ. Theo sự phân tích của Thiền Sư Thích Nhất Hạnh trong Duy Biểu Học cho rằng: Tiền ngũ thức cộng với thức thứ sáu, gọi chung là Thức, còn Mạt na (manas) là Ý và A lại da (Alaya) là Tâm. Theo sự phân tích của Hòa thượng Thích Từ Thông cho rằng: Năm thức trước gọi là tâm, vì khi tiếp xúc với cảnh

đối tượng, ở sát na đầu tiên chưa có phân biệt tốt, xấu, thương, ghét v.v... gọi là hiện lượng hoặc tánh cảnh hay trực giác. Tuy nhiên, qua đệ nhị sát na, có ý thức xen vào, thì không còn gọi là Tâm nữa mà phải gọi là Ý. Và bắt đầu có sự phân biệt tốt, xấu, thương, ghét... sự phân biệt này được gọi là Thức. Cho nên câu nói "Tâm viên ý mã" là vậy. Viên là con vượn, tánh của nó là hay chuyền nhảy nắm bắt không dừng. Đối tượng chuyền nhảy của tâm, tức tiền ngũ thức là năm trần. Ý mã, là dùng con ngựa dụ cho ý thức, vì con ngựa chạy nhảy rất nhanh và mạnh bạo. Cho nên, nếu ai sống được ở sát na đầu tiên, khi ý thức chưa hợp tác xen vào với tiền ngũ thức thì đó là giải thoát. Nhà thiền có câu nói: "Tâm cảnh không đến với nhau ngay đó là giải thoát". Thí dụ, mắt thấy đóa hoa hồng, biết rõ là hoa hồng chớ không phải là hoa cúc, đó là sát na đầu tiên của nhãn thức. Ai sống được với sát na đầu tiên này, khi ý thức chưa xen vào thì người đó được gọi là "đối cảnh vô tâm", tức giải thoát rồi. Nhưng qua sát na thứ hai, mình để cho ý thức xen vào hợp tác với nhãn thức, thì đóa hoa hồng ở trước mắt không còn là đóa hoa hồng của sát na đầu tiên nữa, mà nó đã bị ý thức vo tròn bóp méo theo sự nhận thức phân biệt của nó. Bắt đầu có sự ưa thích hoặc không ưa thích xảy ra. Đó là đầu mối của sự tạo nghiệp.

Tóm lại, tâm, ý thức đều có chung một nhận thức, nhưng sự hoạt động của mỗi thức có khác nhau. Sự hoạt động của tiền ngũ thức có giới hạn trong phạm vi của nó. Đặc tánh của nó là leo chuyền ở nơi ngũ trần. Sự hoạt động của ý thức rất rộng rãi bao trùm tất cả. Đặc tánh của nó rất lanh lợi nhạy bén hơn tất cả các thức kia. Nó thuộc về công vi thủ, tội vi khôi. Mạt na thức hoạt động rất chậm chạp. Đặc tánh của nó là si mê chấp ngã rất nặng. Nó chấp

rỗi, thì không biết đến bao giờ mới được nhàn". Đó là những lời mà ông tự nhắc nhở cho mình cũng như nhắn gởi đến cho mọi người.

Là người Phật tử tại gia còn sinh sống ở ngoài đời biết chút ít tu hành, mà họ còn khéo biết chế ngự lòng tham, nói chi là người xuất gia đang hành trì giới luật. Không lẽ nào chúng ta là người xuất gia mà còn tham cầu mong muốn như thế sao? Thế thì, ta đã đánh mất cái ý nghĩa xuất gia cao cả siêu xuất của chúng ta rồi! Phật nói, chỉ có thiểu dục tức bớt tham vọng mới sanh ra công đức đó thôi. Tôi có làm bài thơ "**Dừng Lại**":

Ngày nào còn có ăn cơm
Là còn nghe pháp mát thơm cõi lòng
Ngày nào còn chạy lòng vòng
Là còn đau khổ trong vòng trầm luân
Ngày nào theo cảnh không dừng
Là còn đau khổ khó ngưng vọng trần
Ngày nào còn có tham sân...
Là còn sanh tử chìm dần hố sâu
Ngày nào còn có mong cầu
Là còn thất vọng âu sầu héo hon
Ngày nào còn nợ cháu con
Là còn khổ lụy hao mòn thân tâm
Ngày nào dục vọng kiếm tầm
Là còn vướng mắc mê lầm khó ra
Ngày nào không niệm Di Đà
Là còn mãi khổ khó mà an tâm
Ngày nào còn có mê lầm
Là còn chìm đắm xa xăm mịt mù
Ngày nào chẳng chịu lo tu
Cuộc đời khổ lụy ngục tù mãi giam

thì càng khổ lụy nhiều. Cho nên, Phật muốn chúng ta sống ít ham muốn và biết dừng lại chừng mực, thì sẽ có hạnh phúc ngay. Mục đích Phật khuyên bảo chúng ta là như thế. Bởi vì Phật biết rõ lòng tham lam của con người không có giới hạn. Túi tham của con người không có đáy, nên đựng không biết bao nhiêu cho đủ. Đựng hoài mà nó không có đầy. Vì nó không đầy nên người ta "cày ngày không đủ phải tranh thủ cày đêm". Cày cho đến khi con người cảm thấy mệt mỏi rã rời, đau yếu bệnh hoạn mà cũng chưa chịu dừng lại. Đó là vì ham muốn nhiều mà khổ.

Cuộc đời này, người khéo biết sống thiểu dục tri túc cũng không phải dễ có. Ngoại trừ những người có trí tuệ và khéo biết tu hành chế ngự lòng tham dục cực độ. Vì có trí tuệ nên họ biết giới hạn khắc phục lòng tham dục. Đồng thời họ cũng không làm nô lệ cho vật chất tiền tài sai khiến. Vì họ biết tham dục là nguyên nhân của khổ đau. Nguyễn Công Trứ ông là một nhà văn và cũng là một nhà võ, danh vọng quyền cao chức trọng ông đều có, nhưng không vì thế mà ông lại có một cuộc sống bê tha buông thả theo con đường danh lợi. Ông có hai câu đối rất có giá trị trong đời sống. Hai câu đối này thường được người ta hay nhắc đến. Đó là:

"Tri túc, tiện túc, đãi túc, hà thời túc?
Tri nhàn, tiện nhàn, đãi nhàn, hà thời nhàn?"

Ông là một nhà Nho, xuất thân từ cửa Khổng sân Trình, nên ông cũng như những nhà Nho khác, khi không còn dấn thân trên con đường hoạn lộ nữa, thì lại thích hưởng nhàn vui thú điền viên. Nên ông nói: "Biết đủ, thì nó đủ, còn nếu như đợi chờ cho nó đủ, thì không biết bao giờ cho đủ. Biết nhàn, thì hưởng nhàn, còn chờ đợi để được nhàn

tướng phần của thức A lại da làm tự ngã. A lại da, nó còn có tên là tàng thức. Công năng của nó là hay chứa cất tất cả những hạt giống, nên nó có tên là Nhứt thiết chủng thức. Nó làm căn bản cho tất cả những thức kia, nên gọi nó là căn bản thức. Nói chung, tám thức này hoạt động rất nhịp nhàng với nhau, khi một thức tiếp xúc thì có mặt đầy đủ các thức kia. Tuy phân chia ra làm tám thức để chúng ta dễ học, nhưng kỳ thật thì một là tám mà tám cũng là một. Chúng liên kết với nhau rất chặt chẽ, hoạt động rất ăn khớp nhịp nhàng với nhau. Đại khái là như thế.

Kinh Văn:

Thử ngũ căn giả, tâm vi kỳ chủ. Thị cố nhữ đẳng đương hảo chế tâm. Tâm chi khả úy, kỳ ư độc xà, ác thú, oán tặc, đại hỏa việt dật, vị túc dụ dã. Dụ như nhứt nhơn thủ chấp mật khí, động chuyển khinh táo, đản quan ư mật, bất kiến thâm khanh. Thí như cuồng tượng vô câu, viên hầu đắc thọ, đằng dược tráo trịch, nan khả cấm chế, đương cấp tỏa chi vô linh phóng dật. Túng thử tâm giả, táng nhân thiện sự, chế chi nhứt xứ, vô sự bất biện. Thị cố Tỳ kheo đương cần tinh tấn, chiết phục nhữ tâm.

Dịch Nghĩa:

Năm căn này tâm là chủ tể, thế nên các ông phải khéo chế phục tâm mình. Tâm rất đáng sợ còn hơn là độc xà ác thú, giặc cướp lửa dữ. Ngoài những thứ dụ trên chưa đủ lấy gì để so sánh. Thí như người ta bưng chén mật, bước đi hớp tớp, chỉ nhìn chén mật mà không thấy hầm sâu. Lại như voi điên không móc sắt, khỉ vượn gặp được cây, nhảy nhót, ngồi chuyền, khó mà cấm cản. Phải mau kềm nó

không cho dong ruổi. Nếu buông thả tâm này sẽ làm mất việc lành của người; kiềm nó một chỗ, thì không việc nào là không làm được. Thế nên Tỳ kheo phải siêng năng tinh tấn chế phục tâm mình.

Giảng Giải:

Thử ngũ căn giả, tâm vi kỳ chủ. Thị cố nhữ đẳng đương hảo chế tâm.

Năm căn này tâm là chủ tể. Thế nên các ông phải khéo chế phục tâm mình.

Đến đây, ta thấy đức Phật đã minh định rõ ràng tâm là chủ tể. Chủ tể nghĩa là người đứng đầu coi sóc một công việc nào đó, hoặc là người có quyền lực tuyệt đối thống trị hết thảy, bắt buộc những kẻ tùy tùng dưới tay mình phải làm theo mệnh lệnh của mình. Tâm của chúng ta cũng như thế. Nó ra lệnh cho năm căn, phải râm rấp tuân hành làm theo, không được chống trái. Không khác gì mệnh lệnh của một người chủ sai khiến kẻ tôi tớ phải làm theo ý mình. Hẳn chúng ta còn nhớ trong Kinh Pháp Cú ở Phẩm Song Yếu Phật dạy: "Trong các pháp tâm dẫn đầu, tâm làm chủ, tâm tạo tác tất cả. Nếu đem tâm ô nhiễm tạo nghiệp nói năng hoặc hành động, sự khổ sẽ theo nghiệp kéo đến như bánh xe lăn theo chân con vật kéo xe. Ngược lại, nếu đem tâm thanh tịnh tạo nghiệp nói năng hoặc hành động, sự vui sẽ theo nghiệp kéo đến như bóng theo hình". Nêu ra cái oai quyền của tâm, nói rõ hơn là của ý thức, Phật lại bảo chúng ta phải khéo chế phục tâm mình. Tâm hay ý thức nói ở đây, cố nhiên là ta hiểu đó là tâm vọng. Vì là vọng tưởng nên nó thường phan duyên theo trần cảnh. Chính nó là nguyên nhân tạo thành nghiệp thiện ác. Nó sai sử thân và miệng tạo thành tội và phước. Đứng về mặt lợi thì nó

nên khổ não cũng nhiều; người thiểu dục, không mong cầu không ham muốn thì không khổ não. Ngay nơi hạnh thiểu dục còn phải tu tập huống gì là thiểu dục để sanh ra các công đức?

Trong Kinh Bát Đại Nhơn Giác có một bài kinh, Phật cũng dạy về ý nghĩa đa dục này. Phật dạy: "Đa dục vi khổ, sanh tử bì lao, tùng tham dục khởi, thiểu dục vô vi, thân tâm tự tại". Nghĩa là, người nào ham muốn nhiều thì khổ lụy nhiều, trải qua bao lần sống chết nhọc nhằn, cũng từ nơi lòng tham dục mà ra, kẻ nào ít muốn tu học pháp Vô vi, thì thân tâm của họ sẽ được thảnh thơi an nhàn tự tại. Lời dạy này, không khác gì Phật dạy ở đây. Chỉ có khác về không gian và thời gian mà thôi.

Pháp tu thiểu dục (ít muốn) là một pháp tu tuyệt vời trong đạo Phật. Bạn cứ thử chiêm nghiệm vào đời sống của bạn và những người khác thì bạn sẽ rõ lời Phật dạy ở đây. Có người nào ham muốn nhiều mà không có khổ không? Nếu bạn nói không, thì lời Phật dạy không đúng. Nhưng rất tiếc, bạn cũng như mọi người không ai dám trả lời là không cả. Bởi vì nó là một sự thật phơi bày rõ ràng không thể nói khác đi được. Ngược lại, Phật nói, người nào ít ham muốn không mong cầu lợi lộc nhiều thì người đó sẽ ít có khổ não. Ta nên nhớ Phật nói là ít ham muốn chớ không phải tuyệt đối là không ham muốn. Bởi vì đức Phật thừa hiểu cuộc sống của nhơn sinh phải cần có những nhu cầu vật chất như cơm ăn áo mặc v.v... Nói rõ hơn là cơm áo gạo tiền. Ngoài cơm áo gạo tiền ra, người ta còn phải có nơi ăn chỗ ở, tức nhà cửa sang trọng. Nói chung, là mọi thứ nhu cầu về tiện nghi vật chất đều phải có. Cho nên Phật khuyên chúng ta nên ít muốn. Ngài không bảo chúng ta là đừng ham muốn gì hết. Bởi vì càng ham muốn nhiều

tu tập, hà huống thiểu dục năng sanh chư công đức? Thiểu dục chi nhơn, tắc vô siểm khúc, dĩ cầu nhơn ý, diệc phục bất vi chư căn sở khiên, hành thiểu dục giả, tâm tắc thản nhiên, vô sở ưu úy. Xúc sự hữu dư, thường vô bất túc; hữu thiểu dục giả, tắc hữu Niết bàn, thị danh thiểu dục.

Dịch nghĩa:

2. Pháp Yếu Riêng

a. Thiểu dục

Tỳ kheo các ông! Phải biết người đa dục vì cầu lợi nhiều nên khổ não cũng nhiều; người thiểu dục, không mong cầu không ham muốn thì không khổ não. Ngay nơi hạnh thiểu dục còn phải tu tập huống gì là thiểu dục để sanh ra các công đức?

Người thiểu dục thì không dua nịnh để vừa ý người, cũng không bị các căn dẫn dắt. Người tu hạnh thiểu dục, tâm được thản nhiên không sự lo sợ, gặp việc có dư, thường không thiếu thốn. Người có thiểu dục, thì có Niết bàn. Ấy là công đức thiểu dục.

Giảng Giải:

Nhữ đẳng Tỳ kheo! Đương tri đa dục chi nhơn, đa cầu lợi cố, khổ não diệc đa, thiểu dục chi nhơn, vô cầu vô dục, tắc vô thử hoạn. Trực nhĩ thiểu dục, thượng nghi tu tập, hà huống thiểu dục năng sanh chư công đức?

Tỳ kheo các ông! Phải biết người đa dục vì cầu lợi nhiều

có công rất lớn. Đứng về mặt hại, tức gây ra tội lỗi, thì nó cũng đứng đầu. Ở đây, đức Phật bảo chúng ta phải chế phục nó, không cho nó suy nghĩ những điều sái quấy. Ta đừng quên, tâm vọng có một sức mạnh rất lớn. Tuy nó vô hình, nhưng tất cả mọi việc thành bại, tốt xấu, nên hư, đắc thất chính nó là nguyên động lực tạo ra tất cả. Công hay tội đều do nó tạo ra. Nếu nó suy nghĩ những điều lành có lợi ích cho người và vật, thì ta nên tiếp tay phát huy mạnh mẽ với nó để làm lợi ích cho muôn loài. Ngược lại, nếu nó suy nghĩ tính toán những điều ác có hại cho người và vật, thì ta hãy mạnh dạn lập tức chận đứng và chuyển hóa nó ngay. Ta hãy dập tắt nó từ trong trứng nước. Khi ta chuyển được nhân xấu ác, thì làm gì có cái kết quả xấu ác được? Muốn thế, thì ta phải luôn thực tập hơi thở chánh niệm. Phải có chánh niệm trong mọi hành động, nói năng và suy nghĩ. Đó là phương pháp chế phục vọng tưởng tuyệt vời nhứt.

Tâm chi khả úy, kỳ ư độc xà, ác thú, oán tặc, đại hỏa việt dật, vị túc dụ dã.

Tâm rất đáng sợ còn hơn là độc xà, ác thú, giặc cướp, lửa dữ. Ngoài những thứ dụ trên chưa đủ lấy gì để so sánh.

Tại sao Phật nói tâm rất đáng sợ còn hơn độc xà, ác thú, giặc cướp và lửa dữ? Bởi những thứ này, tuy nó có thể giết người, nhưng so với cái tâm ác độc của con người thì sự thật nó không là gì cả. Lý do tại sao? Tại vì nó không giết người hàng loạt như những cuộc chiến tranh đẫm máu khốc liệt, mà chính do cái tâm ác độc của con người gây ra. Đó là cái tâm "**THAM, SÂN, SI**" mà trong kinh thường gọi là Tam độc. Đúng là nó độc còn hơn những thứ độc nói trên gấp trăm ngàn lần. Rắn độc như các loại rắn hổ, ác thú như cọp, beo, sư tử v.v... kể cả giặc cướp, lửa dữ

chúng chỉ có thể giết chết một mạng người, còn cái tâm độc ác thì nó giết chết không biết bao nhiêu mạng người! Trên đời này không có thứ gì ác độc bằng cái tâm của con người. Nó có thể làm cho cả thế giới này phải chao nghiêng đảo điên thác loạn. Nó gây ra không biết bao nhiêu điều tội ác thảm họa đau thương! Nó độc ác còn hơn loài quỷ dữ. Loài quỷ, dù cho có hung dữ đến đâu thì nó cũng không giết chết nhiều mạng người như thế. Chỉ có những cuộc chiến tranh mới giết chết con người một cách dã man tàn bạo nhất đó thôi. Điển hình như cuộc chiến tranh giữa Nga và Ukriane đã kéo dài hơn bốn năm qua mà vẫn chưa đến hồi kết thúc. Suốt trong thời gian qua thử hỏi biết bao nhiêu mạng người đã chết trong bom đạn? Người chết, nếu tính luôn cả hai bên lâm chiến, thì lên đến số ngàn chớ không nói số trăm. Đó là chưa tính những thường dân vô tội cũng bị họa lây bỏ mạng trong cuộc chiến tranh này. Đó có phải là hậu quả tang thương bi đát của cái tâm độc ác của con người không? Chính vì thế nên Phật nói, những thứ thí dụ nói trên không gì có thể so sánh được. Làm sao có thể so sánh được với cái tâm ác độc "Tham, Sân, Si" của con người?!

Dụ như nhứt nhơn thủ chấp mật khí, động chuyển khinh táo, đản quan ư mật, bất kiến thâm khanh.

Thí như người ta bưng chén mật, bước đi hốp tốp, chỉ nhìn chén mật mà không thấy hầm sâu.

Phật nêu ra một thí dụ rất cụ thể về cái tâm đam mê ngũ dục lạc của con người. Con người cũng chỉ vì đam mê ngũ dục lạc thế gian mà gây ra không biết bao nhiêu điều tội ác. Ngũ dục lạc Phật ví như người bưng chén mật, chỉ vì thèm thuồng khao khát chén mật mà vội vã quên đi cái

Người nào được họ nịnh bợ tối ngày nghe họ ton hót sướng cái lỗ tai lắm. Ấy thế mới chết. Xưa nay, có ông vua nào chết dưới tay trung thần can gián chưa? Hay toàn chết dưới tay của những kẻ nịnh thần? Họ đưa mình lên tới tận mây xanh, thì họ cũng đạp mình xuống tận đáy bùn lầy nhơ nhớp. Người ta bị chết dưới tay của những kẻ nịnh bợ nhiều lắm. Người già dặn đầy kinh nghiệm, đầu óc của họ có sạn, khó mà ton hót nịnh bợ lấy lòng họ được. Tuy nhiên, số người này rất ít. Phần nhiều nếu không muốn nói là hầu hết, ai cũng đều thích nghe những lời ngọt dịu đường mật của những kẻ nịnh bợ lắm. Thời nào cũng có những kẻ nịnh thần này. Đã nịnh nọt thì họ đâu còn nghĩ gì đến vấn đề liêm sỉ nhân cách phẩm giá nữa. Họ chỉ biết đến quyền lợi thôi, còn nhân cách liêm sỉ của con người họ chẳng màng biết đến. Họ là hạng người khéo nịnh hót tráo trở lật lộng như trở bàn tay. Lật qua lật lại còn hơn là trở bánh phồng nướng. Phật nói rằng, người mà có tâm nịnh hót thì trái với đạo lý và cần khuyên họ nên phải trực tâm. Làm sao mà họ trực tâm cho được? Nếu là kẻ trực tâm thì không bao giờ họ biết nịnh bợ ai. Dù cho họ có kề cận với gươm đao, bảo họ phải nói dối trá lật lọng thì họ cũng vẫn nói trung thực. Họ là người trung kiên đảm mật không bao giờ sợ chết. Người xuất gia chúng ta có dám làm như những kẻ trung kiên gan dạ này không? Câu hỏi này xin để mọi người giải đáp.

2. Bất Cộng Pháp Yếu

a. Thiểu Dục

Kinh Văn:

Nhữ đẳng Tỳ kheo! Đương tri đa dục chi nhơn, đa cầu lợi cố, khổ não diệc đa, thiểu dục chi nhơn, vô cầu vô dục, tắc vô thử hoạn. Trực nhĩ thiểu dục, thượng nghi

vi. Thị cố nghi ưng chất trực kỳ tâm. Đương tri siểm khúc đản vi khi cuống, nhập đạo chi nhân tắc vô thị xứ. Thị cố nhữ đẳng nghi đương đoan tâm, dĩ chất trực vi bổn.

Dịch Nghĩa:

c. Đối trị dua nịnh

Tỳ kheo các ông! Tâm dua nịnh cùng với đạo trái nhau. Vì thế, phải nên chat trực tâm mình. Phải biết tâm dua nịnh chỉ là lừa đảo, người nhập đạo không nên có. Do đây, các ông phải nên thẳng long, dung chat trực làm gốc.

Giảng Giải:

Đoạn kinh văn này, Phật dạy người xuất gia không nên dua nịnh. Vì dua nịnh mất đi phẩm cách giá trị của người tu. Siểm khúc là một trong 20 món Tùy phiền não. Nghiệp dụng của tâm sở này, thích ton hót nịnh bợ kẻ khác. Nịnh bợ có mục đích chớ không phải vô cớ. Kẻ nịnh bợ hay để ý dòm ngó quyền lợi nào đó để họ tâng bốc bợ đỡ ton hót kiếm chút danh lợi. Người mà có tâm địa dua nịnh như thế thì trái với đạo đức nhân phẩm giá trị con người. Kẻ nịnh bợ bao giờ cũng hay lòn cúi, cong lưng uốn gối người mà họ nịnh bợ. Họ dùng những lời đường mật rót vào tai người nghe. Người nghe thì lại thích những lời nói ngọt ngào đó rót vào tai mình. Ai lại không thích những lời ton hót, vì những lời đó nghe khoái cái lỗ tai. Lời nói của họ không bao giờ nghịch ý mình. Mình nói sai họ cũng cho là phải. Vì họ luôn tỏ ra trung thành để lấy lòng mình. Kẻ nịnh bợ a dua có khi nào họ dùng lời nói thẳng thắn đâu. Vì họ rất sợ làm mích lòng người mà họ có ý đồ nịnh bợ.

hố sâu tội lỗi! Một khi con người đã lún sâu vào bùn lầy hưởng thụ dục lạc, thì không còn thấy tai hại của nó là gì cả. Khi gây nhân ác người ta quên đi cái hậu quả của nó. Người ta chỉ thấy cái lợi trước mắt mà quên đi cái hại sau lưng. Dục lạc nó có một hấp lực sức hút rất lớn, nó luôn cám dỗ con người đi vào con đường trụy lạc sa đọa. Đó là: "Ma đưa lối, quỷ dẫn đường, tìm trong những chốn đoạn trường mà đi" (Truyện Kiều). Người có trí họ không bao giờ để cho lòng dục vọng sai khiến. Họ biết rất rõ tai hại của ngũ dục, nên họ không bao giờ bị đắm nhiễm. Dục lạc chỉ có thể cám dỗ được những con người vô trí, bất minh. Những con người này họ bị màn vô minh che mờ trí giác của họ. Họ không còn đủ sáng suốt để nhận ra sự họa hại của ngũ dục. Tuy nhiên, ngũ dục ở một phương diện nào đó, thì nó cũng giúp cho con người có một cuộc sống an vui hạnh phúc. Nếu như con người khéo biết hạn chế dừng lại lòng tham dục quá độ, thì đối với năm món dục lạc không làm gì tác hại họ được. Chẳng những không tác hại mà nó còn mang lại cho con người những thú vui lành mạnh. Bởi họ khéo biết kềm chế lòng ham muốn của họ. Họ là hạng người sống có lý tưởng, có lý trí mực thước, biết điều gì nên làm, và điều gì không nên làm. Họ không phải là hạng người chỉ biết sống hoàn toàn nô lệ cho bản năng dục vọng thấp hèn. Họ luôn ý thức trong việc tiêu thụ có chừng mực và giới hạn. Vì họ thừa biết sống buông thả theo ngũ dục thì chỉ có con đường từ chết tới bị thương mà thôi! Họ học theo hạnh Bồ tát tránh nhân thì không có quả.

Thí như cuồng tượng vô câu, viên hầu đắc thọ, đằng dược tráo trịch, nan khả cấm chế, đương cấp tỏa chi vô linh phóng dật.

Lại như voi điên không móc sắt, khỉ vượn gặp được cây, nhảy nhót, ngồi chuyền, khó mà cấm cản. Phải mau kềm nó không cho dong ruổi.

Phật nêu thêm một thí dụ nữa, thí như con voi điên, không có móc sắt để câu thúc nó, cố nhiên là nó chạy dẫm đạp lung tung. Vì là voi điên nên không ai có thể ngăn chận nó được. Muốn ngăn chận được nó thì cần phải có cái móc sắt. Cũng như con khỉ, con vượn gặp được cây thì chúng nó tha hồ chuyền nhảy. Muốn con voi điên không còn chạy đạp lung tung, thì thằng nài phải có cái móc sắt để câu thúc nó lại. Móc sắt đó chính là giới luật. Cũng như muốn con khỉ, con vượn không còn chuyền nhảy, thì phải cho nó thức ăn thì nó mới chịu ngồi yên. Thức ăn cho nó đó là câu hiệu Phật hoặc dùng hơi thở chánh niệm. Khi có chánh niệm thì con khỉ ý thức mới chịu ngồi yên.

Nêu ra hình ảnh của những con vật này, để nói lên cái tâm phóng túng buông lung của con người. Ta còn nhớ, trong Kinh Pháp Cú ở Phẩm Tâm, pháp cú 33, Phật nói: "Tâm kẻ phàm phu thường xao động biến hóa rất khó chế phục gìn giữ, nhưng kẻ trí lại chế phục tâm mình làm cho chánh trực một cách dễ dàng, như thợ khéo uốn nắn mũi tên". Pháp Cú 35, Phật dạy: "Tâm phàm phu cứ xoay vần theo ngũ dục, xao động không dễ nắm bắt; chỉ những người nào đã điều phục được tâm mình mới được yên vui." Hai pháp cú này, đức Phật cho chúng ta thấy rất rõ về việc chế phục tâm mình. Pháp cú 33, Phật nói, chỉ có kẻ trí mới có thể chế phục tâm mình làm cho chánh trực dễ dàng như thợ khéo uốn nắn mũi tên. Pháp cú 35, Phật nói chỉ có người nào điều phục được tâm mình mới được yên vui. Người trí Phật nói ở đây, cố nhiên phải là người giác ngộ sáng suốt. Tâm khó điều phục đó là tâm vọng. Đã giác ngộ

Nuôi dưỡng lòng kiêu mạn ngày lớn dần, điều đó người thế tục biết chút ít tu hành còn không có, nói chi chúng ta là người xuất gia. Đã xuất gia tu đạo học đạo không lẽ ta lại thua người cư sĩ tại gia hay sao? Nếu thế, thì còn gì là phẩm hạnh cao cả của người xuất gia? Trong đạo Phật tối kỵ nhất là chấp ngã và ngã sở. Vì chấp ngã nên mới thấy mình quan trọng. Nếu như không còn ngã chấp thì ngã mạn làm gì có? Người nào càng ngã mạn thì người đó càng chấp ngã nặng. Có thể nặng còn hơn núi Tu di nữa. Chúng ta học đạo giác ngộ giải thoát thì nên dẹp trừ cái tâm cống cao ngã mạn. Có người học lực chưa tới đâu mà gặp ai cũng khoe khoang văn bằng này văn bằng nọ. Họ coi văn bằng tiến sĩ quá quan trọng, còn hơn là học đạo giác ngộ. Có văn bằng tiến sĩ mà không chịu nỗ lực tu tập, coi chừng cũng sa đọa như ai! Văn băng tiến sĩ ở ngoài đời họ có thiếu gì. Đâu phải chỉ có người xuất gia mới có. Cái quan trọng ở trong đạo mà mình coi thường, lại ham chuộng những cái mà không giúp ích gì cho mình trong việc tu tập giác ngộ giải thoát. Nói thế, không có nghĩa là chúng ta kích bác coi thường những người tu hành có học vị văn bằng tiến sĩ Phật học. Vì nó cũng rất cần thiết cho một phương diện nào đó, như là Viện Trưởng của một viện đại học Phật giáo chẳng hạn. Nhưng chúng ta nên coi đó là một phương tiện để hành đạo, đạt đạo chớ đừng quan trọng nó quá. Chúng ta phải ý thức nhận định rõ ràng trong khi hành sự. Có thể, thì chúng ta mới không hổ thẹn mình là người xuất gia cầu đạo giác ngộ và giải thoát vậy.

c. Đối Trị Siểm Khúc

Kinh Văn:

Nhữ đẳng Tỳ kheo! Siểm khúc chi tâm dữ đạo tương

mạn v.v... Dù cống cao ngã mạn dưới bất cứ dưới hình thức nào, thật không ai ưa những kẻ cao ngạo ngã mạn hống hách đó cả. Đối với người xuất gia tuyệt đối không nên có. Người xuất gia phải luôn luôn khiêm tốn hạ thấp mình xuống thì ai thấy cũng dễ mến, dễ thương và rất có cảm tình. Khiêm tốn nhún nhường chớ không phải là tự ty mặc cảm. Người mà cao ngạo tự tôn tự đại là chính họ tự đào huyệt chôn mình. Ta không nên có thái độ tự cao hống hách như thế. Nếu thế, thì sao ta có thể hóa độ được người khác? Bởi vì không ai thích cái tánh cao ngạo khinh thường của chúng ta. Ta phải học hạnh khiêm cung của Thường Bất Khinh Bồ tát. Đó một đức hạnh khiêm hạ tuyệt vời mà chúng ta cần phải học hỏi.

Ta đã từng chứng kiến mục kích một cơn giông bão lớn đi qua, các cây cao lớn bị gãy tét nhánh, cây nhỏ thì có khi bị trốc gốc, nhưng các loại cỏ dại thì lại không có bị hề hấn gì. Tại sao? Tại vì những loại cỏ dại này nó thấp bé chỉ lè tè trên mặt đất, nên nó không bị thiệt hại gì cả. Hạnh nhẫn nhục không tự cao cũng giống như vậy. Cho nên ta cần phải học hạnh của cỏ, hạnh của nước và hạnh của đất v.v... để mà vui sống trên cuộc đời này. Ta luôn tâm niệm rằng: "Càng cao danh vọng thì càng dày gian nan". "Trèo cao thì té nặng". Chi bằng ta cứ an phận tùy duyên mà vui sống để trưởng dưỡng pháp thân huệ mạng của mình. Được vậy thì còn gì cao quý đẹp đẽ hơn!

Tăng trưởng kiêu mạn, thượng phi thế tục bạch y sở nghi, hà huống xuất gia nhập đạo chi nhân, vị giải thoát cố, tự giáng kỳ thân nhi hành khất da?

Tăng trưởng lòng kiêu mạn, kẻ thế tục bạch y còn không nên có huống gì người xuất gia vào đạo; vì mong cầu giải thoát nên tự hạ mình mà đi khất thực lại còn kiêu mạn hay sao?

sáng suốt, thì đương nhiên người đó họ đã làm chủ được tâm họ. Cố nhiên là họ đã điều phục hay chế ngự được tâm mình.

Phật nhấn mạnh cái mà đại đa số người tu không được giải thoát, là do quá đam mê ngũ dục lạc thế gian. Đây cũng do tập khí đắm nhiễm nhiều đời. Vì sống theo vọng tình, nên càng ngày càng lún sâu trong bùn lầy ngũ dục. Khác nào như con voi điên, dong ruổi ẩn khuất trong đám rừng rậm ái dục không biết lối ra. Người đắm chìm trong ngũ dục lạc cũng thế. Muốn cho con voi điên kia không còn chạy đạp lung tung nữa, thì không có cách gì hơn là phải dùng móc sắt giới luật mà trị nó. Có thế, thì mới có thể chế phục được cái tâm vọng tưởng không còn phan duyên theo trần cảnh vậy.

Túng thử tâm giả, táng nhân thiện sự, chế chi nhứt xứ, vô sự bất biện. Thị cố Tỳ kheo đương cần tinh tấn, chiết phục nhữ tâm.

Nếu buông thả tâm này sẽ làm mất việc lành của người; kiềm nó một chỗ, thì không việc nào là không làm được. Thế nên Tỳ kheo phải siêng năng tinh tấn chế phục tâm mình.

Người tu hành sống buông thả thì dễ bị tha hóa cuốn trôi theo dòng xoáy của cuộc đời. Phàm phu chúng ta cái tâm vọng tưởng rất mạnh. Vì nó mạnh bạo nên rất khó điều phục. Tuy nó không hình tướng, nhưng nó có một sức mạnh dữ tợn lôi kéo chúng ta đi về hướng trầm luân sa đọa. Vì vậy mà trong các kinh, từ hệ tư tưởng Phật giáo nguyên thủy cho đến hệ tư tưởng Phật giáo Phát triển, không có kinh nào mà Phật không dạy chúng ta phải lấy giới luật làm đầu. Như đã nói, "**Giới, Định, Huệ**" là con

đường thẳng tắt mà tất cả hành giả đều phải đi qua. Đó là một lộ trình đưa hành giả đến đích giác ngộ và giải thoát. Ngoài lộ trình này ra, không còn có con đường nào khác. Dù hành giả tu bất cứ pháp môn nào, cũng phải đi theo con đường này. Vì đây là con đường mà chư Phật, Bồ tát đã đi qua. Điển hình như kinh này, đã nhiều lần Phật dạy chúng ta phải lấy giới luật làm thầy. Dù Phật có còn ở đời bao lâu đi chăng nữa, thì Phật cũng chỉ dạy như thế thôi. Vì có giữ giới thì tâm ta mới không buông lung phóng túng. Tâm không buông lung chạy theo trần cảnh, thì tâm sẽ được an định. Câu "chế chi nhứt xứ" là Phật dạy chúng ta phải tập trung tâm ý lại một chỗ. Khi đó tâm ta sẽ được an định. Đã có định thì đương nhiên là có huệ. Trong Kinh Pháp Bảo Đàn, trong Phẩm Định Huệ, Lục Tổ dạy là định huệ đồng thời. Không phải có định trước rồi huệ sau, như theo thứ lớp của Phật giáo Nguyên Thủy. Đức Lục Tổ dạy: Ngoài không dính mắc sáu trần là Thiền, Trong không loạn tưởng là Định. Không loạn, ở đây nói là tâm an trụ một chỗ. Nghĩa là không đi là đứng, không động là tịnh. Còn có tới có lui thì làm sao an định được? Cho nên bước đầu Phật dạy chúng ta là phải tinh tấn chế phục tâm mình. Có chế phục tâm mình không còn loạn động thì việc gì cũng xong. Nghĩa là khi đó chúng ta đã có trí huệ sáng suốt thì mọi việc đều thông suốt không còn gì có thể ngăn ngại chúng ta được nữa.

b. Đa Cầu Ẩm Thực Khổ

Kinh Văn:

Nhữ đẳng Tỳ kheo! Thọ chư ẩm thực đương như phục dược. Ư hảo ư ố, vật sanh tăng giảm, thú đắc chi thân dĩ trừ cơ khát. Như phong thái hoa, đản thủ kỳ vị, bất

5. Tăng thượng mạn: Chưa chứng được thánh đạo mà tự cho mình đã chứng.
6. Ty liệt mạn: Đối với người hoàn toàn hơn mình, tự thấy mình thấp kém mà sanh tâm tự cao.
7. Tà mạn: Làm những điều xấu ác khi được thành công, rồi ỷ vào đó mà sanh tâm tự cao.

Phật bảo chúng ta mỗi người hãy tự xoa đầu mình, đây là hình thức tự nhắc nhở mình. Mình là người bỏ hết mọi thứ với một con người mới, người của đạo pháp không còn là người của thế tục nữa. Là người của đạo pháp thì phải sống theo đạo pháp với hình thức là người xuất gia. Người xuất gia thì phải đầu tròn áo vuông, rạng rỡ của một Tăng tướng. Tổ Qui Sơn nói: "Đường đường Tăng tướng, diện mạo khả quan". Diện mạo là hình dáng bên ngoài của một vị Tăng hay Ni thật dễ xem. Đó là nói về tướng hảo của một ông thầy. Pháp phục của người xuất gia khác hơn người đời. Người xuất gia mặc áo hoại sắc. Hoại sắc tiếng Phạn gọi là Ca sa (kasapa), Trung Hoa dịch là hoại sắc. Vì muốn tránh năm sắc chánh là xanh, vàng, đỏ trắng và đen, nên người ta dùng những màu đã phá hư màu sắc chánh để nhuộm, gọi đó là hoại sắc. Đời sống của người xuất gia thời Phật cũng như các nước Phật giáo theo hệ phái Phật giáo Nam Tông (Nguyên Thủy) hiện nay, đều nuôi sống bằng cách đi khất thực. Nói nôm na là người đi xin ăn. Đã thế, thì còn gì để mà kiêu căng ngã mạn? Nếu có, thì đó chưa phải là người xuất gia tu hành chơn chánh. Tự thấy mình cái gì cũng cao, cũng tài giỏi hơn mọi người. Cống cao ngã mạn có nhiều cách: Cậy mình tài giỏi mà ngã mạn, cậy mình có quyền thế mà ngã mạn, cậy mình giàu có sang trọng mà ngã mạn, cậy mình học giỏi hơn người mà ngã mạn, cậy mình đẹp đẽ hơn người mà ngã mạn, cậy mình có bằng cấp cao mà ngã

b. Đối trị kiêu mạn

Tỳ kheo các ông! Phải tự vò đầu, đã bỏ những đồ trang sức tốt đẹp, mặc áo hoại sắc, mang bình bát để khất thực tự sống, nếu còn khởi tâm kiêu mạn phải mau diệt nó đi.

Tăng trưởng lòng kiêu mạn, kẻ thế tục bạch y còn không nên có huống gì người xuất gia vào đạo; vì mong cầu giải thoát nên tự hạ mình mà đi khất thực lại còn kiêu mạn hay sao?

Giảng Giải:

Nhữ đẳng Tỳ kheo, đương tự ma đầu, dĩ xả sức hảo, trước hoại sắc y, chấp trì ứng khí, dĩ khất tự hoạt, tự kiến như thị, nhược khởi kiêu mạn, đương tật diệt chi.

Tỳ kheo các ông! Phải tự vò đầu, đã bỏ những đồ trang sức tốt đẹp, mặc áo hoại sắc, mang bình bát để khất thực tự sống, nếu còn khởi tâm kiêu mạn phải mau diệt nó đi.

Kiêu mạn là một trong sáu món căn bản phiền não. Nó thuộc về tâm hành tiêu cực nặng. Nó có gốc rễ sâu dày, thật khó trừ khó đoạn. Tập khí này là con người ai ai cũng có. Kiêu mạn hay ngã mạn, tức tâm tự cao khinh người, theo Luận Câu Xá nêu ra có bảy thứ:

1. Mạn: đối với người thấp kém hơn mình khinh khi cho mình là hơn.
2. Quá mạn: Đối với người bằng mình, khinh khi cho mình là hơn.
3. Mạn quá mạn: Đối với người hơn mình, ngược lại khinh khi cho mình là hơn.
4. Ngã mạn: Đối với mình và vật sở hữu của mình mà sanh tâm khinh thị mọi người.

tổn hương sắc. Tỳ kheo diệc nhĩ, thọ nhơn cúng dường, thú tự trừ não, vô đắc đa cầu, hoại kỳ thiện tâm. Thí như trí giả, trù lượng ngưu lực, sở kham đa thiểu, bất linh quá phận, dĩ kiệt kỳ lực.

Dịch Nghĩa:

b. Khổ về tham cầu ăn uống

Tỳ kheo các ông! Thọ các thức ăn uống phải coi như uống thuốc, dầu ngon dầu dở cũng chớ sanh tâm lựa chọn, cốt để thân này trừ được đói khát. Như con ong hút mật, chỉ hút vị hoa chẳng làm hại đến hương sắc. Tỳ kheo cũng vậy, thọ người cúng dường cốt tự trừ khổ, không được cầu nhiều, làm thương tổn thiện tâm của người. Thí như kẻ trí, biết trù liệu sức trâu chở được bao nhiêu chẳng cho quá nặng làm nó kiệt sức.

Giảng Giải:

Nhữ đẳng Tỳ kheo! Thọ chư ẩm thực đương như phục dược. Ư hảo ư ố, vật sanh tăng giảm, thú đắc chi thân dĩ trừ cơ khát.

Tỳ kheo các ông! Thọ các thức ăn uống phải coi như uống thuốc, dầu ngon dầu dở cũng chớ sanh tâm lựa chọn, cốt để thân này trừ được đói khát.

Đoạn kinh văn này, Phật dạy chúng ta về vấn đề ăn uống. Ăn uống là một trong "Tứ khoái" của người đời. Tuy nhiên, đối với người tu nói chung, người xuất gia nói riêng, thì coi việc ăn uống như là uống thuốc. Xưa kia, thời Phật còn tại thế, Phật và các hàng thánh chúng chỉ đi khất thực để nuôi sống. Các Ngài ngày ăn một bữa, tối

ngủ dưới gốc cây (nhật trung nhứt thực, thọ hạ nhứt túc). Đời sống chỉ đi xin ăn, ai cúng gì thì ăn nấy. Tuyệt nhiên, không đòi hỏi thứ gì. Ngày ăn một bữa, nhưng cũng không được cất chứa để dành bất cứ thức ăn gì. Chỉ xin ăn của Đàn na tín thí dâng cúng, vừa đủ dùng một bữa đó thôi. Cho nên cái bát để đựng thức ăn gọi là Như Lai ứng lượng khí. Khí là đồ vật để dùng, ứng lượng là nên lường vừa đủ không quá dư thừa. Thế nên các Ngài còn được gọi là những vị khất sĩ. Chữ khất là xin ăn, trên xin giáo pháp của Phật để nuôi lớn "pháp thân huệ mạng"; dưới xin thức ăn của Đàn na thí chủ để nuôi xác thân tứ đại này. Sĩ là người, nghĩa đen của nó là trò. Khất sĩ là người xin ăn. Người xuất gia chúng ta gọi chung là khất sĩ. Ngoài ra, không còn gọi sĩ gì khác. Ngày nay, quý tăng ni trẻ có văn bằng học vị tiến sĩ, thường hay tự xưng mình là tiến sĩ. Xưng như thế, lại tự quên mình là kẻ khất sĩ. Phải nói thẳng đó là những con người còn háo danh thích lợi. Còn muốn hãnh diện khoe khoang với mọi người ta là tiến sĩ chớ không phải khất sĩ. Nhưng thực tế xét kỹ, người xuất gia trước sau gì cũng vẫn là khất sĩ đó thôi! Thử hỏi có vị tăng hay ni nào mà không xin thức ăn của Đàn na thí chủ hay không? Đức Phật ngày xưa là một vị hoàng Thái tử danh vị cao quý tột độ không ai bằng. Thế mà đức Phật từ bỏ tất cả để trở thành một người đi xin ăn. Ngài đi xin ăn từng nhà có xấu hổ chi đâu? Đó là biểu lộ một đời sống khổ hạnh. Một đời sống an lạc tự tại và giải thoát. Xin ăn là để dẹp trừ cái bản ngã cao ngạo đáng ghét của mình. Tu là phải dẹp trừ cái bản ngã. Tu mà còn ham mê danh vọng địa vị cao sang, quyền quí, thì đó chưa phải là người tu thứ thiệt. Không phải thứ thiệt thì đó là giả tu. Chỉ khoác lên mình chiếc áo nhà tu để tiện bề trục lợi. Hạng người như thế thì chư Tổ cho đó là "lạm xí tăng luân". Nghĩa là ở lẫn lộn trong tăng chúng làm bại hoại Tăng đoàn, chớ không

người có tu học Phật, thì ít nhiều gì cũng có sự giác ngộ. Đã giác ngộ mà còn nổi giận, thì rõ ràng chúng ta chưa thật sự giác ngộ. Người có chánh niệm là người sống có ý thức. Đã có ý thức cố nhiên là cơn giận khó có thể xảy ra. Vì họ luôn soi sáng từng vọng niệm của họ. Vọng niệm vừa dấy khởi là họ nhận diện biết rõ mặt mũi nó ngay. Lập tức họ liền chuyển hóa nó. Thế thì, nó đâu có cơ hội nổi lên. Đó là nói người tu kỹ, luôn quán chiếu nội tâm mình. Còn đối với những người tu hành hời hợt như chúng ta, thì khi đối cảnh xúc duyên, gặp nghịch cảnh thật khó mà nhẫn nhịn được! Cho nên, chúng ta cần phải thực tập chánh niệm thường xuyên, đừng đợi đến khi gặp nghịch cảnh không như ý muốn của mình, thì khó mà kềm chế cơn giận dữ. Tập khí giận nói chung, là những tâm hành tiêu cực chúng có một năng lượng rất hùng hậu mạnh bạo. Nếu chúng ta tu hành lôi thôi thì khó mà chế ngự được chúng lắm. Chế ngự còn khó, nói chi là tiêu diệt hay chuyển hóa chúng. Cho nên, mỗi người chúng ta cần phải tinh chuyên nỗ lực trong việc tu tập thì mới mong sớm được giác ngộ giải thoát vậy.

b. Đối Trị Kiêu Mạn

Kinh Văn:

Nhữ đẳng Tỳ kheo, đương tự ma đầu, dĩ xả sức hảo, trước hoại sắc y, chấp trì ứng khí, dĩ khất tự hoạt. Tự kiến như thị, nhược khởi kiêu mạn, đương tật diệt chi. Tăng trưởng kiêu mạn, thượng phi thế tục bạch y sở nghi, hà huống xuất gia nhập đạo chi nhân, vị giải thoát cố, tự giáng kỳ thân nhi hành khất da?

Dịch Nghĩa:

tự chế, sân du khả thử. Xuất gia hành đạo vô dục chi nhân, nhi hoài sân nhuế, thậm bất khả dã! Thí như thanh lãng vân trung, tịch tịch khởi hỏa, phi sở ưng dã.

Phải biết lòng sân còn hơn là lửa dữ, thường phải đề phòng, không cho nó xâm nhập. Giặc cướp công đức không gì hơn giận dữ. Người thế tục họ hưởng dục lạc, chẳng phải là người hành đạo, không biết pháp ngăn ngừa giận dữ, còn có thể tha thứ; người xuất gia học đạo không còn thọ hưởng dục lạc mà vẫn còn ôm lòng giận dữ, càng không thể được! Thí như trong lúc trời quang mây tạnh mà sấm chớp nổi lên là điều không thể có.

Lòng sân hận của con người còn hơn lửa dữ, nó bùng cháy dữ dội khác nào như hỏa diệm sơn. Cho nên ta thường phải đề phòng những cơn giận như lửa dữ bộc phát đó. Phật nói: "Giặc cướp công đức không gì hơn giận dữ". Người đời vì họ không biết tu hành, họ chỉ biết hưởng thụ những dục lạc thế gian, cho nên vấn đề ngăn ngừa phòng vệ những cơn giận dữ, đối với họ thật không phải dễ dàng. Phật nói đối với những hạng người thế tục này, nếu có giận dữ nổi lên, thì còn có thể tha thứ được, vì họ đâu có biết tu hành như chúng ta. Ngược lại, đối với những người xuất gia học đạo giác ngộ giải thoát mà vẫn còn ôm ấp chất chứa sân hận ở trong lòng, Phật cho đó là không thể chấp nhận được. Phật nêu ra một hình ảnh thí dụ như trong lúc trời quang mây tạnh mà lại có sấm chớp nổi lên, điều đó không thể có được. Trời có sấm chớp là khi nào trời chuyển cơn mưa. Cũng thế, khi ta nổi lên sân hận là phải có một duyên cớ nào đó, chớ không thể nào tự nhiên nổi giận khơi khơi. Chỉ có những người khùng điên mới nổi cơn thịnh nộ bất thường. Còn những người có chút tỉnh táo thì không ai làm như thế cả. Hơn nữa, là

phải là một vị tăng tu hành đàng hoàng đúng đắn. Nếu là người thật tu thì ta cảm thấy rất hổ thẹn khi nhận thức ăn của Đàn việt dâng cúng. Bởi vì xét lại đức hạnh của mình thật không xứng đáng thọ nhận của cúng dường như thế. Tổ Qui Sơn dạy: "Thọ dụng ân phồn thí lợi nông hậu". Nghĩa là thọ dụng càng nhiều thí chủ càng có lợi lớn. Trong khi đó mình kém giới đức mà thọ dụng nhiều thì sẽ bị tổn phước đó thôi!

Ngay cả ngon dở mà Phật còn bảo không nên sanh cái tâm phân biệt lựa chọn. Ăn chỉ cốt để nuôi thân tứ đại giả hợp này. Ăn để mà sống chớ không phải sống để mà ăn. Ăn để cho có sức khỏe mà nỗ lực gắng chí tu hành, chớ không phải ăn để cho phì da béo bổ. Càng béo bổ chừng nào thì chỉ càng chết sớm mà thôi. Người tu ngày nay, Tổ tạm phương tiện chế ra cho người xuất gia ăn ngày ba bữa, so với Phật và các vị thánh chúng thời xưa, mình đã cảm thấy hổ thẹn lắm rồi! Cho nên, khi ăn Tổ dạy chúng ta phải luôn khắc niệm năm điều quán tưởng. Tổ dạy người xuất gia khi thọ thực phải hằng nhớ đến công lao khó nhọc của người thí chủ. Họ đổ ra không biết bao nhiêu mồ hôi nước mắt mới có được thực phẩm dâng cúng cho mình. Thế thì, mình ăn phải nhớ đến công lao cực khổ của họ. Do đó, mỗi khi thọ trai ở quá đường (nhà xét lỗi) chúng ta đều có thầm tưởng "Tam đề và Ngũ quán" mà chư Tổ đã chế tác cho người xuất gia hành trì. Tam đề và năm phép quán này hầu hết chư Tăng, Ni đều thuộc nằm lòng. Ngay cả các Phật tử tại gia đến chùa thọ Bát quan trai, tập tu theo pháp hạnh của người xuất gia, vẫn phải học thuộc lòng. Thuộc lòng thì ai cũng có thể học được, nhưng thật hành theo những gì đã học, chính đó mới là điều rất khó. Cho nên khi ăn dù xuất gia hay tại gia cũng đều phải giữ chánh niệm. Thường sau khi thọ trai và tụng bài chú kiết trai

xong, tiếp theo là có bài phục nguyện, với mục đích là để nhắc nhở mọi người nhớ đến công ơn của thí chủ và sự tu hành. Tiêu biểu như hai bài phục nguyện sau đây:

Cơm ngày ba bữa ta ăn
Nhớ ơn thí chủ khó khăn nhọc nài
Thức ăn thọ dụng hằng ngày
Ân người canh tác, cấy cày khổ thân
Gắng công tu học chuyên cần
Trau dồi giới đức, Tăng thân "Lục hòa"
Chí thành niệm Phật Di Đà
Người người tinh tấn thiết tha tu hành
Nguyện cầu pháp giới chúng sanh
An bình lợi lạc đạo thành quả viên
Pháp giới nhơn thiên tề thành Phật đạo.

Hoặc bài:

Ân thí chủ Đàn na, ta ăn phải nhớ
Lời Tổ răn nhắc nhở cũng chớ có quên
Ân Thầy ân Tổ đáp đền
Ân Cha ân Mẹ trọn nên thân người
Gắng công tu học vẹn mười
Chí thành niệm Phật trọn đời an vui
Kỳ nguyện:
Hiện tiền đại chúng "Tam học" trang nghiêm
Cửu hữu tứ sanh câu mông giải thoát
Đàn na thí chủ công quả tứ phương lợi lạc tăng ích phước điền
Pháp giới nhơn thiên tề thành Phật đạo.

Như phong thái hoa, đản thủ kỳ vị, bất tổn sắc hương.

Như con ong hút mật, chỉ hút vị hoa chẳng làm hại đến hương sắc.

Thiền Sư Thích Nhất Hạnh, có đoạn ngài viết: "*Giả sử trong một gia đình mà hai cha con giận nhau. Giữa cha và con không còn có sự truyền thông. Cả hai cha con đều khổ và cùng mong thoát ra khỏi tình trạng bế tắc do giận hờn gây nên nhưng không biết phải làm thế nào.*

Một pháp môn tốt là một pháp môn có thể đem áp dụng vào đời sống hằng ngày và giúp chuyển hóa khổ đau. Khi buồn giận ta đau khổ như bị thiêu đốt trong địa ngục. Những lúc đó ta phải tìm tới những người bạn có tu tập để xin giúp đỡ, để học hỏi cách thức đối trị buồn giận, ganh tỵ, tuyệt vọng trong ta, hầu mong có thể chuyển đổi tình trạng".

Ở một đoạn khác, Thiền Sư viết: "*Theo lời Bụt dạy, điều kiện căn bản của hạnh phúc là tự do. Tự do đây không phải là tự do trong lãnh vực chánh trị mà là tự do khi không còn bị sân hận, kiêu căng, ghen ghét, tuyệt vọng, và si mê ràng buộc. Những tâm hành sân hận, kiêu căng, ghen ghét, tuyệt vọng, và si mê đó Bụt gọi là những chất độc. Khi tâm còn bị những chất độc đó chế ngự thì không thể nào có được hạnh phúc"* (hết phần trích dẫn).

Giận là một tâm hành tiêu cực, chính nó là nguyên nhân gây ra biết bao nhiêu cảnh khổ đau cho con người trên hành tinh này. Ngày nào mà lòng sân hận của con người chưa được chuyển hóa, thì ngày đó nhơn loại vẫn còn hứng chịu những quả bom tàn phá khủng khiếp. Chính nó là thủ phạm phá hoại những pháp lành như Phật đã nói.

Đương tri sân tâm thậm ư mãnh hỏa, thường đương phò hộ, vô linh đắc nhập. Kiếp công đức tặc, vô quá sân nhuế, bạch y thọ dục, phi hành đạo nhân, vô pháp

cả danh thơm tiếng tốt, đời này và đời sau người không *ưa thấy.*

Đoạn kinh văn này nối tiếp đoạn kinh văn trên. Ở trên Phật nói: Nếu ai không thể vui vẻ nhận lãnh những sự cay độc của lời mắng ác như uống nước cam lồ, thì không thể gọi là người trí huệ nhập đạo. Đặt vấn đề lý do vì sao? Vì tai hại của sự giận dữ sẽ phá hoại các pháp lành, danh thơm tiếng tốt, không những đời này mà còn những đời sau phải chịu quả báo không người ưa thấy. Một ngọn lửa sân nổi lên mà ta không khéo dập tắt, nó có thể đốt cháy cả khu rừng công đức của chúng ta. Người xưa có câu nói: "Nhẫn nhứt thời chi khí, miễn bá nhựt chi ưu". Nghĩa là, nhịn chỉ trong một hơi thở nhứt thời, thì khỏi phải lo sợ cả trăm ngày sau. Điều này là một sự thật. Nếu như ta không nhẫn nhịn được chỉ trong một hơi thở tích tắc, thì hậu quả mà ta gây ra sẽ không thể lường được. Có người vì một cơn tức giận nào đó mà xách súng bắn chết cả mấy mạng người. Anh em ruột, vì không kềm chế được cơn giận dữ mà người em ra tay dùng dao đâm chết người anh ruột của mình tại chỗ. Họ gây ra một án mạng kinh hồn. Cả xóm đều bàng hoàng sửng sốt như một cơn ác mộng vừa mới xảy ra. Hậu quả, người em phải ở tù chung thân. Mà ở tù chung thân thì có khác nào như chết chưa chôn. Thà rằng, chết đi mà nó không đau khổ bằng kéo dài sự sống. Cái đáng sợ nhứt là tòa án lương tâm của người gây án nó bám sát làm cho đau khổ ray rứt dằn vặt suốt cả cuộc đời.

Kinh nói: "Chỉ cần một niệm giận khởi lên, thì cả trăm ngàn cửa địa ngục mở ra" (nhất niệm sân tâm khởi, bách vạn chướng môn khai). Đó là tai hại của một cơn giận dữ không thể nào nói hết được. Trong tác phẩm "Giận" của

Phật nêu ra hình ảnh của con ong hút mật, nó chỉ biết hút mật nhụy hoa thôi, chớ không làm tổn hại đến hương sắc của hoa. Hình ảnh này để nói lên người xuất gia chúng ta khi thọ dụng của cúng dường, không nên thọ dụng nhiều mà làm cho người dâng cúng không vui. Khi vui thì họ cúng cho mình, lúc buồn mình làm phật ý họ, thì họ sẽ lôi ra kể lể và lên án kết tội mình đủ thứ. Ngày nay, phải nói trong hàng ngũ Tăng già cũng có những người thọ dụng quá đáng. Muốn người ta cúng dường cho mình nhiều thì mình phải tỏ ra như thế nào đó cho họ thương cảm sâu đậm với mình, bấy giờ họ mới thiết tha dâng cúng. Có người vì giả tu nên họ lợi dụng lòng tốt niềm tin của Phật tử mà khuyến khích thí chủ cúng dường. Phật tử cúng càng nhiều thì càng tốt. Phật tử mình thì thích cúng hơn là thích tu. Bởi vì cúng mới có phước nhiều. Người giả tu lợi dụng nhược điểm đó mà kêu gọi Phật tử cúng dường cho thật nhiều. Như thế có khác gì con ong kia đã làm tổn hại hương sắc của hoa. Đã hút hết mật ngọt của nhụy hoa rồi, lại còn làm cho hương sắc của hoa phải bị tổn hại rất lớn. Nếu là người thật sự tu hành thì không ai tán tận lương tâm như thế. Vì là lợi dụng chiếc áo nhà tu, nên họ bất chấp thủ đoạn, miễn sao có lợi thì làm, chẳng màng đến lương tâm đạo đức gì cả. Hạng người chỉ biết sống trên sự đau khổ của người khác thì thời nào cũng có. Nhất là trong xã hội nhiễu nhương loạn lạc vàng thau lẫn lộn hiện nay; một xã hội đạo đức suy vi, nhơn tâm ly tán, thì hạng người này lại càng xuất hiện rất nhiều. Thế nên, có người ngước mặt lên trời mà than thở với đấng cao xanh: "Đúng là thời pháp nhược ma cường, thời kỳ mạt pháp đó mà!" Một câu nói Mạt pháp là hết chuyện. Thật ra, Pháp không có mạt mà tại tâm con người quá đê mạt bỉ ổi thấp hèn đó thôi!

Tỳ kheo diệc nhĩ, thọ nhơn cúng dường, thú tự trừ não, vô đắc đa cầu, hoại kỳ thiện tâm.

Tỳ kheo cũng vậy, thọ người cúng dường cốt tự trừ khổ, không được cầu nhiều, làm thương tổn thiện tâm của người.

Phật quy kết lại, người xuất gia thọ dụng của tín thí cúng dường cốt để tu hành dứt khổ. Mình thọ dụng nhiều quá thì làm tổn thương thiện tâm của người. Nước giếng trong, xin đừng mút tới đáy nổi cặn cáu lên. Tôi thiết nghĩ, nếu như người xuất gia chúng ta học và làm theo lời Phật dạy trong kinh này, thì giới đức phẩm hạnh của người xuất gia sẽ tăng trưởng cao đẹp biết mấy. Như thế, mới thật xứng đáng làm ruộng phước cho người Phật tử tại gia gieo hạt giống phước điền. Nhưng ngặt gì cũng có người không tuân hành theo lời Phật dạy ở đây, nên mới gây ra tai tiếng trong vấn đề quyên góp tiền bạc. Thậm chí, có người khi kêu gọi quyên góp tiền bạc thì họ tuyên bố với mọi người là xây chùa chung cho mọi người có nơi chiêm bái hành lễ tụ tập, nói thế thì người ta mới phát tâm đóng góp nhiều. Đến khi quyên góp xây xong ngôi chùa khang trang rộng lớn đẹp đẽ rồi, thì họ lại nói đây là ngôi chùa riêng của họ, do họ là người đứng ra xây cất. Đó là một cách lừa đảo lường gạt qua mặt mọi người thật trắng trợn. Việc này đã xảy ra rất nhiều trong xã hội chúng ta. Nếu nói xây chùa riêng cho mình thì thử hỏi có con ma nào đóng góp cho mình không? Phải nói xây chùa chung cho cộng đồng thì người ta mới cực lực hết lòng đóng góp. Vì người ta nghĩ đó là của chung, nhưng khi hoàn thành rồi thì lại là của riêng.

Ngoài việc xây dựng chùa to Phật lớn ra, có người còn đầu tư kinh doanh về việc mua bán đất đai nữa. Việc này

Trong cuộc đời này, người nào muốn được an ổn, và nhất là có được hạnh phúc an vui, tất cả đều không ngoài một chữ "NHẪN".

Xưa kia, trên bước đường hành hóa, đức Phật cũng gặp không ít những chướng duyên thử thách gây ra. Ngoại đạo họ tìm đủ mọi phương cách để hãm hại đức Phật. Nào là độn bụng chửa, rồi vu oan giá họa cho Phật; nào là chôn xác chết của một thiếu nữ trong khu vườn ở tinh xá Kỳ Hoàn, rồi họ mọi xác chết lên chở thi thể đi khắp nơi rêu rao bêu xấu nhằm triệt hạ uy tín đức Phật và Tăng đoàn. Nhưng mọi việc đều bị bại lộ bất thành và cuối cùng, họ phải nhận lấy quả báo đau khổ. Đúng là ác lai ác báo nhãn tiền. Gieo nhân nào thì gặt hái quả đó. Nhân quả như vang theo tiếng, như bóng theo hình. Cho nên mọi hành động và lời nói, chúng ta phải hết sức cẩn thận.

Có lần, đức Phật ôm bát đang đi khất thực, có một vị Bà la môn chận đường đức Phật lại và ông ta mắng chửi thóa mạ đức Phật. Bấy giờ, đức Phật vẫn ôn tồn nhỏ nhẹ hỏi ông ta: "Khi ông đem một món quà biếu cho người khác, người đó không nhận, vậy thì món quà đó về ai?" Ông khéo hỏi, thì về tôi chớ về ai. Phật nói, cũng vậy, nãy giờ ông chửi mắng ta, ta đâu có nhận, vậy thì có phải nó về ông không? Vị Bà la môn đó nghe Phật nói, cảm thấy rất xấu hổ rồi âm thầm lặng lẽ bỏ đi. Còn biết bao nhiêu những trường hợp mà người ta gây ra hãm hại đức Phật, nhưng cuối cùng, tự họ chuốc lấy quả báo mà chính do họ đã gây ra.

Sở dĩ giả hà? Sân nhuế chi hại tắc phá chư thiện pháp, hoại hảo danh văn; kim thế, hậu thế nhân bất hỷ kiến.

Vì sao? Vì hại của giận dữ sẽ phá hoại các pháp lành và

Ta vẫn là ta của thuở nào
Cơm nhà bàn phiếm chuyện tào lao
Thương cho những kẻ tâm nham hiểm
Đốt trời chẳng cháy phỏng tay mau

Ta vẫn là ta của thuở nào
Cuộc đời hỗn độn lẫn vàng thau
Chấp chi lời nói cho thêm khổ
Xét mình vui đạo chẳng hề nao!

Ta vẫn là ta của thuở nào
Chuyện mình, mình biết chẳng xôn xao
Khi thương trái ấu cho tròn trịa
Lúc ghét bồ hòn cũng méo đau!

Khi nói đến nhẫn nhục, người ta cũng không quên lời răn dạy của các bậc Thánh Hiền:

"Muốn cho trên dưới hòa
Lấy chữ NHẪN làm đầu
Vua với tôi nhẫn nhịn
Thế nước được giữ gìn
Cha với con nhẫn nhịn
Giữ vẹn được đạo nhà
Chồng với vợ nhẫn nhịn
Con cái khỏi bơ vơ
Anh với em nhẫn nhịn
Gia đình khỏi hư hại
Bè bạn nhẫn nhịn nhau
Tình nghĩa chẳng nhạt phai
Tự mình nhẫn nhịn được
Ai nấy đều mến yêu".

đã và đang xảy ra mà người ta đã nêu đích danh để đàm tiếu phê phán. Phải nói thời này là thời pháp nhược ma cường, người thật tu để được giác ngộ giải thoát thì ít, mà người đội lốt giả thầy tu thì nhiều. Vẫn biết, "mía sâu có đốt, nhà dột có nơi", ta không nên quơ đũa cả nắm mà mang trọng tội. Người ta thường nói: "Oan có đầu, nợ có chủ". Người nào làm thì người đó chịu. Tuy nhiên, cũng có câu nói: "Con sâu làm rầu nồi canh". Một người làm xấu cả bọn mang nhơ, một người làm tốt cả bọn được nhờ. Tốt lá tốt nem, tốt em tốt chị, trái lại, xấu lá xấu nem, xấu em xấu chị. Trong một đoàn thể, nếu một người xé rào làm những việc bất chánh, thì ít nhiều gì đoàn thể đó cũng phải bị ảnh hưởng mang tai tiếng chung. Đó là cộng nghiệp hay cộng biểu không thể tránh khỏi. Biệt nghiệp gây ra của mỗi cá nhân xấu hoặc tốt đều có tác động ảnh hưởng đến cộng nghiệp. Cho nên, sống trong một đoàn thể, cố nhiên mỗi cá thể cần nên có ý thức chung. Không nên vì sự lợi ích cho riêng mình mà làm tổn hại thanh danh cho đoàn thể. Chữ Sangha phiên âm là Tăng già là một đoàn thể tu học lớn. Đã là Tăng đoàn thì dù thời Phật hay thời nay cũng thế. Chẳng qua chỉ khác nhau về phương diện tu chứng đó thôi. Tăng đoàn ngày nay, tuy có thích nghi với thời đại mới, thời đại được mệnh danh là 5.0, nhưng có đôi khi chúng ta đã đi quá trớn quá đà. Đi quá xa với thời đại của đức Phật. Chúng ta có quyền cải cách làm mới đạo Phật, điều đó không có gì là tội lỗi. Bởi đạo Phật phải luôn luôn khế cơ, nhưng bên cạnh đó vẫn không thể xa rời khế lý. Nếu đánh mất khế lý thì bản chất giác ngộ của đạo Phật không còn. Nói một cách khác, ta có quyền tùy duyên tạo ra nhiều phương tiện thích nghi với mọi căn cơ thời đại, nhưng vẫn phải giữ cho được tính chất bất biến của nó. Không nên để biến chất mất đi bản chất giác ngộ và giải thoát. Nếu không được như thế, thì

ta sẽ trở thành những kẻ lai căn mất gốc, không còn là đạo Phật nguyên chất nữa. Đó là điều mà không ai có thể chối cãi phủ nhận được. Dĩ nhiên, sự mất gốc này có nhiều lý do, và có nhiều sự biện minh khác nhau. Nhưng dù có biện minh dưới bất cứ hình thức nào, thiết nghĩ, cũng không thể nào che giấu đôi mắt của thiên hạ được. Vì thực trạng trong một số chùa chiền ngày nay đã có quá nhiều tai tiếng thị phi về những việc làm sai trái, đi ngược lại với chánh pháp. Điều này là một sự thật hiển nhiên, một sự thật quá đau lòng và quá phũ phàng cho những ai còn ưu tư tha thiết với tiền đồ Phật giáo!

Thí như trí giả, trù lượng ngưu lực, sở kham đa thiểu, bất linh quá phận, dĩ kiệt kỳ lực.

Thí như kẻ trí, biết trù liệu sức trâu chở được bao nhiêu chẳng cho quá nặng làm nó kiệt sức.

Phật lại nêu ra một hình ảnh thí dụ cụ thể nữa, đó là hình ảnh của một con trâu, đừng nghĩ nó là trâu mà chúng ta bắt nó phải chuyên chở quá nặng nề làm cho nó phải bị kiệt sức. Hình ảnh này Phật nhắc nhở chúng ta không nên tham cầu quá lớn. Phải biết lượng sức khả năng con trâu chuyên chở. Nếu cho nó chở đồ vật nặng quá tải, thì nó sẽ bị kiệt sức mà ngã quỵ. Cũng thế, sự thọ dụng của vị Tỳ kheo nói riêng, nói chung là người xuất gia phải biết lượng vừa đủ. Không nên vì lòng tham lam mà lạm dụng của cúng dường. Đó là một hành vi trái với hạnh nguyện của người xuất gia. Có người kinh doanh thương mãi đất đai không khác người đời. Xin lỗi, đôi khi còn hơn người đời. Nếu kinh doanh vì lo cho đại chúng có nơi tu học đàng hoàng, hoặc vì lợi ích chung cho một đoàn thể tổ chức, không vì tư lợi bỏ túi riêng, thì việc làm này đáng được tùy hỷ khích lệ tán dương. Bằng ngược lại, thì đó là

kịp thời và phản ứng rất chậm. Họ còn phải đắn đo suy tư tìm cách an nhẫn cho qua chuyện. Họ ý thức rằng:

"Có tài phải chịu cái tai
Nếu mình ngu dại có ai nói gì
Ngày nào chẳng có thị phi
Tai không nghe đến cũng thì như không
Nhiều nước thì mới thành sông
Nhiều người phỉ báng mới nên công tu hành".

Hoặc là:

Tu hành học đạo phải bền tâm
Lập chí kiên gan nhẫn nhục thầm
Mặc thế cười chê ai nhạo báng
Vui mùi kinh kệ nín như câm
Cho hay chữ Nhẫn là cao thượng
Giận tức làm chi phải khổ tâm
Này hỡi ai ơi! mau lượng xét
Tu hành học đạo phải bền tâm

Nhân lúc cảm hứng, tôi cũng có làm bài thơ nói về "Thị Phi". Thơ rằng:

Ta vẫn là ta của thuở nào
Mặc người đàm tiếu chẳng động dao
Thị phi hoa rụng trong cơn gió
Bão táp phong ba chẳng lọt vào

Ta vẫn là ta của thưở nào
Sá gì miệng thế nói thấp cao
Khen chê là chuyện như cơm bữa
Chỉ xét lại mình chẳng buồn đau

ta không thể nào xem những lời cay độc mắng nhiếc chửi bới đó là như uống nước cam lồ được. Ngoại trừ những bậc đã chứng đạo. Như Ngài Vĩnh Gia Huyền Giác đã nói trong Chứng Đạo Ca, Trong Thi Ca thứ 13 Ngài nói:

"Tùng tha báng nhậm tha phi
Bả hỏa thiêu thiên độ tự bì
Ngã văn kháp tợ ẩm cam lộ
Tiêu dung đốn nhập bất tư nghì"

Dịch Nghĩa:

Tốt và xấu nhà nhà đều có
Thị với phi chốn chốn "hưởng" đồng nhau
Mặc tăng khen, mặc phỉ báng đừng nao
Họ tự bỏng, bằng ngọn lửa đốt trời trong tay họ
Lời phỉ báng, nghe như ru, như gió thoảng
Ngọt như cam lồ, mát tợ xuân phong
Tìm đâu ra! Bực bội với u sầu
Nó tan biến trong cảnh giới "bất tư nghì" giải thoát.
(Như Huyễn Thiền Sư)

Chuyện thị phi hằng ngày đều có, không ai tránh khỏi. Điều quan trọng là khi nghe ta phản ứng như thế nào? Ta có xem đó ngọt như nước cam lồ, và mát tợ gió xuân hay không? Hay là khi nghe ta đùng đùng nổi giận xung thiên, quyết sống chết ăn thua với nhau mới hả dạ. Đó là tâm lý thường tình của con người. Ngoại trừ những người có sức huân tu khá, tập khí tham, sân, si của họ tương đối không còn mạnh bạo hung tợn nữa. Do đó, mỗi khi nghe ai đó mắng nhiếc chê bai, nói xấu, thay vì "tam bành lục tặc" của họ nổi lên, nhưng họ lại kềm chế

một hình thức kinh doanh thương mãi tư lợi, không thể chấp nhận được. Thế thì, còn gì là một người khất sĩ chân chánh? Người ta phê bình chê cười mình không phải là hoàn toàn vô căn cứ. Cố nhiên là do mình làm sai trái với hạnh nguyện tu hành giác ngộ giải thoát, nên người ta mới phê phán như vậy. Nếu nghĩ sâu xa hơn, chính họ là người Thiện hữu tri thức của mình để mình thức tỉnh mà sửa sai. Như vậy, thiết nghĩ, mình nên cảm ơn họ mới phải. Đó là con người khéo biết tự trọng và ý thức được vai trò trọng trách của người xuất gia. Tuyệt đối, mình không có một chút ganh tỵ hay kỳ thị buồn giận họ, mà trái lại phải mang ơn họ, vì nhờ họ phê bình vạch trần chỉ lỗi mà mình mới sửa đổi và thăng tiến trên bước đường tu tập vậy.

Kinh Văn:

c. Giải Đãi Thùy Miên Khổ

Nhữ đẳng Tỳ kheo! Trú tắc cẩn tâm tu tập thiện pháp, vô linh thất thời, sơ dạ, hậu dạ, diệc vật hữu phế; trung dạ tụng kinh, dĩ tự tiêu tức, vô dĩ thụy miên nhân duyên linh nhất sanh không quá, vô sở đắc dã?

Đương niệm vô thường chi hỏa thiêu chư thế gian. Tảo cầu tự độ, vật thụy miên dã. Chư phiền não tặc, thường tứ sát nhân, thậm ư oan gia. An khả thụy miên, bất tự cảnh ngộ? Phiền não độc xà, thùy tại nhữ tâm, thí như hắc nguyên, tại nhữ thất thụy. Đương dĩ trì giới chi câu, tảo bính trừ chi. Thụy xà ký xuất, nãi khả an miên. Bất xuất nhi miên, thị vô tàm nhân. Tâm si chi phục, ư chi trang nghiêm, tối vi đệ nhất. Tàm như thiết câu, năng chế nhân phi pháp. Thị cố Tỳ kheo thường đương tàm si, vô đắc tạm thế. Nhược ly tàm si, tắc thất chi công đức.

Hữu quý chi nhân, tắc hữu thiện pháp. Nhược vô quý giả, dữ chư cầm thú, vô tương dị dã.

Dịch Nghĩa:

c. Khổ về biếng nhác ngủ nghỉ

Tỳ kheo các ông! Ngày thì chuyên tâm tu tập thiện pháp không nên để mất thời giờ; đầu hôm và gần sáng, cũng chớ có bỏ bê; giữa đêm tụng kinh để tự tiêu tức, không vì nhân duyên ngủ nghỉ khiến cho một đời luống qua, chẳng được một sự gì!

Phải nghĩ đến ngọn lửa vô thường thiêu đốt cả thế gian mà phải sớm cầu tự độ, chớ nên ngủ nghỉ. Các thứ giặc phiền não thường rình rập giết người còn hơn là oan gia, đâu nên ngủ nghỉ không tự thức tỉnh? Con rắn độc phiền não ở trong tâm các ông, chẳng khác nào con hắc nguyên đang ở trong thất của ông mà ngủ vậy. Các ông phải sớm dùng móc sắt trì giới đuổi trừ nó, khi con rắn ra rồi, mới có thể yên giấc. Nếu nó chưa ra mà các ông ham ngủ, ấy là người không biết hổ thẹn. Áo mặc hổ thẹn, đối với các thứ trang sức, rất là hơn hết. Hổ thẹn ví như móc sắt có thể ngăn dứt được sự phi pháp của người. Thế nên Tỳ kheo thường phải biết hổ thẹn, không được tạm bỏ. Nếu xa lìa hổ thẹn, thì mất các công đức.

Người có hổ thẹn thì có thiện pháp, nếu người không biết hổ thẹn cùng với những loài cầm thú không khác chút nào vậy.

Giảng Giải:

Nhữ đẳng Tỳ kheo! Trú tắc cần tâm tu tập thiện pháp, vô linh thất thời, sơ dạ, hậu dạ, diệc vật hữu phế; trung

với các Ngài cả. Chúng ta là những người đang tập tu theo cái công hạnh của các ngài, mà nhẫn nhục như các ngài thì thú thật chưa có ai dám làm nổi. Ngoại trừ các vị Bồ tát dám hy sinh vì tất cả mọi người. Như thời gian tranh đấu năm 1963, đó là thời kỳ pháp nạn của Phật giáo, thì có Bồ tát Thích Quảng Đức đã tự thiêu thân, đánh động lương tâm của nhà cầm quyền đương thời dưới chế độ Ngô triều và lương tâm của cả thế giới. Sau đó lại có thêm các vị Bồ tát khác tự thiêu, các Ngài hy sinh xả thân vì đại nghĩa. Các vị Bồ tát này đã được phong thánh tử vì đạo. Đó quả thật là một sức mạnh của tinh thần đầy dũng cảm và thể hiện một khí chất quá cao thượng tuyệt vời.

Nhược kỳ bất năng hoan hỷ nhẫn thọ ác mạ chi độc như ẩm cam lộ giả, bất danh nhập đạo trí huệ nhân dã.

Nếu ai không thể vui vẻ nhận lãnh những sự cay độc của lời mắng ác như uống nước cam lồ, thì không thể gọi là người trí huệ nhập đạo.

Lời Phật dạy đây, đối với hàng sơ cơ hạ liệt, sức nhẫn nại chưa được bao nhiêu, thì quả thật rất khó thật hành. Ta nên nhớ rằng, đây là những lời Phật dạy cho các Thầy Tỳ kheo thuộc hàng Thánh chúng đương hội. Đối với các Ngài thì việc nhẫn nhục với những lời cay độc mắng nhiếc hạ nhục là chuyện tầm thường. Các Ngài dù có nghe qua thì cũng chẳng khác nào như uống nước cam lồ. Bởi vì các vị này đã chứng quả A la hán, đâu còn có "Kiến, Tư" hoặc phiền não nữa, mà các Ngài sân hận. Các Ngài có đầy đủ trí huệ sáng suốt, đâu còn phiền não tham, sân, si như chúng ta. Cho nên việc nhẫn nại đối với các lời nói thô ác cố ý mạ nhục, các Ngài không có quan tâm tới. Lúc nào các Ngài cũng hoan hỷ vui vẻ. Còn đối với chúng ta thì sao? Chúng

Câu Tiễn vẫn phải kiên nhẫn nếm phẩn, ông vua này nếm phẩn ông vua kia. Đúng là, sỏi thất thế bị "hũ lô" đè nhẹp, cỏ hết thời bị "lục lộ" dẫy ban. Có như thế thì vua Ngô mới không nghi ngờ. Đó là một tuyệt chiêu của khổ nhục kế. Chính do hai quan trung thần Phạm Lãi và Văn Chủng bày ra. Cuối cùng, Câu Tiễn đã trả được mối thù và Ngô Phù Sai vì không nghe lời can gián của Ngũ Tử Tư, một trung thần ái quốc hiếm có, nên đành phải chịu bị bại trận. Chỉ vì đắm mê sắc đẹp của Tây Thi, bị trúng mỹ nhân kế của Phạm Lãi, nên Ngô Phù Sai phải bị nước mất nhà tan.

Đến trường hợp Châu Văn Vương cũng thế. Châu Văn Vương khi bị vua Trụ bắt giam vào lao ngục ở Vũ Lý, ông biết rằng Bá Ấp Khảo là con mình, nhưng vì chữ hiếu muốn cứu mình mà phải bị vua Trụ giết chết, rồi bầm thịt làm mắm đem cho Châu Văn Vương ăn. Biết đó là ăn thịt con mình, nhưng vì giang sơn xã tắc nhà Châu mà ông phải cắn rang nhẫn nại ăn thịt con mình. Đó là sức mạnh của nhẫn nhục, quả that sau này nhà Châu nắm quyền cai trị và nhà Thương bị diet vong. Sức mạnh của chữ Nhẫn nó không nằm ở cơ bắp của con người, mà nó nằm ở trong cái trí não của con người. Đó mới that sự là sức mạnh của nhẫn nhục. Cái nhẫn đó, suy ra cũng chỉ vì quyền lợi cá nhân và tương lai của đất nước. Đó cũng là một sự nhẫn nhục mang tính ích kỷ, nhưng vẫn hơn kẻ tầm thường vô trí một bậc. Ngược lại, nhẫn nhục của người tu hành chơn chánh thì có khác. Nhẫn của người tu hành chơn thật là nhẫn không có ích kỷ mang ý mưu đồ trục lợi.

Họ nhẫn là vì chí khí dám xả thân vì đại cuộc. Đó là cái nhẫn dũng cảm của các bậc thánh nhân. Đó là cái nhẫn vẻ vang oai hùng của chư vị Bồ tát. Vì Bồ tát là những người đã thật sự đạt đạo, chứng ngộ được chân lý của vũ trụ, nên đối với việc nhẫn nhục, thì không có gì là khó khăn đối

dạ tụng kinh, dĩ tự tiêu tức, vô dĩ thụy miên nhân duyên linh nhất sanh không quá, vô sở đắc dã?

Tỳ kheo các ông! Ngày thì chuyên tâm tu tập thiện pháp không nên để mất thời giờ; đầu hôm và gần sáng, cũng chớ có bỏ bê; giữa đêm tụng kinh để tự tiêu tức, không vì nhân duyên ngủ nghỉ khiến cho một đời luống qua, chẳng được một sự gì!

Lời Phật dạy thật là chí tình thống thiết, chẳng khác nào như người cha già dạy dỗ thổ lộ can trường để nhắc nhở những đứa con thơ. Ngài chỉ dạy khuyên bảo chúng ta phải chuyên tâm tu tập pháp lành, không nên để thời giờ trôi qua một cách vô ích. Ngày đêm phải nỗ lực siêng năng tấn tu đạo nghiệp, phải phân định thời gian thích hợp để hành trì. Là người xuất gia ta không nên lười biếng chểnh mảng tìm cớ ngủ nghỉ, đó chỉ là chuốc lấy sự sa đọa cho ta mà thôi!

Để khích lệ người tu thường hành tinh tấn, trong Kinh Bát Đại Nhơn Giác (tám điều giác ngộ của bậc Đại Nhơn) đức Phật có dạy: "Giải đãi trụy lạc, thường hành tinh tấn, phá phiền não ác, tồi phục Tứ ma, xuất ấm giới ngục". Đây là bài kinh "Giác Tri" thứ tư. Có nghĩa là, lười biếng sẽ bị sa đọa trầm luân. Thế nên hành giả phải luôn chuyên cần tinh tấn tu hành mới có thể phá trừ được phiền não và hàng phục bốn con ma (thiên ma, phiền não ma, ngũ ấm ma và tử ma) ra khỏi ngục tù năm ấm (sắc, thọ, tưởng, hành, thức) và ba cõi (dục giới, sắc giới và vô sắc giới). Cần nói rõ, chánh tinh tấn được chế tác bởi những chất liệu Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh tín và những niềm vui hoan hỷ. Nếu tinh tấn mà thiếu những chất liệu này, thì sự tinh tấn đó chỉ là một việc làm gắng gượng cho qua lệ chớ không được lợi lạc gì lắm. Thí như đến giờ đi thiền hành, không

ai bắt buộc, mà ta vẫn tự động hăng hái đi một cách an vui thoải mái. Vì ta ý thức được việc làm đó mang lại cho ta những niềm an vui hạnh phúc. Đó mới thật sự là tinh tấn tự phát. Một thí dụ khác, như quý Phật tử tại gia, đi đến chùa thọ bát quan trai mỗi chủ nhật hằng tuần như ở chùa Quang Minh Melboure – Úc Châu chẳng hạn, đâu có ai bắt buộc họ, nhưng họ vẫn tới chùa thọ bát đều đều hằng tuần, vì sao? Vì họ thấy đi thọ bát có niềm vui và lợi lạc, được học hỏi chánh pháp, đồng thời, họ có lập trường giữ vững niềm tin kiên định vào Tam bảo và nhân quả. Thế nên, họ thường xuyên đến đạo tràng thọ bát tu học là vậy. Đó là vì họ có một động lực tinh tấn thúc đẩy họ rất mạnh.

Trong Kinh Pháp Cú ở Phẩm "Không Buông Lung", Pháp cú 29, đức Phật cũng dạy: "Tinh tấn giữa đám người buông lung, tinh tấn giữa đám người mê ngủ, kẻ trí như con tuấn mã thẳng tiến bỏ lại sau lưng con ngựa gầy hèn". Qua lời dạy của Phật đây, mỗi người chúng ta thử kiểm điểm lại mình, mình là con tuấn mã (loại ngựa đua giỏi, không con nào chạy đua hơn nó) hay là con ngựa gầy hèn. Chắc đa số chúng ta đều là những con ngựa gầy hèn. Đã gầy mà còn hèn nữa. Hai chữ "Gầy hèn" nói ở đây, có nghĩa là chúng ta không chịu siêng năng cần mẫn tinh tấn tu hành. Vì ngựa gầy hèn không thể chạy đua nổi sánh với những con ngựa khỏe mạnh tinh nhuệ chạy giỏi khác.

Trên bước đường tu hành, ta thử nhìn lại từ chư Phật, Bồ tát đến những vị Tổ Sư của chúng ta, có vị nào không tinh tấn tu hành mà đắc thành đạo quả hay không? Hay tất cả các Ngài đều phải trải qua những gian lao khổ hạnh, phải phấn đấu nỗ lực tinh tấn chuyên cần, mới có thể vượt qua mọi khó khăn nguy nan thử thách, và mới đạt thành đạo quả. Như đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni của chúng ta, sau

Duyên xưa đưa đến cùng chiêm ngưỡng
Đại Phật vách cao nguyện hết lòng
Nhớ đến người xưa công tạo dựng
Chí thành bái phục Pháp Hải Thông.

(*) Vì tượng Phật có đá màu hồng đỏ ửng.

Nhẫn chi vi đức, trì giới, khổ hạnh sở bất năng cập. Năng hành nhẫn giả, nãi khả danh vi hữu lực đại nhân.

Công đức của Nhẫn, trì giới, khổ hạnh không thể sánh kịp. Người tu hạnh Nhẫn, mới gọi là người có sức mạnh.

Phật nói, công đức của nhẫn, trì giới, khổ hạnh, không thể sánh kịp. Câu này Phật nêu ra ba vấn đề mà ta cần lưu ý. Hai chữ công đức nó đi liền với nhẫn, trì giới và khổ hạnh. Nghĩa là công đức của nhẫn, công đức của trì giới và công đức của khổ hạnh. Công đức của nhẫn như đã nói ở trên. Nhẫn nhục là một sức mạnh mãnh liệt chớ không phải là yếu kém hèn nhát. Ở thế gian, có lắm người vì thời thế nên họ phải cam tâm nhẫn nại để chờ đợi thời cơ. Như Hàn Tín hạ mình lòn trôn nơi giữa chợ bị một đám côn đồ thách thức. Nếu như Hàn Tín không nhẫn nhịn được nhứt thời, thì sẽ không có Hàn Tín phò Lưu Bang đánh bại Hạng Võ sau này. Và cũng không có được quyền uy vang danh một thuở.
Người đời họ nhẫn nhục bề ngoài nhưng bên trong họ ngầm chứa sự trả thù hận mãnh liệt trong đó. Trường hợp như Việt Vương Câu Tiễn chẳng hạn. Trong lúc sa cơ thất thế, bị Ngô Phù Sai đánh bại, nên nghe lời Phạm Lãi và Văn Chủng, phải cam tâm nhẫn nại nằm gai nếm mật để chờ thời cơ trả thù. Thậm chí, lúc Ngô Phù Sai bị bệnh mà

duyên thử thách khá nặng nề.

Số là, các ông quan địa phương họ tìm đủ mọi cách làm khó dễ không cho ngài thực hiện ý định. Chỉ với một lý do đơn giản là họ muốn ngài phải đút lót tiền bạc cho họ. Ngài bảo cho họ biết, tiền bạc thì tôi không có, tôi chỉ có cặp mắt sang này, nếu như các ông cần đến, thì tôi sẵn sang hiến tang cho. Nói xong, ngài móc đôi mắt đưa cho các ông quan đó. Những vị này thấy thế đều kinh hồn khiếp đảm, họ không dám đòi hỏi gì nữa cả. Họ để yên cho ngài thực hiện". Thật quả là một nghĩa cử hy sinh vị tha phi thường. Từ đó, ngài song trong cảnh mù lòa. Ngài quyết định thực hiện cho kỳ được công trình kiến tạo tượng Phật. Hành động nghĩa cử phi thường này, nếu không phải là Bồ tát thứ thiệt thì không một ai có thể làm được.

Nhân cảnh này, tôi có làm hai bài thơ để kỷ niệm với danh đề là "Cảm Tác Đại Phật". Thơ rang:

Lững lờ tàu chạy giữa con song
Gió mát trời quang ngắm Phật hồng (*)
Đại Phật ngự cao trên vách núi
Dưới tàu ngước mắt ngưỡng vọng trông
Nhiều người chết đuối nơi song vang
Quyết chí vì dân tạo Phật hồng
Thử hỏi ai người nêu chí ấy?
Thưa rang: Tăng sĩ Pháp Hải Thông.

***

Phật nhìn ngó xuống ngã ba song
Cứu thoát người dân chết giữa dòng
Nỗi khổ Ta bà sao nói hết
Động lòng bi nguyện tạo Phật hồng

khi vượt thành xuất gia, Ngài phải mất thời gian mười một năm, năm năm tầm đạo và sáu năm tu khổ hạnh, rồi đến 49 ngày ngồi dưới cội cây bồ đề, tư duy quán chiếu, đi sâu vào thiền định, cuối cùng, mới chứng thành Phật quả. Tất cả đều do sức chuyên cần tinh tấn mà nên.

Trong bài thuyết pháp đầu tiên của đức Phật ở vườn Lộc Uyển, Phật nói pháp Tứ diệu đế để độ cho năm anh em Kiều Trần Như, trong phần Đạo đế, ta thấy rải rác trong đó Phật luôn đề cập đến năng lực tinh tấn. Vì tinh tấn rất quan trọng trong việc tu hành. Nói một cách khẳng định rằng, tu hành mà thiếu đức tinh tấn, thì sẽ không tựu thành đạo quả gì cả. Thành con ma lười biếng sa đọa thì có. Cho nên Phật nói: "Một đời luống qua, chẳng được một tích sự gì!" Thế nên, tu hành muốn đạt thành đạo quả, thì hành giả phải luôn nỗ lực chuyên cần tinh tấn tu tập mới có thể đạt thành sở nguyện vậy.

Đương niệm vô thường chi hỏa thiêu chư thế gian, tảo cầu tự độ, vật thụy miên dã.

Phải nghĩ đến ngọn lửa vô thường thiêu đốt cả thế gian, mà phải sớm cầu tự độ, chớ nên ngủ nghỉ.

Vô thường, Phật nói, nó như là ngọn lửa thiêu đốt cả thế gian. Ngọn lửa vô thường cháy đến đâu thì thiêu rụi tàn hoại đến đó. Nó không chừa một ai cả. Vì nó là một định luật tất yếu chi phối tất cả không một vật nào thoát khỏi. Lớn như quả địa cầu, nhỏ như hạt bụi li ti cũng không tránh khỏi. Nhìn lại thân ta và cảnh vật chung quanh ta thì ta sẽ thấy rất rõ điều đó. Đối với thân thể ta, vô thường nó chuyển biến thay đổi từng sát na sinh diệt. Chính vì nó thay đổi nhanh chóng quá mà ta không thể nhìn ra đó thôi.

Cho nên, trong Bồ tát giới đức Phật có nói: "Sắc trẻ không dừng, dường như ngựa chạy. Mạng người vô thường, mau hơn nước dốc, ngày nay dầu còn, khó bảo đảm được ngày mai". Lời dạy này, Phật nêu ra một hình ảnh thật hết sức cụ thể của sự chuyển biến vô thường nhanh chóng. Mới ngày nào còn trẻ trung đẹp đẽ, thế rồi, không mấy chốc thì lại xấu xí già yếu tàn phai. Nào là má cóp, da nhăn, răng rụng, mắt lờ, tai điếc, lưng mỏi, gối dùn v.v... Thời gian qua nhanh dường như ngựa chạy. Mạng người sống chết như trở bàn tay hay mau hơn nước dốc. Nước từ trên dốc cao chảy xuống rất nhanh. Nói thế, để diễn tả sự vô thường trôi qua rất nhanh như chớp mắt. Xét kỹ, mạng sống của con người thay đổi nhanh chóng còn hơn nước dốc. So sánh như thế để chúng ta ý thức mà tỉnh giác lo tu. Nếu chúng ta còn lần lựa chần chờ thì một mai cơn vô thường đến, chừng đó ôi thôi! Ăn năn hối hận không còn kịp nữa! Cho nên mới nói: "Ngày nay dầu còn, khó bảo đảm được ngày mai". Mua một món hang máy móc ở shop điện tử, người ta còn có cho mình bảo đảm thời hạn, còn như mạng song này ai dám bảo đảm cho ta?! Sớm thấy còn, chiều lại mất không hay. Nói chi sớm chiều, chỉ cần phút trước phút sau là đã hóa ra người thiên cổ ngàn thu vĩnh biệt rồi!

Phật lại dạy tiếp: "*Đại chúng mỗi người nên nhứt tâm cần cầu tinh tấn, chớ being nhác trễ lười, phóng túng ngủ nghỉ. Ban đêm phải nhiếp tâm niệm Phật tham thiền, chớ để thời gian luống qua vô ích, mà sau này phải ăn năn. Đại chúng mỗi người nên nhứt tâm cung kính y theo giới này như pháp tu hành cần nên học tập*".

Ta hãy chiêm nghiệm lời Phật dạy, mà mỗi người tự ý thức và phải tự lo cứu thoát lấy mình. Những trận thiên

như cũ. Thế là các bộ phận thân thể hoàn lại y nguyên như cũ.

Đó là một câu chuyện mang tính huyền thoại để nói lên và nêu cao hạnh nhẫn nhục của Bồ tát hạnh. Phải thành thật mà nói, qua lời Phật dạy trên, mặc dù là giả thuyết thôi, chỉ có Bồ tát thứ thiệt mới có thể thật hành như thế. Bởi vì các ngài đã thấy rõ ngũ uẩn giai không, duyên sanh như huyễn, thì còn cái gì nữa mà vọng chấp, mà luyến tiếc! Cho nên người ta xin cái gì thì các ngài cho cái nấy. Xin đầu cho đầu, kể cả xin những gì trong cơ thể của các ngài thì các ngài cũng đều cho cả. Còn đối với phàm phu chúng ta, vì chưa thấy được ngũ uẩn giai không, duyên sinh như huyễn, thì làm sao dám cho như thế được? Chỉ có Bồ tát thứ thiệt mới có thể hoan hỷ nhẫn nhục như thế mà thôi.

Tôi lại nhớ thêm một câu chuyện nữa, nói về sự nhẫn nhục Ba la mật này. Năm 2004, trong chuyến hành hương tham quan Tứ đại danh sơn Trung Quốc, do cố đại lão Hòa thượng Tổ Đình Phước Huệ, thượng Phước hạ Huệ hướng dẫn. Khi đến tham quan chiêm bái tượng Đại Phật ở Lạc Sơn, chúng tôi được nghe câu chuyện do người địa phương kể lại: Người đứng ra chủ trương quyên góp xây dựng tượng Đại Phật này là Hòa thượng Pháp Hải Thông. Chuyện kể rằng: "Theo truyền thuyết, xưa kia, nơi đây là chỗ hợp lưu của ba con sông, người dân chuyên sống về nghề chài lưới đánh bắt cá thường bị chết đuối nơi đây, vì nước xoáy mạnh ghe thuyền hay bị chìm đắm. Bởi do thảm cảnh tang thương tử vong nhiều người, động lòng từ bi trắc ẩn của nhà tu hành, nên Hòa thượng Pháp Hải Thông liền phát đại nguyện tạo tạc tượng đại Phật để cầu nguyện cho dân chúng khỏi bị chết đuối. Nhưng khi ngài phát nguyện định khởi công làm, thì lại bị một chướng

tai xảy ra hang ngày, như trận động đất vừa qua ở Miến Điện, that là khủng khiếp, đã gây ra thiệt hại nặng nề về vật chat và sinh mạng con người. Nhiều ngôi chùa đã bị sụp đổ tan vỡ từng mảnh vụn, và rất nhiều ngôi nhà cũng bị đổ nát tan tành. Hằng ngàn người đã bị tử vong đã tìm được xác, còn không biết bao nhiêu người đã bị chôn vùi sâu trong đống gạch vụn mà vẫn chưa tìm thấy. Thật là một cảnh tượng hãi hùng khiếp đảm; một thảm cảnh tang thương bi đát, một họa hại tai ương mà không ai có thể ngờ trước được. Vô thường là thế đó! Sống hôm nay có ai dám bảo đảm được ngày mai không? Hay là:

"*Dép dưới giường lên giường vội biệt*
Sống ngày nay ai dễ biết được ngày mai?
Mạng người hô hấp kinh thay
Nghĩ cơn vĩnh biệt tuyền đài mà đau!"

Đúng là mạng con người sống chết chỉ trong một hơi thở tích tắc mà thôi.

Viết đến đây, tôi lại nhớ đến nhạc phẩm "Cát Bụi Cuộc Đời". Nhạc phẩm này đã được phổ cập khắp nơi và hầu hết người ta đều yêu thích nó. Vì bài hát hàm chứa một nội dung về đạo lý vô thường của cuộc đời rất thâm trầm sâu sắc. Có người tuy không rành về nhạc lý lắm, nhưng vì quá yêu thích lời văn và ý nghĩa của nó, nên họ cũng ca hát nghêu ngao để tự thức nhắc lấy mình. Nhân đây, Tôi xin mạn phép tác giả được sao chép lại nguyên văn bản nhạc để mọi người cùng suy nghiệm. Được biết nhạc phẩm này là của tác giả Hà Sơn.

Này bạn thân ơi! Số kiếp nhân sinh chỉ là cõi tạm trần gian.

buông thả lòng sân thì tự ngăn chánh đạo, mất công đức.

Trong sáu pháp Lục độ của Bồ tát tu có một pháp gọi là Nhẫn nhục Ba la mật. Nghĩa là nhẫn nhục một cách hoàn hảo không hối tiếc. Ba la mật xưa dịch là đáo bỉ ngạn, tức đến bờ bên kia, nay dịch là hoàn hảo. Nhẫn nhục chưa hoàn hảo nghĩa là sự nhẫn nhục đó chưa có trọn vẹn. Ở đây, Phật dạy, giả như có người đến cắt đứt mỗi phần thân thể của chúng ta, lúc đó ta phải nhiếp tâm và không được nổi sân hận giận tức họ. Không phải nhẫn ở nơi tâm ý không thôi mà còn phải nhẫn ở nơi miệng, không được thốt ra lời nói ác. Vì không nhẫn được như thế nên hành giả tự ngăn chánh đạo và mất công đức.

Việc nhẫn nhục này, theo truyền thuyết nói rằng, tiền thân của đức Phật Thích Ca Mâu Ni, có một thời Ngài tu theo đạo tiên ở trên núi và phát nguyện tu hạnh nhẫn nhục. Khi đó, ông vua Ca Lợi dẫn theo một đám tùy tùng du ngoạn trên núi. Bỗng gặp vị tiên nhơn, đám tùy tùng xúm lại ngồi nghe vị tiên nhơn thuyết giảng. Bấy giờ họ say sưa nghe giảng nên quên mất không đi theo nhà vua. Khi nhà vua trở lại, ông ganh tức nổi trận lôi đình, muốn hạ nhục vị tiên nhơn này. Nhà vua liền hỏi:

* Ông tu hạnh gì?
* Tôi tu hạnh nhẫn nhục.
* Nếu ông that sự tu hạnh nhẫn nhục, vậy ta cắt đứt từng bộ phận thân thể của ông ra xem ông có sân hận không?
* Tôi đã phát nguyện tu hạnh nhẫn nhục, nhà vua có chặt đứt thân thể tôi ra từng mảnh nhỏ, thì tôi cũng không nổi giận.
* Nhà vua liền sai quân hầu chặt đứt thân thể của ông. Khi đó ông liền nói nếu như tôi thật tâm thật hành hạnh nhẫn nhục, thì cho các phần thân thể của tôi hoàn lại

Dù anh và tôi, ai sang giàu, ai gian khó.
Mai sau kiếp con người về với cát bụi mờ, thì cũng đều đôi tay trắng.
Đời là phù du, ta sống hôm nay đâu biết về ngày mai sau.
Hãy dành cho nhau bao nhiêu niềm vui đang có.
Không ganh ghét hận thù, chẳng gian dối lọc lừa, vì kiếp người sẽ vội qua...
Người ơi! Hãy nhớ ta là cát bụi.
Sẽ trở về cát bụi, thì xin đừng toan tính thiệt hơn.
Đời như thoáng mơ, được mất ta đâu ngờ.
Hỏi ai có bao giờ không trở về cát bụi đâu?
Cuộc đời là bao, hãy mến thương nhau, với bằng tất cả con tim.
Để rồi một mai khi ta lìa xa nhân thế.
Không lo lắng ưu buồn, chẳng tiếc nuối muộn phiền, chuyện thế sự nơi trần ai...

Đúng là văn dĩ tải đạo. Nội dung của bài hát chứa đựng một nguồn giáo lý sâu xa về ý nghĩa vô thường của đạo Phật. Như nhắc nhở con người ta phải nhớ đến cuộc đời này, rốt lại, chẳng còn gì cả. Tuy nhiên, ta cũng đừng quên bài thơ hay bài kệ của Thiền sư Mãn Giác đời Lý:

Xuân khứ bách hoa lạc
Xuân đáo bách hoa khai
Sự trục nhãn tiền quá,
Lão tùng đầu thượng lai
Mạc vị xuân tàn hoa lạc tận
Đình tiền tạc dạ nhất chi mai

Tạm dịch:

Xuân đi trăm hoa rụng
Xuân đến trăm hoa cười

a. Đối trị giận dữ

Tỳ kheo các ông! Giả như có người đến cắt đứt mỗi mỗi thân phần, phải tự nhiếp tâm không để sân hận, và cũng phải gìn giữ ở nơi miệng chớ thốt ra lời nói ác. Nếu buông thả lòng sân thì tự ngăn chánh đạo, mất công đức. Công đức của Nhẫn, trì giới, khổ hạnh không thể sánh kịp. Người tu hạnh Nhẫn, mới gọi là người có sức mạnh.

Nếu ai không thể vui vẻ nhận lãnh những sự cay độc của lời mắng ác như uống nước cam lồ, thì không thể gọi là người trí huệ nhập đạo. Vì sao? Vì hại của giận dữ sẽ phá hoại các pháp lành và cả danh thơm tiếng tốt, đời này và đời sau người không ưa thấy.

Phải biết lòng sân còn hơn là lửa dữ, thường phải đề phòng, không cho nó xâm nhập. Giặc cướp công đức không gì hơn giận dữ. Người thế tục họ hưởng dục lạc, chẳng phải là người hành đạo, không biết pháp ngăn ngừa giận dữ, còn có thể tha thứ; người xuất gia học đạo không còn thọ hưởng dục lạc mà vẫn còn ôm lòng giận dữ, càng không thể được! Thí như trong lúc trời quang mây tạnh mà sấm chớp nổi lên là điều không thể có.

Giảng Giải:

Nhữ đẳng Tỳ kheo! Nhược hữu nhơn lai tiết tiết chi giải, đương tự nhiếp tâm, vô linh sân hận, diệc đương hộ khẩu, vật xuất ác ngôn. Nhược túng nhuế tâm, tắc tự phương đạo, thất công đức lợi.

Tỳ kheo các ông! Giả như có người đến cắt đứt mỗi mỗi thân phần, phải tự nhiếp tâm không để sân hận, và cũng phải gìn giữ ở nơi miệng chớ thốt ra lời nói ác. Nếu

không có gì mà qua mặt được nhân quả cả. Nhân quả như là một tấm gương luôn chiếu sáng không một vật gì mà có thể thoát khỏi tấm gương đó. Lưới trời lồng lộng nhưng không lọt một ai. Nhân quả như là con mắt "Thần" luôn theo dõi mọi lời nói, hành động và suy nghĩ của chúng ta.

II. Tam Thừa Cộng Học

1. Đối trị Phiền não

a. Đối trị sân hận

Kinh Văn:

Nhữ đẳng Tỳ kheo! Nhược hữu nhơn lai tiết tiết chi giải, đương tự nhiếp tâm, vô linh sân hận, diệc đương hộ khẩu, vật xuất ác ngôn. Nhược túng nhuế tâm, tắc tự phương đạo, thất công đức lợi. Nhẫn chi vi đức, trì giới, khổ hạnh sở bất năng cập. Năng hành nhẫn giả, nãi khả danh vi hữu lực đại nhân.

Nhược kỳ bất năng hoan hỷ nhẫn thọ ác mạ chi độc như ẩm cam lộ giả, bất danh nhập đạo trí huệ nhân dã. Sở dĩ giả hà? Sân nhuế chi hại tắc phá chư thiện pháp, hoại hảo danh văn; kim thế, hậu thế nhân bất hỷ kiến.

Đương tri sân tâm thậm ư mãnh hỏa, thường đương phò hộ, vô linh đắc nhập. Kiếp công đức tặc, vô quá sân nhuế, bạch y thọ dục, phi hành đạo nhân, vô pháp tự chế, sân du khả thử. Xuất gia hành đạo vô dục chi nhân, nhi hoài sân nhuế, thậm bất khả dã! Thí như thanh lãng vân trung, tịch tịch khởi hỏa, phi sở ưng dã.

Dịch Nghĩa:

Việc đời qua trước mắt
Trên đầu già đến rồi
Đừng tưởng xuân tàn hoa rụng hết
Đêm qua sân trước một cành mai

Nội dung của bài thơ vừa nhắc nhở chúng ta về lý vô thường sinh diệt, nhưng nó còn nói lên một điều rất quan yếu đó là: "Đừng nghĩ rằng, xuân tàn hoa rụng hết, đêm qua sân trước một cành mai". Hoa mai tuy rụng hết, nhưng cành mai kia vẫn còn. Nghĩa là, Thiền sư muốn ngầm thức nhắc chúng ta rằng, trong cái vô thường sinh diệt, nó lại hàm chứa một thực thể bất sinh bất diệt. Thực thể này nó vượt ra ngoài phạm trù thời gian và không gian. Chớ nếu nó không còn gì hết thì chúng ta tu học để làm gì? Nếu không có cái thực thể vô hình vô tướng, bất sinh bất diệt, thì làm sao ta tu hành thành Phật được? Vì có chánh nhân Phật tánh, nên chúng ta tu đúng hướng chân lý thì sẽ đạt được kết quả tốt đẹp như ý muốn vậy.

Chư phiền não tặc, thường tứ sát nhân, thậm ư oan gia, an khả thụy miên, bất tự cảnh ngộ?

Các thứ giặc phiền não thường rình rập giết người còn hơn là oan gia, đâu nên ngủ nghỉ không tự thức tỉnh?

Ngoài vấn đề vô thường ra, đức Phật còn dạy chúng ta phải nên đề cao cảnh giác bọn giặc phiền não, chúng luôn rình rập âm thầm giết người còn hơn oan gia tương báo. Đã thế, thì làm sao chúng ta lại có thể đam mê ngủ nghỉ mà không chịu tỉnh ngộ để chóng lo tu hành? Đó là lời Phật vừa khuyến nhắc và cũng vừa sách tấn chúng ta. Tại sao phiền não mà Phật gọi chúng là giặc? Bởi vì chính chúng là nguyên nhân gây ra làm cho chúng ta đau khổ. Chúng nó chỉ có phá hoại chớ chẳng đem lại lợi lạc gì cho

chúng ta cả. Cho nên gọi chúng là giặc. Chúng nó tuy nhiều, nhưng tóm lại có ba thứ độc tố rất nguy hiểm, đó là **THAM, SÂN, SI**, ba thứ này trong các kinh điển thường gọi chúng là "Tam Độc". Rắn độc chỉ có thể giết chết một mạng người, còn những thứ này không những chỉ giết chết một mạng người mà chúng còn giết chết không biết bao nhiêu mạng người. Và cũng chính chúng nó làm cho cả thế giới loài người sống không có ngày nào được an ổn.

Những cuộc chiến tranh tàn khốc ác liệt đẫm máu đã giết chết không biết bao nhiêu sinh mạng con người và phá hoại tan nát tất cả tài sản của quần chúng nhân dân. Tất cả cũng đều do ba thứ độc hại này gây ra. Cho nên Phật gọi nó là giặc cũng bởi vì lý do đó. Cả nhơn loại đều chịu chung trong cộng nghiệp thiên tai ách nạn, rồi còn phải chịu cảnh nhơn tai chiến tranh do con người gây ra, Đó là hai thứ cộng nghiệp mà xưa nay con người phải gánh chịu. Sống trong thảm cảnh đau thương như thế, mà người ta vẫn chưa chịu thức tỉnh hồi đầu. Họ vẫn còn tiếp tục gây ra cảnh chiến tranh tàn khốc ác liệt người giết chết người, chỉ có con người mới giết chết đồng loại mà thôi! Điển hình như cuộc chiến tranh giữa Iran và Israel (Do Thái) vừa mới bùng nổ đánh nhau dữ dội đã gây ra thiệt hại rất nặng nề. Họ chiến đấu với nhau không sử dụng bằng lực lượng quân đội hùng hậu, mà chỉ đánh nhau bằng những tên lửa (hỏa tiễn tầm xa) đột phá nổ tung giết người một cách chính xác. Chỉ trong vòng một đêm mà Israel đã bắn hỏa tiễn giết chết 30 mạng người. Họ là những khoa học gia và những nhà lãnh đạo quân sự của Iran đã bị tử vong vì những tên lửa này. Chiến tranh ngày nay không còn là chiến tranh quy ước như xưa mà người ta chỉ ngồi tại chỗ phóng nã tên lửa mà thôi. Giống

thau lẫn lộn, cũng có lắm người họ ngụy trang giả đạo đức để họ tiện bề trục lợi. Ta nên lưu ý, là giả đạo đức chớ không phải đạo đức giả. Vì đã là "đạo đức" thì không thể nói giả được, mà phải nói đúng là giả đạo đức. Kẻ giả đạo đức họ ngụy trang bề ngoài khó biết. Họ sử dụng trang bị tất cả những mánh lới thủ đoạn tinh vi nhà nghề để lừa gạt thiên hạ. Những ai là người nhẹ dạ cả tin thì dễ bị mắc mưu họ lừa đảo gạt gẫm lắm. Trong xã hội hiện nay, họ lừa đảo lường gạt đủ mọi hình thức mánh khóe bịp bợm gian xảo. Không khéo, thì chúng ta dễ bị lầm lẫn và bị họ dẫn dắt chúng ta đi vào con đường mê tín dị đoan. Họ móc hết ruột gan tài sản của chúng ta mà chúng ta không hề hay biết. Cuộc đời này đầy dẫy ma giáo, tìm một con người chân thật hiền lương cũng không phải dễ tìm. Có lắm người bề ngoài thấy họ tu hành dữ lắm, nhưng kỳ thật bên trong là chứa cả một bồ dao găm. Kinh nghiệm cho thấy, ta không nên đánh giá con người bằng hình thức bề ngoài, mà hãy nhìn thật kỹ về tác phong đạo đức của họ. Dù họ có ngụy trang giả dối dưới bất cứ hình thức nào, cây kim trong bọc thì cũng có ngày lòi ra. Nhưng chờ cây kim lòi ra, thì chúng ta cũng đã bị họ lừa gạt móc hết túi tiền rồi. Chi bằng ta phải vận dụng trí huệ quán sát tường tận hành vi đạo đức của họ là hơn. Người xưa thường nói: "Tâm ư trung, xuất hành ư ngoại". Nghĩa là trong lòng suy nghĩ toan tính như thế nào, thì dù có giữ kỹ che giấu kín đáo đến đâu, nó cũng hiện bày ra bên ngoài mà thôi. Lời nói và hành động của con người giả trá lường gạt, trước sau gì nó cũng hiển lộ cái chân tướng nguyên hình đó thôi. Qua mắt một người thì dễ, nhưng làm sao qua mắt được cả thiên hạ? Cho nên tốt nhất là ta phải nghe theo lời Phật dạy, mà nên đối xử với nhau thật lòng. Nhất là đối với người Phật tử là con của đấng Giác Ngộ. Đó là con người thật sự có đạo đức và tình người. Ta nên nhớ rằng,

như họ đấu phép với nhau như mình đọc truyện Phong Thần ngày xưa vậy. Con người càng chế tạo vũ khí tối tân tinh vi chừng nào thì càng giết chết nhiều mạng người chừng nấy. Biết đến bao giờ con người mới chịu thức tỉnh hồi đầu để cùng chung sống trong cảnh thái bình an lạc. Chỉ có khi nào cả nhơn loại đều không còn làm nô lệ cho ba độc tố "Tham, Sân, Si", thì ngày đó con người mới thực sự sống chung trong cảnh hòa bình. Hòa bình không ở đâu xa mà nó ở trong lòng của mỗi con người chúng ta.

Phiền não độc xà, thùy tại nhữ tâm, thí như hắc nguyên, tại nhữ thất thụy. Đương dĩ trì giới chi câu, tảo bính trừ chi. Thụy xà ký xuất, nãi khả an miên.

Con rắn độc phiền não ở trong tâm các ông, chẳng khác nào con hắc nguyên đang ở trong thất của ông mà ngủ vậy. Các ông phải sớm dùng móc sắt trì giới đuổi trừ nó, khi con rắn ra rồi, mới có thể yên giấc.

Ở trên, Phật nói, phiền não là giặc, ở đây, Phật lại nói phiền não là loại rắn độc. Con rắn độc phiền não này tất cả chúng ta đều có. Đã là rắn độc như loại rắn hổ mang chẳng hạn, khi nó cắn mà không cứu chữa kịp thời thì chỉ có nước chết mà thôi. Hắc nguyên là loại rắn cực độc hơn, nó đang ngủ trong thất của mình, thì hãy mau trừ khử nó, bằng không thì nó sẽ cắn hại mình. Cũng thế, muốn cho các loại rắn cực độc phiền não không còn ở trong tâm mình nữa, thì chúng ta cần phải lấy "móc sắt trì giới" để đuổi trừ nó đi. Khi nào nó ra khỏi phòng rồi, thì chừng đó chúng ta mới thực sự ngủ an lành ngon giấc. Cũng vậy, khi nào rắn độc phiền não trong tâm chúng ta không còn, thì chừng đó chúng ta mới thực sự an lạc giải thoát. Tuy nhiên, muốn trừ khử các loại rắn độc phiền não này, thiết nghĩ, chúng ta cũng phải cần biết qua và nhận diện chúng

Nói rõ hơn là chúng ta khéo biết giữ gìn ba nghiệp thân, khẩu, ý thanh tịnh. Cho nên có hổ thẹn là chúng ta có trì giới. Vì thế, mà Phật bảo chúng ta phải thường xuyên mặc chiếc áo hổ thẹn này không được rời ra. Vì sao? Chính vì hổ thẹn nên chúng ta mới cố gắng siêng năng tu tạo cho mình có thêm nhiều điều phước trí. Mặc vào chiếc áo hổ thẹn này, cố nhiên là chúng ta không còn gây tạo những điều ác nghiệp nữa. Chỉ cần mặc nó thường xuyên là chúng ta đã có được Niết bàn hiện thực rồi. Đó là công đức lớn lao cao cả tuyệt vời của chiếc áo hổ thẹn này.

Hữu quý chi nhân, tắc hữu thiện pháp. Nhược vô quý giả, dữ chư cầm thú, vô tương dị dã.

Người có hổ thẹn thì có thiện pháp, nếu người không biết hổ thẹn cùng với những loài cầm thú không khác chút nào vậy.

Tu hành mà không biết hổ thẹn thì sao gọi là người tu? Vì có hổ thẹn nên chúng ta mới không dám làm những điều sái quấy. Mà không làm những điều sái quấy, đó mới chỉ là tiêu cực thôi. Chỉ ác là tốt nhưng cần phải hành thiện. Mà tu tạo pháp lành là nhờ có biết hổ thẹn. Bằng không, thì Phật cho đó không khác gì với loài cầm thú. Vì loài cầm thú, chúng đâu có biết hổ thẹn. Thế nên, chúng không có đạo đức như con người. Ngược lại, con người không có đạo đức thì đâu có hơn gì loài cầm thú. Cầm là loại có cánh bay lượn trên không trung. Còn thú là loài vật có bốn chân và chỉ đi trên mặt đất liền. Cho nên người có hổ thẹn, cũng chính là người có đạo đức. Nếu không có đạo đức chân thật thì chưa phải là con người. Sở dĩ loài người hơn tất cả các loài vật khác là vì loài người có đạo đức và biết tàm quý. Khi nói đến đạo đức của con người thì ta phải hiểu đó là thứ đạo đức chân thật. Vì ở cõi đời này vàng

nó một cách rõ ràng. Không nhận rõ bộ mặt thật của chúng thì làm sao chúng ta có thể tiêu trừ chúng được? Trong kinh thường nêu ra có hai loại phiền não một gốc, một ngọn hay chi mạt. Phiền não gốc (căn bản) gồm có 6 thứ: **Tham, Sân, Si, Mạn, Nghi, Ác kiến**. Từ Ác kiến người ta chia chẻ nhỏ ra làm năm thứ: **Thân kiến, Biên kiến, Tà kiến, Kiến thủ kiến và Giới cấm thủ kiến**. Cộng chung lại thành mười thứ. Năm thứ phiền não (tập khí) gốc, còn gọi là Ngũ độn sử. Vì sự hoạt động của nó rất chậm lụt. Còn năm thứ sau, có tên là Ngũ lợi sử. Vì sự hoạt động của nó lanh lợi và nhẹ hơn năm thứ trước. Nói cách khác, năm món phiền não căn bản, vì rễ nó ăn sâu trong lòng đất nên chúng khó trừ khó đoạn. Như các loại rễ cỏ chỉ, cỏ cú v.v... Còn năm món sau, tức ngũ lợi sử chúng nó thuộc loại rễ bàng nên dễ trừ dễ đoạn. Phiền não còn gọi là Kiết sử. Kiết là trói buộc, sử là sai khiến. Năm thứ trước thuộc về "Tư hoặc" tức mê Sự. Năm món sau thuộc về "Kiến hoặc", tức mê Lý. Mê lý có nghĩa là nghe theo những tà thuyết ngoại đạo, khi nhận thức rõ về lý nhân quả báo ứng rồi, thì những sự tin tưởng vô lý tà kiến, tà thuyết kia sẽ không còn. Cho nên nói nó dễ trừ dễ đoạn là thế. Còn mê sự thì cội gốc của nó rất sâu dày, từ đời vô thỉ kiếp tới nay, hễ có mặt mình là có nó. Cho nên nó còn có tên gọi là Câu sanh hoặc hay Bản hữu chủng tử.

Ngoài mười thứ này ra, còn có hai mươi món nữa, gọi chúng là Tùy phiền não hay chi mạt phiền não. Hai mươi món tùy phiền não gồm có: "**Phẫn, Hận, Phú, Não, Tật, San, Cuống, Siễm, Hại, Kiêu, Vô tàm, Vô quý, Trạo cử, Hôn trầm, Bất tín, Giải đãi, Phóng dật, Tán loạn, Thất niệm, Bất chánh tri**". Cộng chung lại tất cả gồm có 30 thứ. Ba mươi thứ phiền não nặng, nhẹ này đều là những thứ khuấy động làm cho tâm ta luôn luôn bất an.

Muốn cho tâm ta được an lạc, thì phải mau trừ khử chúng.

Bất xuất nhi miên, thị vô tàm nhân. Tâm si chi phục, ư chi trang nghiêm, tối vi đệ nhất. Tàm như thiết câu, năng chế nhân phi pháp.

Nếu nó chưa ra mà các ông ham ngủ, ấy là người không biết hổ thẹn. Áo mặc hổ thẹn, đối với các thứ trang sức, rất là hơn hết. Hổ thẹn ví như móc sắt có thể ngăn dứt được sự phi pháp của người.

Phật quở chúng ta nếu như các con rắn độc phiền não này chưa ra khỏi phòng mà chúng ta vẫn còn ham mê ngủ nghỉ, Phật nói đó là người không biết hổ thẹn. Hổ thẹn là nghĩa của hai chữ tàm quý. Nói mê ngủ, tức ám chỉ cho vô minh tối tăm. Muốn không còn mê ngủ là phải mau thức dậy. Thức dậy là tỉnh thức là giác ngộ. Nếu như ta vẫn còn ngoan cố nuôi dưỡng phiền não trong tâm, thì quả thật ta là người vô trí và không có đức tánh tàm quý. Phật nói, trong các đồ trang sức, chỉ có chiếc áo hổ thẹn mới đáng để cho chúng ta mặc vào mà thôi. Ngoài ra không có chiếc áo nào khác đẹp hơn và trang trọng hơn chiếc áo này. Vì sao? Ta hãy lắng nghe Phật dạy tiếp:

Thị cố Tỳ kheo thường đương tàm si, vô đắc tạm thế. Nhược ly tàm si, tắc thất chi công đức.

Thế nên Tỳ kheo thường phải biết hổ thẹn, không được tạm bỏ. Nếu xa lìa hổ thẹn, thì mất các công đức.

Vì khi mặc vào chiếc áo hổ thẹn này thường xuyên, thì chẳng khác nào chúng ta trang bị cho mình một cái móc sắt giới luật để có thể ngăn ngừa mọi việc làm phi pháp.